**CÂU HỎI ÔN TÂP TRẮC NGHIỆM (NĂM 2020)**

**Môn: Lịch sử 12 (Chương trình cơ bản)**

1. **LỊCH SỬ THẾ GIỚI (1945 – 2000)**

**Câu 1.(1)** Tháng 2-1945 Hội nghị Ianta diễn ra với sự tham dự của 3 nguyên thủ quốc gia, đại diện cho các cường quốc nào sau đây

1. Anh, Pháp, Mĩ. B. Liên Xô, Anh, Mĩ.
2. Trung Quốc, Mĩ, Anh. D. Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc.

**Câu 2.(2)** Hội nghị Ianta (2-1945) đã đề ra những quyết định quan trọng, **ngoại trừ** việc

1. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
2. thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
3. thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.
4. thiết lập trật tự thế giới hai cực Ianta do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.

**Câu 3.(1)** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), các cường quốc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở

1. châu Á, châu Phi. B. châu Phi, châu Mĩ.
2. châu Á, châu Âu. D. châu Âu, châu Phi.

**Câu 4.(2)** Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai được dựa trên

1. quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
2. quyết định của Hội nghị Xan Phranxixcô cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
3. quyết định của Hội nghị Pốtxdam cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
4. quyết định của Hội nghị Giơnevơ cùng những thỏa thuận của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

**Câu 5.(2)** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), việc chiếm đóng các vùng lãnh thổ ở phía Đông nước Đức, các nước Đông Âu và phía Bắc Triều Tiên được giao cho quân đội

1. Mĩ. B. Liên Xô.
2. Anh. D. Pháp.

**Câu 6.(2)** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), việc chiếm đóng các vùng lãnh thổ ở phía Tây nước Đức, các nước Tây Âu và phía Nam Triều Tiên được giao cho quân đội các nước

1. Mĩ, Anh, Pháp. B. Liên Xô, Trung Quốc.
2. Liên Xô, Mĩ, Anh. D. Trung Hoa Dân quốc, Anh.

**Câu 7.(2)** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), vĩ tuyến 38 sẽ lấy làm ranh giới chia cắt

1. hai vùng Đông Đức và Tây Đức. B. hai miền Nam - Bắc Việt Nam.
2. hai miền Triều Tiên. D. Trung Quốc lục địa và đại lục.

**Câu 8 (thuộc chương trình nâng cao).(3)** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), nước Đức sau chiến tranh sẽ phát triển theo hướng

1. tồn tại hai nhà nước với hai chế độ chính trị.
2. một quốc gia thống nhất, hòa bình, dân chủ và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
3. một quốc gia độc lập, thống nhất, dân chủ và trung lập.
4. một quốc gia, hai chế độ chính trị.

**Câu 9.(1)** Nguyên thủ đại diện cho ba cường quốc tham dự Hội nghị Ianta (2-1945) là

1. Rudơven, Xtalin, Sớcsin. B. Xtalin, Clemăngxô, Rudơven.
2. Sớcsin, Xtalin, Aixenhao. D. Xtalin, Giônxơn, Sớcsin.

**Câu 10.(3)** Quyết định nào của Hội nghị Pốtxđam (8 - 1945) đã tạo nên khó khăn cho tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

1. Giao cho quân đội Anh và quân đội Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương.
2. Quân đội Mĩ vào Đông Dương giải giáp quân Nhật.
3. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
4. Quân đội Anh, Mĩ, Pháp chiếm đóng Đông Dương.

**Câu 11.(2)** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), các vùng còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của

1. các nước Anh, Đức. B. các nước Liên Xô, Mĩ.
2. các nước Nhật Bản, Trung Quốc. D. các nước phương Tây.

**Câu 12.(2)** Theo thỏa thuận tại Hội nghị Pốtxđam (8 - 1945), quân đội Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật từ

1. Nam vĩ tuyến 17 trở vào. C. Bắc vĩ tuyến 17 trở ra.
2. Nam vĩ tuyến 16 trở vào. D. Bắc vĩ tuyến 16 trở ra.

**Câu 13.(3)** Đặc điểm nổi bật của trật tự hai cực Ianta là

1. được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.
2. hình thành một trật tự thế giới do Mĩ lãnh đạo.
3. thế giới hình thành “hai cực” xã hội chủ nghĩa - tư bản chủ nghĩa do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi phe.
4. trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận cùng hợp tác để lãnh đạo thế giới.

**Câu 14.(3)** Cơ quan nào của Liên hợp quốc gồm đại diện các nước thành viên có quyền bình đẳng

1. Đại hội đồng. B. Hội đồng Bảo an.
2. Tòa án Quốc tế. D. Ban Thư kí.

**Câu 15.(1)** Năm nước lớn đóng vai trò là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an của Liên hợp quốc hiện nay là

1. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
2. Liên bang Nga, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
3. Nhật Bản, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
4. Đức, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

**Câu 16.(2)** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, tiến hành hợp tác quốc tế là mục đích chính của tổ chức

1. Liên minh châu Âu (EU). B. Liên hợp quốc.
2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Asean). D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

**Câu 17.(3)** Liên hợp quốc lấy ngày 24 - 10 hằng năm làm “***Ngày Liên hợp quốc***” vì đó là ngày

1. Hội nghị Ianta quyết định thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
2. thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
3. bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.
4. ra Tuyên ngôn Liên hợp quốc.

**Câu 18.(2)** Hãy sắp xếp sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian

1. Việt Nam là thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
2. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.
3. Việt Nam được bầu làm ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
4. 1, 2, 3. B. 3, 2, 1.
5. 2, 1, 3. D. 3, 1, 2.

**Câu 19 (giảm tải – theo chương trình chuẩn).(3)** Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới

1. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945).
2. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949).
3. Thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu (1944 - 1949).
4. Thắng lợi của cuộc cách mạng Cuba, nước Cộng hòa Cuba ra đời (1959).

**Câu 20.(3)** Năm 1949, đánh dấu sự kiện quan trọng nào trong tiến trình lịch sử thế giới?

1. Sự khởi đầu Chiến tranh lạnh, dẫn đến sự căng thẳng trong quan hệ quốc tế.
2. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.
3. Chủ nghĩa xã hội mở rộng, kéo dài từ châu Âu sang châu Á.
4. Cục diện hai cực, hai phe được xác lập, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.

**Câu 21.(3)** Về nguyên tắc, mọi quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc chỉ được thông qua khi có

1. quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bảo an.
2. quyết định của Tổng thư kí Liên hợp quốc.
3. sự nhất trí của 5 nước ủy viên thường trực.
4. sự đồng ý của 2/3 thành viên Đại hội đồng.

**Câu 22.(3)** Nguyên tắc quan trọng nào của Tổ chức Liên hợp quốc cũng là điều khoản trong Hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương, Hiệp định Pari (1973) về Việt Nam và Hiệp ước Bali (1976)

1. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
2. Sự nhất trí của 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).
3. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
4. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.

**Câu 23.(3)** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu việc mở ra một chương mới trong chính sách đối ngoại “đa phương hóa”, “đa dạng hóa” trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam

1. Việt Nam gia nhập Tổ chức Liên hợp quốc vào năm 1977.
2. Việt Nam tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) vào năm 1978.
3. Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mĩ vào năm 1995.
4. Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007.

**Câu 24.(2)** Cho các sự kiện lịch sử sau:

1. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
2. Liên Xô đã phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ I. Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.
3. Liên Xô đã chế tạo thành công bom nguyên tử.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian về những thành tựu khôi phục kinh tế của Liên Xô (1945 – 1950).

1. 1, 2, 3. B. 3, 2, 1.
2. 3, 1, 2. D. 2, 1, 3.

**Câu 25.(2)** Nội dung nào dưới đây **không** phải là đường lối đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai

1. Thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới.
2. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
3. Triển khai chiến lược toàn cầu để lãnh đạo thế giới.
4. Giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 26.(2)** I.Gagarin (Liên Xô) là người đầu tiên trên thế giới thực hiện thành công

1. hành trình khám phá Sao Hỏa. B. kế hoạch thám hiểm Sao Mộc.
2. hành trình chinh phục Mặt Trăng. D. chuyến bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 27.(2)** Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Liên Xô và Mĩ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (tháng 12 - 1989) là

1. nền kinh tế hai nước lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng.
2. sự suy giảm “thế mạnh” của cả hai nước trên nhiều mặt so với các cường quốc khác.
3. phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô bị thu hẹp.
4. trật tự hai cực Ianta bị xói mòn và sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 28 (giảm tải – theo chương trình chuẩn).(2)** Một trong những mục tiêu của Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) khi thành lập là

1. tăng cường hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
2. tăng cường hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.
3. chống lại sự bao vây, cấm vận của Mĩ và các nước phương Tây.
4. chống lại “Kế hoạch Mácsan” của Mĩ.

**Câu 29 (giảm tải – theo chương trình chuẩn).(2)** Mục tiêu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava là

1. ủng hộ Liên Xô chống lại sự bành trướng của Mĩ và các nước phương Tây.
2. tạo liên minh chính trị - quân sự mang tính phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.
3. chống lại tham vọng muốn thiết lập trật tự “đơn cực” của Mĩ.
4. nhằm hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật giữa Liên Xô và các nước.

**Câu 30.(1)** Quốc gia đầu tiên trên thế giới phóng thành công con tàu vũ trụ có người lái bay vòng quanh Trái Đất là

1. Liên Xô. B. Mĩ.
2. Trung Quốc. D. Nhật Bản.

**Câu 31.(3)** Trong những năm chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng, Đảng và Nhà nước Việt Nam cho rằng

1. chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chịu tác động từ cuộc khủng hoảng này.
2. hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới bị tác động lớn, nên cần kịp thời điều chỉnh đổi mới đất nước.
3. mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp ở châu Âu dẫn đến dễ khủng hoảng.
4. chủ nghĩa xã hội Việt Nam không chịu tác động, nhưng cần tổng kết và rút kinh nghiệm.

**Câu 32 (giảm tải – theo chương trình chuẩn).(2)** Nguyên nhân khách quan dẫn đến chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là do

1. sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
2. các nhà lãnh đạo Liên Xô và Đông Âu chậm sửa chữa sai lầm.
3. xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa không phù hợp.
4. không bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

**Câu 33.(2)** Năm 1949, Liên Xô đạt được thành tựu khoa học - kĩ thuật nào dưới đây

1. Phóng tàu vũ trụ Phương Đông.
2. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
3. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
4. Đưa con người thám hiểm Mặt Trăng.

**Câu 34.(3)** Bức tranh chung của tình hình nước Nga từ năm 1991 đến năm 1995 là

1. chính trị - xã hội không ổn định, kinh tế tăng trưởng âm, vị thế quốc tế suy yếu.
2. chính trị - xã hội ổn định, kinh tế phát triển, có vị thế trên trường quốc tế.
3. kinh tế phát triển mạnh, chính trị - xã hội không ổn định.
4. kinh tế phát triển, chính trị - xã hội vẫn chưa ổn định,

**Câu 35.(2)** Từ năm 1996 đến năm 2000, kinh tế Liên bang Nga

1. kém phát triển và suy thoái. B. phát triển với tốc độ cao.
2. lâm vào trì trệ và khủng hoảng.` D. có sự phục hồi và phát triển.

**Câu 36.(2)** Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì

1. Hai siêu cường Xô - Mĩ đối thoại, hợp tác.
2. Hai siêu cường Xô - Mĩ đối đầu gay gắt.
3. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
4. Thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

**Câu 37.(2)** Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô là

1. đối đầu. B. hợp tác.
2. đối tác. D. đồng minh.

**Câu 38.(2)** Những nhà lãnh đạo nào của Liên Xô và Mĩ đã chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh vào năm 1989

1. Goócbachốp, B.Clintơn. B. Goócbachốp, Rigân.
2. Goócbachốp, Busơ (cha). D. Goócbachốp, Busơ (con).

**Câu 39.(3)** Trong thời kì Chiến tranh lạnh, sự kiện nào dưới đây góp phần làm cho tình hình căng thẳng ở Châu Âu giảm đi rõ rệt

1. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.
2. Sự thành lập Cộng đồng châu Âu (EC).
3. Sự giải thể của Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV).
4. Sự tan rã của Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

**Câu 40.(2)** Quốc gia đi tiên phong trong lĩnh vực công nghiệp vũ trụ và điện hạt nhân là

1. Mĩ. B. Liên Xô.
2. Nga. D. Nhật Bản.

**Câu 41.(3)** Bán đảo Triều Tiên bị chia cắt làm hai miền theo vĩ tuyến 38 cho đến nay có nguồn gốc sâu xa từ

1. quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945).
2. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh.
3. việc kí Hiệp định giữa hai miền tại Bàn Môn Điếm (1953).
4. thỏa thuận giữa hai cường quốc Xô - Mĩ.

**Câu 42.(2)** Bốn “con rồng” kinh tế của châu Á gồm

1. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan, Ma Cao.
2. Hàn Quốc, Hồng Công, Xingapo, Thái Lan.
3. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan, Xingapo.
4. Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Công, Xingapo.

**Câu 43.(3)** Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện nào?

1. cuộc nội chiến Quốc - Cộng.
2. thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.
3. “Đại Cách mạng văn hóa vô sản”.
4. đề ra đường lối mới.

**Câu 44.(3)** Cuộc nội chiến cách mạng ở Trung Quốc (1946-1949) được coi là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ vì đã đánh đổ

1. tập đoàn Tưởng Giới Thạch, đại diện cho thế lực phong kiến Trung Quốc.
2. tập đoàn tư sản mại bản và phong kiến có Mĩ giúp sức.
3. tập đoàn phong kiến Tưởng Giới Thạch được Mĩ giúp sức.
4. đánh bại can thiệp của Mĩ ở Trung Quốc.

**Câu 45.(2)** Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập (1949) là kết quả thắng lợi của cách mạng Trung Quốc trong

1. cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật.
2. cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến.
3. cuộc nội chiến Quốc - Cộng.
4. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân phương Tây.

**Câu 46.(2)** Ý nào dưới đây **không** phải là kết quả của cuộc nội chiến Quốc - Cộng (1946-1949)

1. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.
2. Chính quyền Quốc dân đảng sụp đổ.
3. Trung Quốc lục địa được giải phóng.
4. Quốc - Cộng thỏa thuận việc thành lập hai nhà nước ở lục địa và Đài Loan.

**Câu 47.(2)** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Trung Quốc

1. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch của đế quốc.
2. Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
3. Lật đổ triều đại phong kiến Mãn Thanh.
4. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 48.(3)** Hoạt động ngoại giao nào của Trung Quốc năm 1972 đã gây bất lợi cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam

1. Gây xung đột biên giới với Liên Xô.
2. Xảy ra xung đột biên giới với Ấn Độ.
3. Mở đầu quan hệ hòa dịu giữa Trung Quốc và Mĩ.
4. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với phương Tây.

**Câu 49.(2)** Mục tiêu đường lối cải cách mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 là

1. biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
2. biến Trung Quốc thành quốc gia có tiềm lực quân sự hàng đầu thế giới.
3. biến Trung Quốc thành cường quốc kinh tế và quân sự.
4. biến Trung Quốc thành “con rồng” kinh tế tại châu Á.

**Câu 50.(2)** Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc với công cuộc cải tổ ở Liên Xô và đổi mới đất nước ở Việt Nam là

1. tiến hành cải tổ chính trị, chủ trương đa nguyên đa đảng.
2. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, mở rộng hội nghị quốc tế.
3. tiến hành khi đất nước lâm vào tình trạng không ổn định, khủng hoảng kéo dài.
4. Đảng Cộng sản lãnh đạo, kiên trì theo con đường xã hội chủ nghĩa.

**Câu 51.(3)** Nội dung nào trong công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam có điểm tương đồng so với cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

1. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.
2. Coi đổi mới chính trị là trọng tâm.
3. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước tư bản phương Tây.
4. Kiên trì con đường độc lập, tự chủ, phát triển hòa bình.

**Câu 52.(3)** Sự kiện nào ở khu vực Đông Bắc Á có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam từ năm 1949 đến năm 1954

1. Nội chiến Quốc - Cộng kết thúc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.
2. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời.
3. Hàn Quốc, Đài Loan trở thành “con rồng” kinh tế của châu Á.
4. Nhật Bản bước vào giai đoạn kinh tế phát triển “thần kì”.

**Câu 53.(2)** Sau năm 1945, nhiều nước Đông Nam Á vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ độc lập do

1. thực dân Pháp và Mĩ quay trở lại xâm lược.
2. Mĩ ủng hộ thực dân phương Tây quay trở lại xâm lược .
3. thực dân Âu - Mĩ quay trở lại xâm lược Đông Nam Á.
4. thực dân Mĩ và Hà Lan quay trở lại xâm lược.

**Câu 54.(3)** Biến đổi lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là

1. nhiều nước có tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.
2. thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
3. từ thân phận là những nước thuộc địa, các nước đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
4. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.

**Câu 55.(2)** Nhóm 5 nước ASEAN thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng nội với mục tiêu

1. đẩy mạnh công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
2. nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.
3. phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa.
4. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

**Câu 56.(2)** Quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương lần đầu tiên được một hội nghị quốc tế ghi nhận tại

1. Hội nghị Pari (1973). B. Hội nghị Pari (1991).
2. Hội nghị Giơnevơ (1954). D. Hội nghị Pốtxđam (1945).

**Câu 57.(2)** Quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được tổ chức nào ghi nhận

1. tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
2. Liên Minh châu Âu (EU).
3. Tổ chức Liên hợp quốc.
4. Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

**Câu 58.(3)** Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

* 1. Toàn cầu hóa. B. Liên kết khu vực.

1. Hòa hoãn Đông Tây. D. Đa cực, nhiều trung tâm.

**Câu 59.(3)** Việc mở rộng số nước thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại chủ yếu là do

* 1. có nhiều khác biệt về văn hóa giữa các dân tộc.
  2. nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với một số nước.
  3. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh và cục diện hai cực, hai phe.
  4. các nước thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

**Câu 60.(2)** Nước tiến hành cuộc “Cách mạng chất xám” từ những năm 90 của thế kỉ XX là

1. Mĩ. B. Trung Quốc.
2. Nhật Bản. D. Ấn Độ.

**Câu 61.(2)** Quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập sau cuộc trưng cầu dân ý tách khỏi Inđônêxia (2002)

1. Singapo. B. Brunây.
2. Đông Timo. D. Mianma.

**Câu 62.(2)** Nội dung của Hiệp định Viêng Chăn (1973) đề cập đến vấn đề quan trọng gì

1. Tuyên bố nền độc lập của Lào.
2. Lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.
3. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Lào.
4. Tuyên bố sự ra đời của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

**Câu 63.(3)** Điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

* 1. đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
  2. đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.
  3. đấu tranh dưới sự lãnh đạo của tổ chức chính trị trong khu vực.
  4. mức độ giành độc lập đồng đều.

**Câu 64.(2)** “Hòa bình, trung lập, không tham gia bất cứ khối liên minh quân sự hoặc chính trị nào, tiếp nhận viện trợ từ mọi phía, không có điều kiện ràng buộc” là đường lối của

* 1. Chính phủ Xihanúc ở Campuchia trong giai đoạn 1954 - 1970.
  2. Chính phủ Nêru ở Ấn Độ trong giai đoạn 1950 - 1973.
  3. Chính phủ Lào trong giai đoạn 1954 - 1975.
  4. Chính phủ Ấn Độ trong giai đoạn 1974 đến nay.

**Câu 65.(2)** Sau cuộc Tổng tuyển cử (9 - 1993), Quốc hội mới của Campuchia tuyên bố thành lập

* 1. nước Cộng hòa Campuchia.
  2. Vương quốc Campuchia.
  3. nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia.
  4. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.

**Câu 66.(2)** Thực dân Anh thực hiện “Phương án Maobáttơn” chia Ấn Độ thành hai quốc gia dựa trên cơ sở nào?

* 1. Sự chênh lệch về trình độ phát triển.
  2. Ý thức hệ chính trị.
  3. Sự khác biệt về tôn giáo.
  4. Phân biệt chủng tộc.

**Câu 67.(2)** Năm 1947, thực dân Anh thực hiện “Phương án Maobáttơn” chia Ấn Độ thành hai quốc gia. Đây là việc thực hiện thủ đoạn chính sách

1. phân biệt chủng tộc. B. mua chuộc giai cấp thống trị.
2. đồng hóa. D. chia để trị.

**Câu 68.(3)** Từ những năm 90 của thế kỉ XX đánh dấu “một chương mới” trong việc mở rộng số thành viên của tổ chức Asean là nhờ

* 1. vấn đề Campuchia đã được giải quyết bằng Hiệp định Pari.
  2. ASEAN từ 5 nước ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên.
  3. quan hệ giữa Đông Dương và ASEAN được cải thiện.
  4. các nước kí Hiến chương ASEAN.

**Câu 69.(3)** Điểm tương đồng trong quá trình ra đời của ASEAN và EU là gì

* 1. Đều là đồng minh của Mĩ.
  2. Nhằm hạn chế những ảnh hưởng và tác động từ bên ngoài.
  3. Xuất phát từ nhu cầu liên kết và hợp tác giữa các nước.
  4. Đều ra đời sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

**Câu 70.(3)** Quá trình phát triển thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ 5 nước lên 10 nước **không** gặp trở ngại nào dưới đây.

* 1. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.
  2. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.
  3. Sự tác động của cuộc Chiến tranh lạnh.
  4. Quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước không giống nhau.

**Câu 71.(2)** Đặc điểm nổi bật của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

* 1. chống lại chế độ độc tài Batixta.
  2. chống lại chế độ độc tài thân Mĩ.
  3. chống lại chế độ thực dân Tây Ban Nha.
  4. chống lại chế độ thực dân Bồ Đào Nha.

**Câu 72.(2)** Phong trào đấu tranh được coi là “lá cờ đầu” của cách mạng Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

1. cách mạng Mêhicô. B. cách mạng Cuba.
2. cách mạng Côlômbia. D. cách mạng Vênêxuêla.

**Câu 73.(2)** Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

* 1. triển khai chiến lược toàn cầu, thiết lập trật tự “đơn cực” để bá chủ thế giới.
  2. khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
  3. ngăn chặn tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
  4. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

**Câu 74.(2)** “Kế hoạch Mácsan” do Mĩ triển khai ở các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai còn được gọi là

* 1. kế hoạch chinh phục châu Âu. B. kế hoạch phục hưng châu Âu.

1. kế hoạch “nhất thể hóa” châu Âu. D. kế hoạch khôi phục kinh tế châu Âu.

**Câu 75.(3)** Trong giai đoạn 1950 - 1973 đánh dấu thời kì “phi thực dân” trên toàn thế giới khi

* 1. nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập.
  2. phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mĩ Latinh giành thắng lợi.
  3. chế độ phân biệt chủng tộc chính thức bị xóa bỏ ở châu Phi.
  4. chính quyền độc tài thân Mĩ ở nhiều nước Mĩ Latinh bị lật đổ.

**Câu 76.(2)** Năm 1993, Cộng đồng châu Âu (EC) chính thức mang tên mới là Liên minh châu Âu (EU) với mục tiêu đẩy mạnh hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực

* 1. kinh tế, chính trị, văn hóa.
  2. kinh tế, tiền tệ.
  3. kinh tế, văn hóa.
  4. kinh tế, tiền tệ, chính trị đối ngoại và an ninh chung.

**Câu 77.(3)** Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản đưa ra học thuyết Phucưđa và học thuyết Kaiphu với nội dung là

* 1. tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ.
  2. coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu.
  3. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN.
  4. mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác trên phạm vi toàn cầu.

**Câu 78.(2)** Sự kiện nào được coi là mốc đánh giá sự “trở về” châu Á của Nhật Bản

1. Học thuyết Phucưđa (1977). B. Học thuyết Kaiphu (1991).
2. Học thuyết Miyadaoa (1993). D. Học thuyết Hasimôtô (1997).

**Câu 79.(3)** Biểu hiện rõ nhất sự phát triển “thần kì” của kinh tế Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1973 là

* 1. đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.
  2. vươn lên vị trí thứ hai trong thế giới tư bản.
  3. trở thành siêu cường tài chính số 1 thế giới.
  4. chủ nợ lớn nhất thế giới.

**Câu 80.(2)** Sự kiện nào phá vỡ quan hệ đồng minh giữa Mĩ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai

* 1. Sự ra đời của học thuyết Truman.
  2. Mĩ thực hiện “Kế hoạch Mácsan”.
  3. Thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
  4. Mĩ thành lập tổ chức “Liên minh vì sự tiến bộ”.

**Câu 81.(3)** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng quan hệ quốc tế thời kì Chiến tranh lạnh

* 1. Tình trạng đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Xô - Mĩ.
  2. Chiến tranh cục bộ xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.
  3. Trật tự hai cực Ianta từng bước bị xói mòn.
  4. Các nước lớn đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.

**Câu 82 (giảm tải – theo chương trình chuẩn) .(3)** Cuộc chiến tranh nào dưới đây là “sản phẩm” của Chiến tranh lạnh và sự đụng đầu trực triếp đầu tiên giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa

* 1. Nội chiến Quốc - Cộng (1946 - 1949).
  2. Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953).
  3. Chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp (1945 - 1954).
  4. Chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ (1954 - 1975).

**Câu 83.(3)** Để thích nghi với xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần phải

* 1. nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức.
  2. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
  3. tận dụng nguồn vốn và kĩ thuật bên ngoài để phát triển kinh tế.
  4. tiếp tục công cuộc đổi mới đất nước.

**Câu 84.(2)** Một trong những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa là

* 1. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.
  2. kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.
  3. hạn chế sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.
  4. hạn chế sự tăng trưởng kinh tế.

1. **LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 – 2000)**

**BÀI 12**

**PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919 – 1925**

**Câu 1: Thực dân Pháp triển khai chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam trong hoàn cảnh:**

a. Thực dân Pháp đang gặp nhiều khó khăn, trong khi cuộc chiến tranh thế giới đang bước vào giai đoạn quyết định.

b. Kinh tế ổn định nhưng chính trị bất ổn. Phong trào phản đối chiến tranh, đòi cải thiện điều kiện sống của công nhân và nhân dân lao động Pháp lên cao.

c. Pháp đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề nhất trong lịch sử - "khủng hoảng thừa".

d. Chiến tranh đã để lại hậu quả rất nặng nề, nền kinh tế Pháp đang gặp khó khăn ; Pháp trở thành con nợ lớn của Mĩ.

**Câu 2: Điểm mới của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp là:**

a. đầu tư vào những lĩnh vực thu lợi nhuận cao b. ra sức vơ vét tài nguyên thiên nhiên

c. đầu tư vào công nghiệp và giao thông vận tải d. đầu tư vào kinh doanh nông nghiệp

**Câu 3: Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam nhằm:**

a. bù đắp những thiệt hại của Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất

b. bù đắp những thiệt hại của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa thứ nhất

c. thúc đẩy kinh tế - xã hội ở Việt Nam phát triển

d. tất cả các câu đều đúng

**Câu 4: Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai, thực dân Pháp đầu tư chủ yếu vào:**

a. công nghiệp b. nông nghiệp và khai thác mỏ

c. nông nghiệp và thương nghiệp d. giao thông vận tải

**Câu 5: Loại hình đồn điền nào phát triển mạnh ớ Việt Nam trong thời kì 1919 - 1929?**

a. Đồn điền trồng lúa. b. Đồn điền trồng cao su.

c. Đồn điền trồng chè. d. Đồn điền trồng cà phê.

**Câu 6.** Cuộc khai thác thuộc địa lần hai của Pháp ở Việt Nam (1919 - 1929) có điểm gì tương đồng so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ?

a. Pháp chú trọng đầu tư vào ngành khai thác mỏ.

b. Pháp không đầu tư nhiều vào các ngành công nghiệp nặng.

c. Đẩy mạnh hoạt động thương mại xuất - nhập khẩu.

d. Pháp không đầu tư nhiều vào xây dựng cơ sở hạ tầng.

**Câu 7: Bổ sung từ còn thiếu trong câu nói nổi tiếng của Nguyễn Ái Quốc:** "Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc... của Chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại".

a. Trị dân.        b. Khai hoá. c. An dân.        d. Ngu dân.

**Câu 8: Tuyến đường sắt nào được thực dân Pháp xây dựng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ?**

a. Hà Nội - Lạng Sơn. b. Hà Nội - Vinh.

c. Vinh - Đông Hà. d. Hải Phòng - Vân Nam.

**Câu 9: Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ II được bắt đầu trong thời kì cầm quyền của ai ở Đông Dương ?**

a. Toàn quyền Pát-ki-ê. b. Toàn quyền Pôn Đu-me.

c. Toàn quyền Méc-lanh. d. Toàn quyền An-be Xa-rô.

**Câu 10: Thực dân Pháp triển khai chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam vào:**

a. 1919 b. 1920 c. 1918 d. 1921

**Câu 11: Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp, giai cấp bị phân hóa là:**

a. địa chủ b. công nhân c. tiểu tư sản d. địa chủ và tư sản

**Câu 12: Trong khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở VN vì:**

a. cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp

b. biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp

c. biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp

d. câu a, b đều đúng

**Câu 13: Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đã làm cho kinh tế Việt Nam:**

a. phát triển độc lập tự chủ

b. phát triển một bước nhưng mất cân đối và lệ thuộc kinh tế Pháp

c. lạc hậu, phụ thuộc vào Pháp d. trở thành thị trường độc chiếm của Pháp

**Câu 14: Mục tiêu đấu tranh của giai cấp tiểu tư sản trong những năm 1919 – 1925 là:**

a. giành độc lập dân tộc b. đòi tự do dân chủ

c. đòi quyền lợi kinh tế d. tất cả các câu đều đúng

**Câu 15: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng đông đảo và hăng hái tham gia cách mạng Việt Nam nhất là:**

a. công nhân b. tiểu tư sản c. tư sản dân tộc d. nông dân

**Câu 16: Mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân trong những năm 1919 – 1925 là:**

a. giành độc lập dân tộc b. đòi tự do dân chủ

c. đòi quyền lợi kinh tế d. tất cả các câu đều đúng

**Câu 17: Sự kiện đánh dấu bước phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam từ đấu tranh tự phát đến tự giác là:**

a. thành lập Công hội ở Sài Gòn - Chợ Lớn

b. cuộc bãi công của công nhân ở Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng

c. cuộc bãi công của thợ nhuộm ở Chợ Lớn

d. cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son ở Cảng Sài Gòn

**Câu 18: Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III vì tổ chức này:**

a. bênh vực quyền lợi cho các nước thuộc địa b. giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp

c. đề ra đường lối cho Cách mạng Việt Nam d. chủ trương thành lập mặt trận giải phóng dân tộc VN

**Câu 19: Sự kiện đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn là:**

a. đưa yêu sách đến Hội nghị Vec-xai

b. đọc được bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin

c. tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp

d. tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri

**Câu 20: Quá trình tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với các bậc tiền bối đi trước là:**

a. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước

b. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản

c. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp đường lối dân tộc với CNXH

d. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa vô sản

**Câu 21: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, mâu thuẫn cơ bản và cấp bách nhất trong lòng xã hội Việt Nam là mâu thuẩn giữa:**

a. công nhân và tư sản b. nông dân và địa chủ

c. nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp d. địa chủ và tư sản

**Câu 22: Đặc điểm nổi bậc của kinh tế Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai là**

a. nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ và toàn diện

b. nền kinh tế nông nghiệp phát triển toàn diện

c. nền kinh tế nông nghiệp phát triển mất cân đối, lệ thuộc

d. nền kinh tế công - nông nghiệp khá phát triển

**Câu 23: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp hăng hát đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc là**

a. tư sản b. tiểu tư sản c. vô sản d. nông dân

**Câu 24: Đối tượng bị bóc lột nặng nề nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của TD Pháp là**

a. tiểu tư sản b. công nhân c. nông dân d. địa chủ

**Câu 25: Công hội là tổ chức đầu tiên của giai cấp**

a. công nhân b. nông dân c. tư sản d. tiểu tư sản

**Câu 26: Ngày 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc về**

a. Cửu Long – Hương Cảng- Trung Quốc b. Pác Bó – Hà Quảng – Cao bằng

c. Tân Trào – Tuyên Quang d. Quảng Châu – Trung Quốc

**Câu 27: Năm 1921, Nguyễn Ái quốc là người chủ nhiệm kim chủ bút tờ báo**

a. Người cùng khổ b. Đời sống công nhân c. Nhân đạo d. Thanh niên

**Câu 28: Tổ chức nào dưới đay không phải của giai cấp tiểu tư sản**

a. Việt Nam nghĩa đoàn b. Hội Phục Việt c. Đảng Lập Hiến d. Đảng Thanh niên

**Câu 29:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào trong xã hội **không** thể tham gia vào phong trào cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam

a. Công nhân, nông dân. b. Đại địa chủ, tư sản mại bản.

c. Tiểu tư sản, trí thức. d. Trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc.

**Câu 30: Hãy sắp xếp các sự kiện theo thứ tự thời gian:** 1. Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai *bản yêu sách của nhân dân An Nam* ; 2. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp ; 3. Nguyến Ái Quốc đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luân cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.L. Lênin ; 4. Nguyễn Ái Quốc viết cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*

a. 1, 2, 3, 4 b. 3, 2, 4, 1 c. 1, 3, 2, 4 d. 4, 2, 3, 1

**Câu 31: Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc cho xuất bản:**

a. sách Đường Kách mệnh b. sách Bản án chế độ thực dân Pháp

c. Báo Người cùng khổ d. báo Nhân đạo

**Câu 32: Hướng đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với các bậc tiền bối là sang**

a. phương Đông.       b. Nhật Bản.             c. phương Tây.               d. Trung Quốc.

**Câu 33: Sự kiện nào dưới đây đánh dấu Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước trở thành một chiến sĩ Cộng sản**

a. Nguyễn Ái Quốc thay mặt nhân dân An Nam gửi đến Hội nghị Vec-xai bản yêu sách 8 điều

b. Nguyễn Ái Quốc đọc được bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin

c. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp

d. Nguyễn Ái Quốc đã đứng về phía đa số đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập quốc tế Cộng sản

**Câu 34: Giai cấp nông dân là lực lượng to lớn của dân tộc. Vì:**

a. đây là giai cấp có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta

b. là lực lượng sản suất chính, chịu ảnh hưởng của cách mạng vô sản

c. đây là giai cấp đông nhất và có tinh thần cách mạng nhất

d. là giai cấp rất nhạy cảm với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước

**Câu 35: Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân dẫn đến Pháp triển khai chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai**

a. Pháp là nước thắng trận nhưng bị thiệt hai nặng nề về kinh tế - tài chính.

b. nhiều nhà máy, đường sá, cầu cống, làng mạc bị phá hủy, sản xuất công nghiệp bị đình trệ

c. thương mại giảm sút, nợ nước ngoài tăng

d. Pháp là nước bại trận nhưng bị thiệt hai nặng nề về kinh tế - tài chính.

**Câu 36:** **Sự kiện quốc tế nào dưới đây có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong giai đoạn 1919 - 1925**

a. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc năm 1918.

b. Đảng Cộng sản thành lập ở nhiều nước.

c. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

d. Đảng Cộng sản Pháp thành lập năm 1920.

**Câu 37:** **Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu đi vào con đường đấu tranh tự giác**

a. Tổ chức Công hội thành lập ở Sài Gòn - Chợ Lớn. b. Bãi công của thợ nhuộm ở Chợ Lớn.

c. Bãi công của thợ máy Ba Son. d. Bãi công của công nhân ở Nam Định.

**Câu 38:** **Đặc điểm nào mang tính khách quan quyết định giai cấp công nhân Việt Nam có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc**

a. Có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân.

b. Có ý thức tổ chức chặt chẽ, tính kỷ luật cao.

c. Đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất.

d. Bị tư sản và đế quốc thực dân áp bức, bóc lột nặng nề.

**Câu 39:** **Cuộc đấu tranh của thợ máy Ba Son (1925) được coi là đánh dấu bước ngoặt của phong trào công nhân Việt Nam vì cuộc đấu tranh này**

a. có mục tiêu kinh tế, chính trị rõ ràng. b. có quy mô rộng lớn, tinh thần đấu tranh quyết liệt

c. có tổ chức, có mục tiêu chính trị, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.

d. có tổ chức, buộc Pháp phải nhượng bộ một số quyền lợi về kinh tế.

**Câu 40:** **Tài liệu nào được Nguyễn Ái Quốc xuất bản bằng tiếng Việt để truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc**

a. Tác phẩm “Con rồng tre”. b. Báo “Người cùng khổ”.

c. Đường Kách mệnh. d. Bản án chế độ thực dân Pháp.

**BÀI 13**

**PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1925 – 1930**

**Câu 1: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất giai cấp vươn lên nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào dân tộc dân chủ ở VN là:**

a. nông dân b. tư sản c. tiểu tư sản d. công nhân

**Câu 2: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập vào thời điểm nào ?**

a. 2/1925.             b. 6/1925.             c. 8/ 1925.         d. 6/1926.

**Câu 3: Phong trào "vô sản hoá" do tổ chức nào phát động ?**

a. Việt Nam Cách mạng đảng. b. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

c. Việt Nam Quốc dân đảng. d. Tân Việt Cách mạng đảng.

**Câu 4: Tài liệu trình bày vấn đề cơ bản, cốt lõi của lý luận giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc được in năm 1927 là:**

a. Bản án chế độ thực dân Pháp. b. Đường Kách mệnh.

c. Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt. d. Báo Người cùng khổ.

**Câu 5: Tác dụng của phong trào "vô sản hoá":**

a. Năng cao tính "tự giác" trong phong trào quần chúng.

b. Thúc đẩy quá trình kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

c. Rèn luyện đội ngũ cán bộ đảng viên. d. Tất cả các ý trên.

**Câu 6: Sắp xếp các tác phẩm, tờ báo theo thứ tự thời gian:** 1 “Đường cách mệnh” ; 2. báo Người cùng khổ ; 3. bản án chế độ thực dân Pháp ; 4. báo Thanh niên

a. 1, 2, 3, 4 b. 2, 3, 4, 1 c. 3, 4, 1, 2 d. 4, 1, 2, 3

**Câu 7: Nhóm bí mật do Nguyễn Ái quốc thành lập năm 1925 là**

a. Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên b. Cộng sản đoàn

c. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông d. Tâm tâm xã

**Câu 8: Công lao đầu tiên và to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 - 1930 là:**

a. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn b. hành lập hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên

c. hợp nhất ba tổ chức cộng sản d. khởi thảo cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng

**Câu 9: Cơ quan ngôn luận của Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên là:**

a. Tác phẩm "Đường Cách mệnh" b. Báo Thanh niên

c. Bản án chế độ TD Pháp d. Báo Người cùng chổ

**Câu 10: Câu nói : "Âu là chết đi để trở thành tấm gương chợ người sau nối bước. Không thành công thì cũng thành nhân'' là của ai ?**

a. Phó Đức Chính. b. Nguyễn Thái Học. c. Phạm Tuấn Tài. d. Nguyễn Khắc Nhu.

**Câu 11: Nguyên nhân khách quan dẫn đến thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái là do:**

a. chưa có sự chuẩn bị về tổ chức và lực lượng b. thực dân Pháp còn mạnh đủ sức để đàn áp

c. khởi nghĩa nổ ra hoàn cảnh bị động d. các câu trên đều đúng

**Câu 12: Tháng 7/1925, Nguyễn Ái Quốc cùng những người yêu nước Inđônêxia, Triều Tiên ...... đã thành lập :**

a. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa. b. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

c. Hội Liên hợp các dân tộc bị áp bức Á Đông. d. Cộng sản đoàn.

**Câu 13: Phong trào công nhân trong giai đoạn 1926 - 1929 có điểm nào khác so với giai đoạn 1919- 1925 ?**

a. Số lượng các cuộc bãi công không nhiều, nhưng quy mô lớn, tính chất quyết liệt.

b. Các cuộc đấu tranh đã mang tính chất chính trị rõ nét, bắt đầu có sự liên kết thành một phong trào chung.

c. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng cộng sản, phong trào công nhân đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng. d. Tất cả các ý trên

**Câu 14: Tại hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, có sự tham gia của đại biểu các tổ chức cộng sản:**

a. Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng

b. Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn

c. Đông Dương cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn

d. An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn

**Câu 15: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (6/1 – 7/2/1930) là**

a. chủ trì hội nghị và quyết định lấy tên Đảng là Đảng Cộng Sản VN

b. soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên để Hội nghị thông qua

c. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào VN d. câu a, b đúng

**Câu 16: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định lực lượng cách mạng là:**

a. công nhân và nông dân c. công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức.

b. tiểu tư sản và trí thức d. phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản

**Câu 17: Từ ngày 7 - 2 - 1930, hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp ở đâu?**

a. Quảng Châu (TQ) b. Thượng Hải (TQ)

c. Cửu Long - Hương Cảng (TQ) d. Hương Cảng (Q)

**Câu 18: Cuối năm 1924, Nguyễn Ái quốc về Quảng châu- Trung quốc để:**

a. truyến bá lí luận giải phóng dân tộc và xây dựng tổ chức cho CM VN

b. thành lập Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên

c. đào tạo cán bộ cho Đảng d. thành lập Cộng sản đoàn

**Câu 19: Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên thành lập vào:**

a. 5 - 1925 ở Quảng Châu (TQ) b. Tháng 6 - 1925 ở Hương Cảng (TQ)

c. 7 - 1925 ở Quảng Châu (TQ) d. Tháng 6 - 1925 ở Quảng Châu (TQ)

**Câu 20: Tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) đã diễn ra sự kiện:**

a. Đại hội lần thứ nhất của Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên

b. Thành lập Đông Dương cộng sản đảng

c. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời

d. Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản VN

**Câu 21: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, xác định đường lối chiến lược của cách mạng VN là:**

a. làm CM tư sản dân quyền và CM ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản

b. làm CM tư sản dân quyền, bỏ qua thời kì TBCN tiến thẳng lên con đường XHCN

c. đánh đổ đế quốc Pháp, bon phong kiến và tư sản phản CM làm CM tư sản dân quyền

d. tịch thu hết sản nghiệp và ruộng đất của đế quốc và bọn phản CM làm cách mạng ruộng đất

**Câu 22:** **Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam từ 1919 - 1925 là:**

a. chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho Đảng ra đời c. chuẩn bị về tổ chức cho Đảng

b. truyền bá lí luận giải phóng dân tộc d. thành lập các tổ chức cách mạng

**Câu 23: Cơ quan ngôn luận của Đông Dương cộng sản đảng là:**

a. báo Tiếng dân b. Báo Người nhà quê d. Báo Chuông rè d. Báo Búa liềm

**Câu 24: Quá trình tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với các bậc tiền bối đi trước là:**

a. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước

b. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin

c. kết hợp đường lối dân tộc với chủ nghĩa xã hội

d. các câu trên đều đúng

**Câu 25: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam vì đã chấm dứt**

a. vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến Việt Nam.

b. hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

c. vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản Việt Nam.

d. thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

**Câu 26: Một trong những điểm khác biệt của Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mạng Thanh niên là:**

a. Ngay khi mới thành lập Việt Nam Quốc dân đàng đã có cương lĩnh chính trị rõ ràng.

b. Khi mới thành lập Việt Nam Quốc dân đảng đã khẳng định con đường cách mạng dân chủ tư sản.

c. Khi mới thành lập Việt Nam Quốc dân đảng đã xác định dựa vào quần chúng nhân dân để tiến hành cách mạng bạo lực.

d. Đảng chưa hình thành được hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở trên cả nước.

**Câu 27: Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam ?**

a. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.

b. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

c. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

d. Vừa ra đời đã thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào Cách mạng thế giới, nhất là cách mạng tháng mười Nga và chủ nghĩa Mac – Lê nin.

**Câu 28: Thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến đối với thực dân Pháp như thế nào?**

a. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để chống tư sản dân tộc.

b. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc đế chống Pháp khi bị chèn ép.

c. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi

d. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị cắt xén quyền lợi về kinh tế

**Câu 29: Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng đó là gì?**

a. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ.

b. Có tinh thần yêu nước, tinh thần chống giặc ngoại xâm.

c. Bị ba tầng lớp áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.

d. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung.

**Câu 30: Những sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến** **tranh thế giới nhất?**

a. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11 - 1917).

b. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6 - 1919).

c. Nguyễn Ái Quốc tham gia dự đại hội Tua của Đảng xã hội Pháp 912/1920)

d. Tất cả các câu trên

**Câu 31: Khi Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản) thành lập ở Mát-xcơ-va vào tháng 2-1919. Lúc đó Nguyễn Ái Quốc đang ở đâu?**

a. ở Anh.        b. ở Pháp. c. ở Liên Xô.        d. ở Trung Quốc.

**Câu 32: Những tờ báo tiến bộ của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) là:**

a. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Nhành lúa. b. "Tin tức , "Thời mới", "Tiếng dân ".

c. "Chuông rè", " Tin tức", "Nhành lúa". d. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Người nhà quê".

**Câu 33: Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?**

a. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.

b. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh

c. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Điện và Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến hội Nghị Véc xai

d. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Điện và đòi thả cụ Phan Bội Châu

**Câu 34: Ai trong số sau không nằm trong số các đảng viên của chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ?**

a. Đỗ Ngọc Du.        b. Nguyễn Đức Cảnh. c. Ngô Gia Tự.        d. Lê Hữu Cảnh.

**Câu 35: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2/1930 đã chấm dứt tình trạng gì của cách mạng Việt Nam ?**

a. Khủng hoảng giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

b. Khủng hoảng đường lối cách mạng Việt Nam.

c. Cuộc đấu tranh để lựa chọn một trong hai con đường : cách mạng tư sản hay vô sản.

d. Tất cả các ý trên.

**Câu 36: Báo "Búa liềm" là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?**

a. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. b. Đông Dương Cộng sản Đảng.

c. An Nam Cộng sản Đảng. d. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

**Câu 37: Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chinh trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khơi thảo và Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo?**

a. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

c. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.

d. Câu A và B đúng.

**Câu 38: Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, trang 88, có viết: “Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ bọn đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập tự do” ... Đó là một trong những nội dung của văn kiện nào?**

a. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

b. Lời kêu gọi Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng (3 - 2 - 1930).

c. Cương lĩnh chính trị của Đảng do Nguyễn Ái Quốc Khởi thảo

d. Chính cương vắn tát do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo

**Câu 39:** Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam là?

a. Sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.

b. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

c. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt Nam.

d. Là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

**Câu 40: Điều gì chứng tỏ Cương lĩnh đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là đúng đắn, sáng tạo, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn?**

a. Nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu.

b. Đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.

c. Thấy được khả năng liên minh có điều kiện với giai cấp tư sản dân tộc, khả năng phân hoá, lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

d. Cả ba ý trên đều đúng.

**Bài 14**

**PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935**

**Câu 1: Cuộc khủng hoảng kinh tế t/giới (1929 - 1933) đã tác động nặng nề nhất đến ngành kinh tế**

a. **Nông nghiệp** b. Công nghiệp c. Thương nghiệp d. Dịch vụ

**Câu 2: Hậu quả lớn nhất mà cuộc khủng hoảng kinh tế t/giới (1929 - 1933) đối với xã hội Việt Nam là**

a. Hàng loạt công nhân bị sa thải b. Hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ

c. Người có việc làm thì đồng lương ít ỏi d. **Tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân**

**Câu 3: Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931**

a. Tác động của phong trào cách mạng thế giới b. Mâu thuẫn giữa dân tộc VN với TD Pháp và tay sai

c.  Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời d. **sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít**

**Câu 4: Mâu thuẫn gay gắt nhất trong lòng xã hội Việt Nam thời kì 1930 - 1931 là**

a. Mâu thuẫn giữa TS người Việt với TS người Pháp b. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản Pháp

c. Mâu thuẫn giữa dân tộc VN với tay sai d. **Mâu thuẫn giữa dân tộc VN với TD Pháp và tay sai**

**Câu 5:** Phong trào 1930 – 1931 diễn ra trong bối cảnh là:

a. Khủng hoảng kinh tế thế giới đã kết thúc, tuy nhiên tác động của nó đối với kinh tế Việt Nam là rất lớn.

b. Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp chính trị. Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

c. Khủng hoảng kinh tế trầm trọng, tuy nhiên chính trị khá ổn định.

d. Nhân dân thế giới đang tích cực đấu tranh chống Chủ nghĩa phát xít.

**Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là**

a. Do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với TD Pháp và sai gay gắt

b. Do ảnh hưởng của PTCM thế giới c. CNXH và cộng sản quốc tế hình thành

d. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trực tiếp lãnh đạo CM

**Câu 7: Từ năm 1930 – 1931, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam nhằm**

a. **Chống ĐQ giành độc lập, chống PK giành ruộng đất cho dân cày**

b. Chống phát xít và chiến tranh và bọn phản động c. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

d. Chống PK giành lại ruộng đất cho dân cày nghèo. Đưa giai cấp công nông lên nắm chính quyền, thành lập Chính phủ Nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 8: Ngày 1/5/1930 diễn ra sự kiện gì ?**

a. Lần đầu tiên giai cấp công nhân Việt Nam tổ chức mít tỉnh quy mô lớn.

b. Lần đầu tiên giai cấp công nhân Việt Nam biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động, thể hiện tình đoàn kết cách mạng với nhân dân lao động thế giới.

c. Công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động tổ chức một cuộc mít tinh khổng lồ (2,5 vạn người) ở Quảng trường Đấu Xảo (Hà Nội).

d. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trong các cuộc đấu tranh của giai cấp công nông Việt Nam.

**Câu 9: Sự khác nhau giữa PTĐT của nông dân Hưng Nguyên – Nghệ An so với các PTĐT trước đó**

a. chưa đề ra khẩu hiệu cụ thể b. đấu tranh chính trị

c. **đấu tranh có vũ trang tự vệ** d. đòi cải thiện đời sống

**Câu 10: Nhiệm vụ chủ yếu của các Xô Viết Nghệ - Tĩnh (1930 – 1931) là**

a. **Thành lập chính quyền CM và cải thiện đời sống cho nhân dân**

b. Xây dựng khối liên minh công - nông

c. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống ĐQ, PK d. Thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng

**Câu 11: Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là**

a.Cuộc đấu tranh của nhân dân nhân ngày Quốc tế Lao động

b. PTĐT của nông dân đã diễn ra ở khắp nơi c. PTĐT của công – nông

d. **Cuộc biểu tình của nông dân Nghệ An và Hà Tĩnh**

**Câu 12: Phong trào cách mạng 1930 – 1931, ở Việt Nam đưa đến sự hình thành khối liên minh**

a. Trí thức b. **Công - nông** c. Công nhân d. Tư sản

**Câu 13: Tháng 9/1930, PTĐT của quần chúng công - nông ở Nghệ - Tĩnh dâng cao đã làm cho**

a. **chính quyền TD, PK bị tê liệt, tan rã ở nhiều thôn, xã**

b. chính quyền TD, PK bị sụp đổ ở nhiều huyện, xã

c. chính quyền TD, PK đầu hàng ở nhiều huyện, xã d. chính quyền TD, PK điên cuồng, đàn áp PT

**Câu 14: Phong trào đấu tranh ở Nghệ - Tĩnh sau ngày 12/9/1930 đã dẫn đến hiện tượng gì ?**

a. Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định nâng mục tiêu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế lên đấu tranh lật đổ chính quyền đế quốc - phong kiến tay sai.

b. Chính quyền tay sai cấp thôn - xã đã tích cực hỗ trợ thực dân Pháp đàn áp, khủng bố phong trào.

c. Chính quyền của đế quốc phong kiến bị tê liệt và tan rã nhiều nơi.

d. Đảng đã phát động nhân dân đấu tranh vũ trang giành chính quyền thắng lợi.

**Câu 15: Một trong những hạn chế của Luận cương Chính trị tháng 10/1930 do Đ/chí Trần Phú soạn thảo là**

a. **Không đưa ngọn cờ GPDT lên hàng đầu** b. Chưa nêu rõ hình thức và phương pháp ĐTCM

c. Đã xác định động lực của CM là công - nông d. Xác định mối quan hệ của CM ĐD với CM t/giới

**Câu 16: Điểm giống nhau cơ bản giữa "Cương lĩnh Chính trị đầu tiên" (2/1930) với "Luận cương Chính trị"(10/1930) của Đảng là**

a. **Giai cấp lãnh đạo cách mạng** b. Mâu thuẫn trong xã hội Đông Dương

c. Khả năng cách mạng của các giai cấp d. Lực lượng cách mạng

**Câu 17: Ưu điểm của Luận cương Chính trị tháng 10/1930 của Đảng cộng sản Đông Dương là**

a. Đã không đưa ngọn cờ GPDT lên hàng đầu b. **Đã nêu rõ hình thức và phương pháp đấu tranh CM**

c. Đã xác định động lực của CM là công - nông d. Nặng về đấu tranh giai cấp và CM ruộng đất

**Câu 18: Hạn chế lớn nhất của Luận cương Chính trị tháng 10/1930 của Đảng cộng sản Đông Dương là chưa thấy được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương là**

a. vai trò to lớn của nông dân đối với cách mạng dân tộc b. **khả năng CM của tiểu tư sản và tư sản dân tộc**

c. vai trò của giai cấp tư sản trong việc phân hóa kẻ thù d. khả năng liên minh giữa g/cấp công - nông

**Câu 19: Điểm khác nhau cơ bản giữa Luận cương chính trị với Cương lĩnh chính trị đầu tiên là gì ?**

a. Luận cương xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nhưng nặng về đấu tranh giai cấp.

b. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nhưng lại nặng về đấu tranh dân tộc.

c. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

d. Luận cương xác định nhiệm vụ đấu tranh dân tộc là hàng đầu, nhưng không để ra được sách lược liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc.

**Câu 20: Hội nghị lần thứ nhất BCH Trung ương lâm thời ĐCS VN (10/1930) không đề cấp đến nội dung**

a. Đổi tên Đảng thành ĐCS Đông Dương b. Cử BCH Trung ương do Trần Phú làm Tổng bí thư

c. Thông qua Luận cương Chính trị của Đảng d. **Phát động PTCM 1930 - 1931**

**Câu 21.  Hội** **nghị lần thứ nhất BCH Trung ương lâm thời ĐCS VN (10/1930)** đã bầu ai làm Tổng bí thư ?

a. Trần Phú.        b. Lê Hồng Phong. c. Hà Huy Tập.        d. Nguyễn Ái Quốc.

**Câu 22: Nội dung nào dưới đây không phải kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nghệ - Tĩnh (9/1930)**

a. Chính quyền TD, PK bị tan rã ở nhiều thôn, xã b. Nhiều lí trưởng, chánh tổng bỏ trốn

c. **Chính quyền thực dân Pháp đầu hàng** d. Chính quyền Xô viết được thành lập

**Câu 23: Khối liên minh công - nông được hình thành khi nào ?**

a. Từ trong phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh. b. Từ trong phong trào công nhân năm 1930 - 1931.

c. Từ trong phong trào cách mạng 1930 -1931. d. Từ trong phong trào dân tộc dân chủ 1926 - 1930.

**Câu 24: Tổ chức nào được thành lập trong phong trào cách mạng 1930 -1931 ?**

a. Hội Phản đế Đồng minh. c. Mặt trận Đồng minh Phản đế Đông Dương.

b. Hội cày. d. Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đồng Dương.

**Câu 25: Vì sao nói phong trào 1930 – 1931 là bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam :**

a. Lần đầu tiên đấu tranh có quy mô trên cả nước, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có tính thống nhất cao, công – nông cùng đoàn kết đấu tranh quyết liệt chống đế quốc phong kiến ...

b. Lần đầu tiên trong cuộc đấu tranh chống đế quốc phong kiến, công nông đã giành được chính quyền ở trên toàn Nghệ - Tĩnh.

c. Lần đầu tiên công – nông vùng lên, đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ trên quy mô cả nước.

d. Lần đầu tiên phong trào dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã giành được thắng lợi, gây tiếng vang lớn, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đấu tranh của các dân tộc phương Đông.

**Câu 26: Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã để lại những bài học kinh nghiệm gì ?**

a. Bài học kinh nghiệm về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

b. Bài học kinh nghiệm về xây dựng khối liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc.

c. Bài học kinh nghiệm về xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng d. Tất cả các ý trên

**Câu 27: Vì sao nói Nghệ - Tĩnh là trung tâm của phong trào cách mạng 1930 - 1931?**

a. Phong trào công - nông ở Nghệ - Tĩnh diễn ra đổng đều, tính chất quyết liệt, một số nơi đã xuất hiện hình thái sơ khai của chính quyền cách mạng.

b. Vì phong trào đấu tranh nổ bật ở đây là các cuộc biểu tình có vũ trang của nông dân.

c. Vì phong trào ở đây khiến cho chính quyền thuộc địa hốt hoảng phải tổ chức họp bàn cách đối phó

d. Tất cả các ý trên

**Câu 28: Thực dân Pháp đã có những thay đổi gì về chính sách chính trị sau khi dập tắt phong trào cách mạng 1930 - 1931 ?**

a. Thủ tiêu Hội đồng Quản hạt Bắc Kì. c. Mở rộng cơ quan lập pháp cấp Kì cho người Việt tham gia.

b. Mở rộng Viện Dân biểu Nam Kì cho người Việt. d. Mờ rộng chính quyền cấp tỉnh cho người Việt tham gia.

**Câu 29: Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương từ khi nào ?**

a. Tháng 10/1930.        b. Tháng 4/1931. c. Tháng 3/1935.        d. Tháng 71935.

**Câu 30: Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là khẩu hiệu nào?**

a. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày”. b. “Tự do dân chủ” và “Cơm áo hòa bình”.

c. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”.

d. "Chống đế quốc" "Chống phát xít".

**Câu 31: Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9 - 1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?**

a. Đã thực hiện liên minh công - nông vững chắc. b. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

c. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

d. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

**Câu 32: Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?**

a. Thực hiện các quyền tự do dân chủ. b. Chia ruộng đất cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuê vô lí.

c. Tất cả đều đúng. d. Xoá bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.

**Câu 33: Hãy chọn cụm từ thích họp để điền vào chỗ trống trong câu sau:** "Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Phong trào đã...".

a. Đánh bại hoàn toàn bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến.

b. Giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc, phong kiến tay sai.

c. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

d. Làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn.

**Câu 34: Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?**

a. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công- nông.

b. Thành lập được đội quân chính trị của đông đảo quần chúng.

c. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.

d. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**Câu 35: Hai khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày" được thể hiện rõ nét nhất trong thời kì cách mạng nào?**

a. 1930 - 1931.        b. 1932 - 1935. c. 1936 - 1939.        d. 1939 - 1945.

**Câu 36: Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào đúng?**

a. Tháng 2 - 1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng bãi công.

b. Ngày 1 - 5 - 1930, 3000 công nhân huyện Thanh Chương nôi dậy phá đồn điền Trí Viễn.

c. Ngày 12 - 9 - 1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghệ An nổi dậy biểu tình.

d. Tất cả các sự kiện trên đều đúng.

**Câu 37: Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được thể hiện như thế nào?**

a. Phong trào thực hiện sự liên minh công - nông vững chắc.

b. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.

c. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

d. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viết Nghệ - Tĩnh.

**Câu 38: Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) ở các nước tư bản lại ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam?**

a. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc Pháp.

b. Vì kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng kinh tế Pháp.

c. Vì Việt Nam là thị trường của tư bản Pháp. d. Vì Việt Nam phụ thuộc Pháp.

**Câu 39: Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) thực dân Pháp đã làm gì?**

a. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp. b. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

c. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa. d. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các nước thuộc địa.

**Câu 40: Công nhân không có việc làm, nông dân tiếp tục bị bần cùng hóa tầng lớp tiểu tư sản thành thị bị điêu đứng, các nghề thủ công bị phá sản nặng nề. Đó là đặc điểm của tình hình xã hội Việt Nam trong thời kì?**

a. **1929 - 1930.**        b. 1930 - 1931. c. 1931 - 1932.        d. 1932 - 1933.

**Bài 15**

**PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939**

**Câu 1: Đặc điểm tình hình thế giới trong những năm 30 của thế kỉ XX là:**

A. Khủng hoảng kinh tế diễn ra trong những năm cuối của thập niên 30 đã để lại hậu quả nghiêm trọng.

B. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện là một xu thế phản động trong đời sống chính trị

c. chiến tranh phát xít bùng nổ và lan rộng d. tất cả các ý trên

**Câu 2: Tình hình nông nghiệp Việt Nam sau khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 ?**

a. Giá nông phẩm giảm mạnh, đất đai bị bỏ hoang.

b. Các đồn điền trồng lúa chuyển sang đồn điền trồng cây công nghiệp.

c. Tư bản Pháp đẩy mạnh hoạt động chiếm đất của nông dân, 2/3 nông dân không có ruộng đất cày cấy hoặc chỉ có ít ruộng.

d. Diện tích trồng cây cao su tăng nhanh, gấp 10 lần so với trước khủng hoảng.

**Câu 3: Ngày hội truyền thống của công nhân mỏ xuất phát từ sự kiện gì ?**

a. Ngày 20/1/1936, công nhân mỏ than Hòn Gai, Cẩm Phả, công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm.

b. Ngày 13/11/1936, công nhân mỏ than Phấn Mễ, Hòn Gai, Cẩm Phả đấu tranh đòi tăng lương thêm 25%.

c. Ngày 21/3/1936, công nhân mở than Phấn Mễ, công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc, đấu tranh đòi tăng lương thêm 25 %.

d. Ngày 23/11/1936, công nhân mỏ than Hòn Gai, Cẩm Phả, Mông Dương đấu tranh đòi tăng lương thêm 25%.

**Câu 4: Mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng 1936 – 1939 là:**

a. Chống đế quốc, đòi độc lập. b. Đòi quyền tự trị cho Đông Dương.

c. Chống phát xít và nguy cơ chiến tranh; đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình.

d. Chống phong kiến tay sai, tịch thu ruộng đất của địa chủ, đế quốc chai cho dân cày.

**Câu 5: Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?**

a. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân. b. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

c. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.

d. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

**Câu 6: Lực lượng tham gia phong trào cách mạng 1936 – 1939 có điểm gì khác biệt so với phong trào 1930- 1931 ?**

a. Lực lượng tham gia phong trào 1936 - 1939 là công nhân, nông dân, binh lính còn phong trào 1930 – 1931 chủ yếu là công nhân.

b. Lực lượng tham gia trong phong trào 1936 - 1939 là công nhân, tiểu tư sản còn phong trào 1930 – 1931 chủ yếu là nông nhân.

c. Lực lượng tham gia trong phong trào 1936 - 1939 là công nhân, nông dân và học sinh trong các đô thị lớn còn phong trào 1930 – 1931 chủ yếu là công nhân.

d. Lực lượng tham gia phong trào 1936 - 1939 là đông đảo quần chúng nhân dân lao động, tiểu tư sản, trí thức ... còn phong trào 1930 -1931 chủ yếu là công – nông

**Câu 7: Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936) dựa trên cơ sở nào để đề ra ường lối và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939**

a. **Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế cộng sản và tình hình cụ thể của Việt Nam**

b. Con đường CM của CN Mác – Lê-nin c. Cương lĩnh Chính trị do Nguyễn Ái Quốc (1930)

d. Nghị quyết của Quốc tế CS đối với CM ĐD

**Câu 8: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương tháng 7/1936 xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là**

a. chống phong kiến và tay sai b. **chống đế quốc và chống phong kiến**

c. chống đế quốc và tay sai d. chống thực dân và chủ ngĩa phát xí

**Câu 9: Phong trào đấu tranh công khai tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia vào đầu năm 1937 được gọi là phong trào**

a. **đón rước” phái viên G.Gô đa** b. Đông Dương đại hội

c. đấu tranh Nghị trường d. đấu tranh trên lĩnh vực báo chí

**Câu 10: Tháng 8/1936, Đảng vận động nhân dân thảo ra bản “dân nguyện” gửi tới phái đoàn Pháp là nội dung của**

a. phong trào đấu tranh nghị trường b. **phong trào Đông Dương Đại hội**

c. đấu tranh trên lĩnh vực báo chí d. phong trào đón tiếp phái viênG.Gôđa

**Câu 11**: **Tại sao Phong trào dân chủ 1936 – 1939 thu hút được sự hưởng ứng đông đảo của các tầng lớp nhân dân**

a. Sự xuất hiện của phát xít và nguy cơ chiến tranh

b. Quần chúng đã được tuyên truyền và giác ngộ cao về chính trị

c. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp nới lỏng một số chính sách tiến bộ

d. **Đảng đã đề ra mục tiêu, phương pháp và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp**

**Câu 12**: **Điểm** **khác về phương pháp đấu tranh của Phong trào cách mạng 1930 - 1931 so với Phong trào dân chủ 1936 – 1939 là**

a. đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang b. **công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp**

c. đấu tranh nghị trường và đấu tranh báo chí d. ngoại giao với vận động quần chúng

**Câu 13**: **Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1936), Đảng cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương gì ?**

a. Giải quyết được mâu thuẫn trước mắt của dân tộc b. Làm cách mạng giải phóng dân tộc

c. **Thực hiện mục tiêu trước mắt của cách mạng**

d. Xác định được mục tiêu trước mắt của CM nước ta

**Câu 14: Tên gọi Mặt trận Dân chủ Đông Dương được hình thành từ khi nào ?**

a. Tháng 7/1936.        b. Tháng 3/1938. c. Tháng 3/1936.        d. Tháng 7/1938.

**Câu 15: Chủ nghĩa phát xít có đặc điểm nào để phân biệt với chủ nghĩa tư bản?**

a. Độc tài, tàn bạo nhất, sô vanh nhất. b. Bóc lột thậm tệ đối với công nhân.

c. Đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính. d. Câu A và C đúng.

**Câu 16: Những sự kiện nào sau đây có liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939?**

a. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

b. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ - Tĩnh.

c. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1938.

d. Câu A và C đúng.

**Câu 17: Nhiệm vụ cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kì 1936 - 1939 là:**

a. Đánh đuổi đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

b. Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.

c. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. d. Chống Phát xít Nhật.

**Câu 18: Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là:**

a. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. d. Mặt trận Việt Minh.

b. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương. c. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

**Câu 19: Hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 diễn ra như thế nào?**

a. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

b. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

c. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khái đối mặt với kẻ thù.

d. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

**Câu 20: Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?**

a. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.

b. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên đưc nâng cao.

c. Tập họp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.

d. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

**Câu 21: Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là hai sự kiện nào?**

a. Phong trào Đại hội Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

b. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.

c. Phong trào đón Gôđa và đấu tranh nghị trường. d. Phong trào báo chí và đòi dân sinh dân chủ.

**Câu 22: Điều nào không phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các thuộc địa?**

a. Cho phép lập Hội ái hữu. b. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân.

c. Ân xá chính trị phạm. d. Cho phép xuất bản báo chí.

**Câu 23: Hình thức đấu tranh chủ yếu của phong trào "Đông Dương đại hội là gì?**

a. Tuần hành.        b. Mít tinh. c. Đưa dân nguyện.        d. Diễn thuyết.

**Câu 24: Kết quả lớn nhất của phong trào dân chủ 1936 - 1939 là:**

a. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phân quyên dân sinh, dân chủ.

b. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiêu hình thức.

c. Thành lập Mặt trận dân chủ nhân dân đoàn kết rộng rãi các tầng lớp.

d. Quần chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

**Câu 25: Vì sao cao trào dân chủ 1936 - 1939 được xem là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945?**

a. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, trình độ của Đảng viên được nâng cao.

b. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phô biến rộng rãi.

c. Tập dượt cho quần chúng đấu tranh chính trị, thành lập một đội quân chính trị rộng lớn tập hợp xung quanh Đảng.

d. Tất cả các vấn đề trên.

**Câu 26: So với phong trào 1930 - 1931, điểm khác biệt về phương pháp đấu tranh của thời kì 1936 - 1939 là**

a. Kết hợp đấu tranh công khai và nửa công khai.

b. Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang

c. Kết hợp đấu tranh nghị trường và đấu tranh kinh tế.

d. Kết hợp đấu tranh ngoại giao với vận động quần chúng.

**Câu 27: Ý nghĩa lịch sử tiêu biểu nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là gì?**

a. Dảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức phương pháp đấu tranh phong phú

b. Tập hợp một lượng công – nông hùng mạnh

c. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của Đảng viên được nâng cao

d. Uy tín của Đảng được nâng cao trong quần chúng nhân dân

**Câu 28: Điểm khác nhau trong cách xác định nhiệm vụ cách mạng trước mắt giai đoạn 1936-1939 so với giai đoạn 1930 – 1931 là**

a. Chống đế quốc và chống phong kiến.

b. Chống chế độ phản động thuôc điạ, chống phát xít, chống chiến tranh.

c. Chống đế quốc, phản động tay sai. d. Chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai

**Câu 29: Phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam là một phong trào**

a. có tính chất dân tộc b. có tính dân chủ.

c. không mang tính cách mạng. d. không mang tính dân tộc.

**Câu 30: Sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian:** 1. Cao trào kháng Nhật cứu nước; 2. Nhật xâm lược Đông Dương **;** 3. Mặt trận Việt Minh ra đời **;** 4. Nhật đảo chính Pháp

a. 1 – 3 – 2 – 4      b. 2 – 3 – 4 – 1 c. 3 – 4 – 2 – 1      d. 4 – 1 – 3

**Câu 31: Đường lối và phương pháp đấu tranh của Đảng đề ra thời kì (1936-1939) là căn cứ vào**

a. chính sách của chính phủ mặt trận nhân dân Pháp ban hành. b. tình hình cụ thể của Việt Nam

c. chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe doạ hoà bình an ninh thế giới d. tình hình thế giới và châu Á

**BÀI 16.**

**PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945).**

**NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI**

**Câu 1. Tháng 9 - 1940 diễn ra sự kiện:**

A. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ.

B. Quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp.

C. Nhật kéo vào Lạng Sơn VN.

D. Nhật đánh chiếm TQ.

**Câu 2. Nét nổi bật của tình hình Việt Nam từ sau tháng 9/1940 là gì?**

A. Việt Nam là thuộc địa của Pháp.

B. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp.

C. Pháp đã bị Nhật hất cẳng để độc chiếm Việt Nam.

D. Nhật đã ép Pháp kí nhiều điều ước chấp nhận Nhật có những đặc quyền ở Việt Nam.

**Câu 3. Thực dân Pháp ở ĐD thẳng tay đàn áp phong trào CM ĐD và thỏa hiệp với phát xít Nhật, phát xít Nhật lôi** **kéo, tập hợp tay sai truyên truyền lừa bịp để dọn đường hất cẳng Pháp. Đó là đặc điểm tình hình VN trong thời kì:**

A. 1940-1945. B. 1939-1945. C. 1936-1939. D. 1939-1940.

**Câu 4. Nhật xâm lược ĐD, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn dần từng bước để:**

A. Biến ĐD thành thuộc địa của Nhật.

B. Để độc quyền chiếm ĐD.

C. Biến ĐD thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

D. Làm bàn đạp tấn công nước khác.

**Câu 5. Thủ đoạn chính trị của Nhật khi vào VN là:**

A. ĐD nằm trong khối Liên hiệp Nhật.

B. Dùng thủ đoạn lừa bịp để nhân dân ta tưởng chúng là “bạn” chứ không phải là “thù”.

C. Pháp và Nhật cùng giúp đỡ dân tộc VN.

D. Tuyên truyền “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á”, sức mạnh vô địch của người Nhật.

**Câu 6. Để đối phó với tình hình mới, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách:**

A. Mở cửa cho Nhật vào ĐD.

B. Thẳng tay đàn áp phong trào CM, thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân ta.

C. Thi hành chính sách “ Kinh tế chỉ huy”.

D. Tăng các loại thuế gấp 3 lần.

**Câu 7. Sự áp bức, bóc lột dã man của Nhật - Pháp đã dẫn đến:**

A. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân VN, với phát xít Nhật sâu sắc.

B. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân VN với thực dân Pháp sâu sắc.

C. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc ĐD với Nhật - Pháp sâu sắc.

D. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc ĐD với Nhật sâu sắc.

**Câu 8. Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay là:**

A. Phá hoại nền nông nghiệp của ta.

B. Phát triển trồng cây công nghiệp.

C. Lấy nguyên liệu cần thiết phục vụ chiến tranh.

D. Phát triển công nghiệp.

**Câu 9. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hậu quả làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc chết đói trong giai đoạn cuối năm 1944 đến đầu năm 1945 là:**

A. Thực dân Pháp bắt nhân dân ta bán thóc theo diện tích cày cấy.

B. Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

C. Ngăn chặn không cho vận chuyển lương thực từ miền Nam ra miền Bắc.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

**Câu 10. Tháng 11-1939, Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD họp tại địa điểm**

A. Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định.

B. Pác Bó, Cao Bằng.

C. Quảng Châu, TQ.

D. Hương Cảng, TQ.

**Câu 11. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 11-1939 xác định mục tiêu của cách mạng là**

A. đánh đổ đế quốc.                          B. đánh đổ tay sai đế quốc.

C. đánh đổ đế quốc và tay sai.       D. ĐD hoàn toàn độc lập.

**Câu 12. Trung đội Cứu quốc quân I ra đời ở VN tháng 02-1941 có nòng cốt là**

A. đội du kích Ba Tơ.

B. đội du kích Thái Nguyên.

C. đội du kích Cao Bằng.

D. Đội du kích Bắc Sơn.

**Câu 13. Năm 1942, nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh là**

A. Lạng Sơn.                       B. Bắc Cạn. C. Hà Giang.                       D. Cao Bằng.

**Câu 14. Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận**

A. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận Đồng minh.

B. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận phản đế ĐD.

**Câu 15. Cuộc khởi nghĩa của tù chính trị trong cao trào “kháng Nhật cứu nước” ở VN vào tháng 3-1945 diễn ra tại**

A. Pác Bó (Cao Bằng).

B. Bắc Sơn (Lạng Sơn).

C. Ba Tơ (Quảng Ngãi).

D. Quảng Nam.

**Câu 16. Địa phương giành chính quyền muộn nhất trong tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 ở VN là**

A. Quảng Ngãi và Bắc Giang.

B. Bắc Giang và Hải Dương.

C. Hải Dương và Quảng Nam.

D. Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.

**Câu 17. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong**

A. Đại hội quốc dân Tân Trào (tháng 8/1945).

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 14-15/8/1945).

C. Hội nghị BCH TW Đảng (tháng 11/1939).

D. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

**Câu 18. Đối tượng của cách mạng được Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD họp vào tháng 5/1941 xác định là**

A. đế quốc Pháp, tay sai.

B. đế quốc Nhật – Pháp.

C. đế quốc Nhật và bon phản động.

D.đế quốc phát xít Pháp – Nhật và tay sai.

**Câu 19. Ngày 12-3-1945 Ban Thường vụ trung ương Đảng Cộng sản ĐD họp ra chỉ thị**

A. sắm vũ khí đuổi thù chung. B. sửa soạn khởi nghĩa, đuổi thù chung.

C. đánh đuổi Pháp – Nhật và bọn phong kiến. D. Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

**Câu 20. Năm 1942, ở VN, nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh là**

A. Cao Bằng.            C. Bắc Cạn. B. Lạng Sơn.             D. Tuyên Quang.

**Câu 21. Năm 1945, Đội VN giải phóng quân ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức**

A. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

B. VN tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.

C. VN tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.

D. VN tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.

**Câu 22. Quyết định Tổng khởi nghĩa cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào VN là của**

A. Hội nghị BCH TW Đảng (tháng 11/1939).

B. Hội nghị BCH TW Đảng (tháng 5/1941).

C. Đại hội quốc dân Tân Trào (15-16/8/1945).

D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).

**Câu 23. Từ 10 đến 19- 5-1941, tại Pác Bó (Hà Quảng-Cao Bằng) đã diễn ra**

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng.

B. Hội nghị lần thứ 6 của BCH TW Đảng.

C. Hội nghị lần thứ 7 của BCH TW Đảng.

D. Hội nghị lần thứ 8 của BCH TW Đảng.

**Câu 24. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 5/1941 đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng XH VN là**

A. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.

B. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp - Nhật.

C. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

D. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

**Câu 25. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 5/1941 quyết định tạm gác khẩu hiệu.**

A.“Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng đất”.

B. thực hiện “ Người cày có ruộng”.

C. “Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày”,

D.“Tịch thu ruộng đất của đê quốc và Việt gian chia cho dân cày”.

**Câu 26. Tháng 11 - 1939, tên gọi của Mặt trận ở  ĐD là**

A. Mặt trận nhân dân phản đế.

B. Mặt trận dân chủ ĐD.

C. Mặt trận phản đế ĐD.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế ĐD.

**Câu 27. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết Tuyên ngôn độc lập tại**

A. số nhà 48 phố Hàng Ngang – Hà Nội.

B. số nhà 48 phố Hàng Quạt – Hà Nội.

C. số nhà 48 phố Hàng Buồm – Hà Nội.

D. số nhà 84 phố Hàng Bún – Hà Nội.

**Câu 28. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN là**

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Thái Nguyên, Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

D. Cao Bằng, Bắc Cạn, Hải Dương, Hà Tĩnh.

**Câu 29. Chiều ngày 16-8-1945 theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyễn Giáp chỉ huy tiến về giải phóng**

A. Thị xã Cao Bằng.

B. Thị xã Thái Nguyên.

C. Thị xã Yên Bái.

D. Thị xã Tuyên Quang.

**Câu 30. Sau tháng 9/1940, để đối phó với tình hình mới khi Nhật vào ĐD, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách**

A. mở cửa cho Nhật vào ĐD.

B. thi hành chính sách “Kinh tế chỉ huy”.

C. tăng các loại thuế gấp 3 lần.

D. thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân ta.

**Câu 31. Mặt trận Việt Minh thành lập vào thời gian**

A. 28-1-1941. B. 10-5-1941. C. 19-5-1941. D. 29-5-1941.

**Câu 32. Khẩu hiệu thành lập “Chính phủ Dân chủ Cộng hòa” được đưa ra trong hội nghị**

A. Hội nghị BCH TW Đảng (tháng 11/1939).

B. Hội nghị BCH TW Đảng (tháng 5/1941).

C. Đại hội quốc dân Tân Trào (15-16/8/1945).

D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).

**Câu 33. Sau khi ra đời, đội VN tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng ở**

A. Bắc Giang và Hải Dương.

B. Phay Khắt và Nà Ngần.

C. Hà Tĩnh và Quảng Nam.

D. Tuyên Quang và Thái Nguyên.

**Câu 34. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập**

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế ĐD.

D. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế ĐD.

**Câu 35. Hội nghị toàn quốc của Đảng cộng sản ĐD họp từ 14 đến 15-8-1945 ở**

A. Pác Bó (Cao Bằng).

B. Bắc Sơn (Lạng Sơn).

C. Tân Trào (Tuyên Quang).

D. Phay Khắt (Cao Bằng).

**Câu 36. Tháng 8-1945, điều kiện khách quan bên ngoài rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân VN khởi nghĩa giành độc lập là**

A. Sự thất bại của phe phát xít ở châu Âu.

B. Sự thất bại của phe phát xít ở châu Phi.

C. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

D. Phát xít Đức, Italia tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

**Câu 37. Sau ngày 9-3-1945, ở VN, kẻ thù chính cụ thể trước mắt của nhân dân là**

A. Thực dân Pháp.

B. Phát xít Nhật.

C. Thực dân Pháp và tay sai.

D. Phát xít Nhật và đồng minh.

**Câu 38. Sự kiện chứng tỏ Đảng cộng sản ĐD đã hoàn thành việc chuẩn bị về chủ trương, đường lối cho cách mạng tháng Tám**

A. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 11-1939.

B. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 7-1940.

C. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 5-1941.

D. Hội nghị toàn quốc của ĐCS ĐD từ 14-15/8/1945.

**Câu 39. Chủ trương quan trọng nhất của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941) là**

A. thành lập Mặt trận Liên Việt.

B. thành lập Mặt trận Việt Minh.

C. tiến hành cách mạng ruộng đất và giải phóng dân tộc.

D. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

**Câu 40. Chọn một câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945.**

*“Cách mạng tháng Tám mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Nó đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của (1) hơn 80 năm và ách thống trị của (2) gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước (3).”*

A. Thực dân Pháp – phát xít Nhật – VN Dân chủ Cộng hòa.

B. Phát xít Nhật – thực dân Pháp - VN Dân chủ Cộng hòa.

C. Đế quốc Mĩ - phát xít Nhật – VN Dân chủ Cộng hòa.

D. Thực dân Pháp - đế quốc Mĩ – VN Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 41. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 8 (5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì**

A. chủ trương giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. chủ trương giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

C. hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị Trung ương lần 6.

D. hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị Trung ương lần 7.

**Câu 42. Sự kiện có ý nghĩa như là một trong những ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất của dân tộc**

A. Ngày 12-9-1930. B. Ngày 1-5-1938. C. Ngày 19-5-1941. D. Ngày 2-9-1945.

**Câu 43. “*Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.*Câu nói nhận định về sự kiện:**

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng năm 1975.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

**Câu 44. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 xuất hiện vào thời điểm**

A. Pháp suy yếu.

B. phong trào cách mạng lên cao

C. Nhật đầu hàng Đồng minh.

D. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim sụp đổ.

**Câu 45. Nhà thơ Tố  Hữu Viết: *“Ba mươi năm chân không mỏi***

***Mà đến bây giờ mới tới nơi”.***

**Đó là hai câu thơ nói về sự kiện:**

A. Nguyễn Ái Quốc về nước.

B. Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô.

C. Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương của Lênin.

D. Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (TQ).

**Câu 46. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là**

A. đấu tranh vũ trang.

B. đấu  tranh  bạo lực.

C. đấu tranh chính trị

D. đấu tranh ngoại giao

**Câu 47. Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp - Nhật, giai cấp bị khốn khổ nhất, tổn thất nhiều nhât trong nạn đói 1944-1945**

A. nông dân. B. thợ thủ công. C. công nhân. D. thợ mỏ.

**Câu 48. Tháng 6 -1940 sự kiện nổi bật nhất trong CTTGII có ảnh hưởng tới VN là**

A. chiến tranh thế giới bùng nổ.

B. chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.

C. phát xít Đức tấn công Pháp.

D. phát xít Đức tấn công Bỉ, Hà Lan.

**Câu 49. Sự kiện nào dưới đây nằm trong cao trào kháng Nhật cứu nước?**

A. Giảm tô, giảm thuế.

B. Chia ruộng đất cho nhân dân.

C. đấu tranh chống phong kiến.

D. cao trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói.

**Câu 50. Đội du kích đầu tiên của cách mạng VN có tên gọi là**

A. đội du kích Bắc Sơn.

B.đội du kích Ba Tơ.

C. đội du kích Võ Nhai.

D.đội du kích Đình Bảng.

**Câu 51. Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945 ở ĐD vì**

A. giúp nhân dân ĐD xây dựng nền độc lập.

B. để độc chiếm ĐD.

C. nước Pháp đã được giải phóng.

D. Nhật đang khốn đốn do bị Anh – Mĩ tấn công.

**Câu 52. Chỉ thị “ Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”có nội dung cơ bản là**

A. kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.

B. kêu gọi nhân dân sắm vũ khí đuổi thù chung.

C. khởi nghĩa giành chính quyền.

D. phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”.

**Câu 53.  Hội nghị quân sự Bắc Kì (15-4-1945) quyết định vấn đề quan trọng là**

A. thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

B. thành lập Quân đội nhân dân VN.

C. thành lập đội VN truyên truyền giải phóng quân.

D. thống nhất các lực lượng vũ trang thành VN giải phóng quân.

**Câu 54. Ủy ban quân sự Bắc Kì được thành lập có nhiệm vụ cơ bản là**

A. thành lập VN giải phóng quân,

B. thành lập khu giải phóng Việt Bác.

C. thành lập ủy ban lâm thời khu giải phóng.

D. thành lập đội VN tuyên truyền giải phóng quân.

**Câu 55. Cao trào kháng Nhật cứu quốc bắt đầu từ thời gian**

A. Tháng 12/1944. B. Tháng 3/1945. C. Tháng 5/1945. D. Tháng 8/1945.

**Câu 56. Mười lăm ngày Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám được tính từ mốc lịch sử nào?**

A.14-8-1945 đến 28-8-1945.

C.15-8-1946 đến 30-8-1945.

B.16-8-1945 đến 30-8-1945.

D.18-8-1945 đến 2-9-1945.

**Câu 57. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, trên thực tế nhân dân ta giành chính quyền từ tay**

A. Bọn phong kiến.

B. phát xít Nhật Bản.

C. Nhật và bọn phong kiến tay sai.

D. Pháp – Nhật và bọn phong kiến tay sai.

**Câu 58. Hội nghị BCH TW ĐCS ĐD tháng 11-1939 có ý nghĩa quan trọng là**

A. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. đặt nhiệm vụ chống phát xít Nhật lên hàng đầu.

C. đặt nhiệm vụ cách mạng ruộng đất lên hàng đầu.

D. chủ trương thành lập mặt trận riêng ở mỗi nước ĐD.

**Câu 59. Sự kiện không thuộc thời kỳ “Cao trào kháng Nhật cứu nước” ở VN là**

A. khởi nghĩa Ba Tơ (3-1945).

B. thành lập khu giải phóng Việt Bắc.

C. “Phá kho thóc giải quyết nạn đói”.

D. Chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa” của tổng bộ Việt Minh.

**Câu 60. Sự kiện đánh dấu chế độ phong kiến sụp đổ ở VN là**

A. vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

B. Nhật vào ĐD, thành lập chính phủ Trần Trọng Kim.

C. Ở miền Nam, Mĩ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”.

**Câu 61. Sự kiện mở ra thời kỳ giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội là**

A. cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

C. kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954-1975).

D. công cuộc đổi mới từ 1986.

**Câu 62. *“Hỡi quốc dân đồng bào !..Phát xít Nhật đã đầu hàng Đống minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục ...”*. Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám năm 1945**

A. thời cơ chủ quan thuận lợi

B. thời cơ khách quan thuận lợi .

C. thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

D. cách mạng tháng Tám đã thành công.

**Câu 63. Đêm ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp ở ĐD tạo nên cuộc khủng hoảng nào ở ĐD?**

A. Cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội ở ĐD.

B. Cuộc khủng hoảng về văn hóa.

C. Cuộc khủng hoảng  về xã hội.

D. cuộc khủng hoảng chính trị ở  ĐD.

**Câu 64. Tính chất của cách mạng tháng Tám là**

A. cách mạng vô sản.

B. cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

D. cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân

**Câu 65. Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày trong**

“*Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được*”.

A. Hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11/1939).

B. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5/1941).

C. “Tuyên ngôn độc lập” (2/9/1945).

D. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (19/12/1946).

**Câu 66. Sự áp bức, bóc lột dã man của Nhật - Pháp đã dẫn đên hậu quả**

A. mâu thuẫn giừa toàn thể nhân dân VN, với phát xít Nhật sâu sắc.

B. mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân VN với thực dân Pháp sâu sắc.

C. mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc ĐD với Nhật - Pháp sâu sắc.

D. mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc ĐD với Nhật sâu sắc.

**Câu 67. Mục đích của Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay là**

A. phá hoại nền nông nghiệp của ta.

B. phát triển trồng cây công nghiệp.

C. phát triển nền kinh tế công nghiệp.

D. lấy nguyên liệu phục vụ chiến tranh.

**Câu 68. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8(5-1941) có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945 vì**

A. giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

C. củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

D. hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung  ương lần thứ 6.

**Câu 69. Tên nước VN Dân chủ Cộng hòa ra đời trong thời điểm lịch sử**

A. Hội nghị toàn quốc diễn ra từ ngày 13 đến 15/8/1945.

B. Đại hội quốc dân Tân Trào (16 đến 18/8/1945).

C. khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội (19/8/1945).

D. “Tuyên ngôn độc lập” ngày 2/9/1945.

**Câu 70. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN là**

A. do sự đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân.

B. do chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh.

C. quá trình chuẩn bị chu đáo của toàn Đảng, toàn dân trong suốt 15 năm.

D. do Đảng cộng sản ĐD, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

**Câu 71. “Tạm gác lại khẩu hiệu ruộng đất” là chủ trương đưa ra trong thời kỳ nào của cách mạng VN?**

A. 1930-1931. B. 1936-1939. C. 1939-1945. D. 1945-1954.

**Câu 72. “Việc thực hiện chính sách hai mặt: Một mặt chúng vẫn tiếp tục đàn áp bóc lột nhân dân ta. Mặt khác đưa ra nhiều thủ đoạn lừa bịp hòng làm cho nhân dân ta tưởng chúng là “bạn” chứ không phải là “thù””. Đó là chính sách của**

A. thực dân Pháp.

B. phát xít Nhật.

C. tay sai phong kiến.

D. thực dân Pháp và phát xít Nhật.

**Câu 73. Mặt trận giữ vai trò chuẩn bị trực tiếp, quyết định cho Cách mạng tháng Tám 1945 ở VN là**

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Việt minh.

C. Mặt trận dân chủ ĐD.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế ĐD.

**Câu 74. Yếu tố tác động làm cho cách mạng tháng Tám 1945 nổ ra và giành được thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu là**

A. do thời cơ chủ quan thuận lợi.

B. do thời cơ khách quan thuận lợi.

C. do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

D. do nhân dân ta vùng lên đấu tranh đồng loạt ở khắp các địa phương.

**Câu 75. Khoảng thời gian từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào VN năm 1945 được gọi là**

A. thời cơ thuận lợi.

B. thời cơ “ngàn năm có một”.

C. điều kiện khách quan thuận lợi.

D. khoảnh khắc “ngàn cân treo sợi tóc”.

**Câu 77. Bản “Tuyên ngôn độc lập” ngày 2-9-1945 ở VN đã tuyên bố thành lập nhà nước**

A. VN Dân chủ Cộng hòa.

B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN.

C. VN Cộng hòa.

D. Chính phủ CM lâm thời CH miền Nam VN.

**Câu 78. Tổ chức có nhiệm vụ chỉ huy các chiến khu ở Bắc Kì và giúp đỡ cả nước về quân sự trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN là**

A. Cứu quốc quân.

B. Đội VN giải phóng quân.

C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

D. Đội VN tuyên truyền giải phóng quân.

**Câu 79. Hình ảnh thu nhỏ của nước VN mới trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là**

A. Bắc Sơn-Võ Nhai.

B. Căn cứ Cao Bằng.

C. Căn cứ Cao-Bắc-Lạng.

D. Khu giải phóng Việt Bắc.

**Câu 80. Khởi nghĩa thắng lợi ở các địa phương nào trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN đã tác động mạnh đến các địa phương trong cả nước?**

A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Hải Phòng.

B. Đồng Nai Thượng, Hà Tiên, Đà Nẵng.

C. Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Nội.

D. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

**Câu 81. Nguyên nhân chung quan trọng nhất dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và các thắng lợi sau này ở VN là**

A. điều kiện khách quan thuận lợi.

B. chớp thời cơ cách mạng kịp thời.

C. quá trình chuẩn bị chu đáo cho cách mạng.

D. truyền thống yêu nước của dân tộc VN.

**Câu 82. Để giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản ĐD đã có quá trình chuẩn bị trong thời gian**

A. 1930-1945. B. 1935-1945. C. 1936-1945. D. 1939-1945.

**Câu 83. Để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN, Đảng cộng sản ĐD đã có quá trình chuẩn bị quan trọng nhất trong thời gian**

A. 1930-1945. B. 1935-1945. C. 1936-1945. D. 1939-1945.

**Câu 85. Chiến thắng nào của quân Đồng minh đã tạo thời cơ để nhân dân VN đứng lên Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?**

A. Chiến thắng phát xít Italia và phát xít Đức.

B. Chiến thắng phát xít Đức và quân phiệt Nhật.

C. Chiến thắng phát xít Italia và quân phiệt Nhật.

D. Chiến thắng phát xít Đức ở châu Âu và châu Á.

**Câu 86. Sự kiện đã mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử VN, phá tan ách thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến là**

A. cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

C. kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954-1975).

D. công cuộc đổi mới từ 1986.

**Câu 87. Đảng cộng sản ĐD đã tập hợp các lực lượng yêu nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên cơ sở khối liên minh**

A. công-nông.

B. công-nông-tư sản dân tộc.

C. công-nông-trí thức tiểu tư sản.

D. công-nông-trí thức tiểu tư sản-tư sản dân tộc.

**Câu 88. Hình thái khởi nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là**

A. tổng khởi nghĩa trên quy mô cả nước.

B. chờ khi có điều kiện khách quan thuận lợi.

C. từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

D. kết hợp đấu tranh chính trị và  đấu tranh vũ trang.

**Câu 89. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ảnh hưởng trực tiếp và to lớn đến phong trào giải phóng dân tộc của hai quốc gia Đông Nam Á là**

A. Campuchia và Lào.

C. Campuchia và Thái Lan.

B. Lào và TQ.

D. Lào và TQ.

**Câu 90. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN có ý nghĩa quốc tế nổi bật là**

A. góp phần làm suy yếu chủ nghĩa thực dân.

B. góp phần vào thắng lợi của cách mạng châu Á.

C. góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

D. góp phần vào thắng lợi của phong trào công nhân trong CTTGII.

**Câu 91. Bài học kinh nghiệm trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 mà Đảng Cộng sản VN có thể áp dụng trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ hiện nay là**

A. chớp thời cơ.

B. tăng cường quan hệ ngoại giao.

C. tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

D. tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất.

**Câu 92. Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở VN góp phần đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng VN trong các giai đoạn sau là**

A. Đảng phải có đường lối đúng đắn.

B. Đảng phải nắm bắt tình hình thế giới kịp thời.

C. Đảng phải linh hoạt kết hợp các biện pháp đấu tranh.

D. Đảng phải tập hợp các lực lượng yêu nước rộng rãi trong các mặt trận.

**Câu 93. Mối quan hệ giữa hai khẩu hiệu: “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày” được giải quyết trong thời kỳ 1939-1945 .**

A. tạm gác khẩu hiệu ruộng đất.

B. không thực hiện hai khẩu hiệu trên.

C. tạm gác lại khẩu hiệu giải phóng dân tộc.

D. tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.

**Câu 94. Nhật xâm lược ĐD, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn dần từng bước để:**

A. làm bàn đạp tấn công nước khác.

B. biến ĐD thành thuộc địa của Nhật.

C. để độc quyền chiếm ĐD và khai thác triệt để.

D. biến ĐD thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

**Câu 95. Nhật xâm lược ĐD, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn dần từng bước để:**

A. làm bàn đạp tấn công nước khác.

B. biến ĐD thành thuộc địa của Nhật.

C. để độc quyền chiếm ĐD và khai thác triệt để.

D. biến ĐD thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

**BÀI 17**

**NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2.9.1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19.12.1946**

**Câu 1. Điền thêm từ còn thiếu trong câu nói sau của Bác Hồ : "Giặc đói, giặc dốt là ... của giặc ngoại xâm" .**

A. Bạn. B. Tay sai. C. Đồng minh. D. Anh em.

**Câu 2. Quân Trung Hoa Quốc dân đảng khi tiến vào VN đã làm gì ?**

A. Sách nhiễu chính quyền cách mạng, đòi cải tổ Chính phủ, thay đổi quốc kì, Hồ Chí Minh phải từ chức.

B. Sử dụng một bộ phận Quân đội Nhật chờ giải giáp, đánh úp trụ sở chính quyền cách mạng.

C. Ngầm giúp đỡ, trang bị vũ khí cho quân Pháp, ủng hộ các hành động khiêu khích quân sự của Pháp.

D. Cản trở vẻ mặt ngoại giao, vận động các nước lớn không công nhận nước VN Dân chủ Cộng hoà.

**Câu 3. Cuối tháng 8/1945, Quân đội của các nước nào đã có mặt trên lãnh thổ VN ?**

A. Anh, Pháp.

B. Anh, Trung Hoa Dân quốc.

C. Nhật, Pháp.

D. Pháp, Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 4. Thuận lợi cơ bản của nước VN Dân chủ Cộng hòa sau tháng 8/1945 là:**

A. Ta đã nắm chính quyền trên tất cả các tỉnh thành trong cả nước; Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế III tích cực ủng hộ, giúp đỡ.

B. Nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ, rất gắn bó, ủng hộ chế độ mới; cách mạng thế giới cũng phát triển theo hướng có lợi cho ta.

C. Cách mạng nước ta được sự ủng hộ nhiệt liệt của các nước trong phe xã hội chù nghĩa.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 5. Nguyên nhân nào gây nên tình trạng rối loạn tài chính của nước VN DCCH sau khi Cách mạng tháng Tám thành công ?**

A. Ta chưa in được tiền mới.

B. Ta không giành được quyền kiểm soát ngân hàng Đông Dương.

C. Ta buộc phải chấp nhận đổng tiền mất giá "quan kim", "quốc tệ".

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 6. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử Quốc hội khoá I là?**

A. Đánh dấu sự thất bại bước đầu của bọn đế quốc, phản động tay sai trong âm mưu chống phá chính quyền cách mạng.

B. Là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, biểu dương khối đại đoàn kết dân tộc, ý chí quyết tâm ủng hộ chế độ mới của nhân dân ta.

C. Tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho chính quyền cách mạng, nâng cao uy tín của nước VN Dân chủ Cộng hoà trên thế giới.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 7. Vì sao nói cuộc Tổng tuyển cử tháng 1 - 1946 là cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh chính trị gay go, quyết liệt ?**

A. Vì lúc đó nhân dân ta hầu hết mù chữ nên việc thực hiện quyền công dân rất khó khăn.

B. Vì lúc đó Nước VN Dân chủ Cộng hoà gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế - tài chính, một nửa nước đã có chiến tranh.

C. Vì cuộc Tổng tuyển cử diễn ra trong điếu kiện các thế lực đế quốc, tay sai ráo riết chống phá chính quyền cách mạng, chống lại độc lập tự do của dân tộc ta.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 8. Sau cuộc bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban hành chính các cấp đã được thành lập ở khu vực:**

A. Bắc Bộ, Nam Bộ.

B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

C. Bắc Bộ, Trung Bộ.

D. Bắc Bộ, Nam Trung Bộ.

**Câu 9. Chính quyền cách mạng đã thực hiện các biện pháp cấp thời nào để giải quyết nạn đói ?**

A. Phát động phong trào tăng gia sản xuất.

B. Chia ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng dân chủ.

C. Giúp dân khôi phục, xây dựng lại hộ thống đê diều.

D. Điều tiết lượng thóc gạo giữa các địa phương, nghiêm cấm nạn đầu cơ lương thực.

**Câu 10. Điền thêm từ còn thiếu trong lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch : "... , ... ngay,... nữa. Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay, đó là cách thiết thực để ta giữ vững quyền tự do độc lập".**

A. Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất.

B. Thực hành tiết kiệm, tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất.

C. Không bỏ hoang ruộng đất, tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất.

D. Khôi phục thuỷ lợi, tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất.

**Câu 11. “Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo để cứu dân nghèo”. Là câu phát biểu của:**

A. Hồ Chí Minh. B. Trường Chinh. C. Võ Nguyên Giáp. D. Phạm Văn Đồng.

**Câu 12. Bầu cử Quốc hội khoá I được tiến hành trong thời gian nào? Có bao nhiêu đại biểu được bầu vào Quốc hội?**

A. 6/ 1/1946,233 đại biểu.

B. 1/6/1946, 290 đại biểu.

C. 6/1/1946, 333 đại biểu.

D. 16/1/1946, 280 đại biểu.

**Câu 13. Tháng 11/1946, ai giữ chức Bộ trường Bộ ngoại giao trong Chính phủ VN Dân chủ Cộng hoà ?**

A. Hồ Chí Minh. B. Nguyễn Tường Tam. C. Lê Văn Hiến. D. Phạm Văn Đồng.

**Câu 14. Chính phủ VN Dân chủ Cộng hoà đã tiến hành biện pháp gì để giải quyết vấn để ruộng đất cho nông** **dân sau khi giành chính quyền thắng lợi?**

A. Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho người không có ruộng.

B. Lấy ruộng đất của đế quốc, địa chủ chia cho dân nghèo.

C. Chia lại ruộng đất công, tạm cấp ruộng đất bỏ hoang cho nông dân thiếu ruộng.

D. Tất cả các biện pháp trên.

**Câu 15. Cơ quan chuyên giải quyết nạn dốt có tên gọi là gì ?**

A. Nha Học chính.

B. Ty Bình dân học vụ.

C. Nha Bình dân học vụ.

D. Ty học vụ.

**Câu 16. Thắng lợi của chính quyền cách mạng trên lĩnh vực tài chính (1946) là :**

A. Nhân dân đã quyên góp được 370 kg vàng cho ngân quỹ quốc gia.

B. Nhân dân đã quyên góp được 20 triệu đồng cho "Quỹ độc lập".

C. Tiền mới của Chính phủ VN Dân chủ Cộng hoà đã được lưu hành trong cả nước.

D. Nhân dân đã quyên góp được 40 triệu đồng cho quỹ đảm phụ quốc phòng.

**Câu 17. Để kêu gọi đồng bào tham gia Bình dân học vụ, diệt giặc dốt, Hồ Chủ Tịch đã nói: "Một dân tộc ... là một dân tộc ... ! ". Hãy điền những từ còn thiếu.**

A. Ít học, dốt.

B. Dốt, yếu.

C. Không học tập, không thể làm chủ đất nước mình.

D. Không học tập, dốt.

**Câu 18. Ngày Nam Bộ kháng chiến chống Pháp trở lại xâm lược là ngày :**

A. Ngày 6/9/1945. B. Ngày 23/9/1945. C. Ngày 5/10/1945. D. Ngày 22/9/1945.

**Câu 19. Sách lược đối ngoại của Đảng ta trong thời gian từ tháng 9/1945 đến tháng 2/1946 ?**

A. "Hoà Trung Hoa dân quốc, đuổi Pháp”.

B. "Hoà Trung Hoa dân quốc, đánh Pháp”.

C. "Hoà Pháp, đuổi Trung Hoa dân quốc”.

D. "Hoà hoãn với Pháp và Trung Hoa dân quốc”.

**Câu 20. Cơ sở nào để ta lựa chọn sách lược hoà hoãn với Tưởng ?**

A. Vì Đảng ta đã sớm nhận định quân đội Tưởng sớm muộn rồi sẽ phải rút về nước để đối phó với phong trào cách mạng trong nước.

B. Vì quân Tưởng chưa công khai chống phá cách mạng bằng vũ lực mà chỉ xúi giục, giật dây cho bọn tay sai phản động.

C. Vì ở Nam Bộ, thực dân Pháp đã gây hấn.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 21. Ta đã nhân nhượng với Tưởng Giới Thạch như thế nào ?**

A. Chấp nhận mọi yêu cầu cải tổ Chính phủ, Quốc hội theo ý chúng.

B. Chấp nhân tiêu tiền TQ, cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho quân Tưởng.

C. Chấp nhận tất cả mọi yêu cầu đảm bảo trật tự trị an, phương tiện đi lại của quân đôi Tưởng.

D. Chấp nhận cung cấp toàn bộ lương thực thực phẩm cho quân đôi Tưởng.

**Câu 22. Nhận xét chung về thái độ của Chính phủ VN DCCH với quân đội Tưởng Giới Thạch là** :

A. Ta nhân nhượng tuyệt đối.

B. Ta nhân nhượng từng bước.

C. Ta nhân nhượng có nguyên tắc.

D. Ta nhân nhượng quá nhiều.

**Câu 23. Tác dụng của việc thực hiện chính sách nhân nhượng quân đội Tưởng Giới Thạch ?**

A. Làm thất bại âm mưu “diệt cộng cầm Hồ” của chúng.

B. Hạn chế đến mức thấp nhất những hoạt động chống phá của Quân đội Tưởng Giới Thạch và các lực lượng phản động tay sai.

C. Tạo điều kiện cho ta tập trung đối phó với cuộc xâm lược của Pháp ở Nam Bộ.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 24. Vì sao từ tháng 3/1946, ta chủ trương hoà hoãn với Pháp ?**

A. Pháp đã thương lượng để cả Anh và Tưởng giao quyền giải giáp lực lượng phát xít ở VN cho chúng.

B. Hoà hoãn với Pháp để đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng về nước.

C. Pháp đang có ý định thương lượng với Chính phủ cách mạng.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 25. Theo Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, có bao nhiêu quân Pháp sẽ ra Bắc và đóng quân trong thời gian bao lâu ?**

A. 15.000 quân , 5 năm.

B. 150.000 quân, 8 năm.

C. 1.500 quân, 6 năm.

D. 150.000 quân, 3 năm.

**Câu 26. Điều nào sau đây có trong với nội dung Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) ?**

A. VN là một quốc gia độc lập trong khối Liên hợp Pháp.

B. VN là một quốc gia tự trị trong khối Liên hợp Pháp.

C. VN là một quốc gia tự do trong khối Liên hợp Pháp.

D. VN là một quốc gia tự chủ trong khối Liên hợp Pháp.

**Câu 27. Ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946:**

A. Có thêm thời gian hoà hoãn để củng cố chính quyền cách mạng.

B. Mở ra một khả năng giải quyết vấn đề VN bằng thương lượng, tỏ rõ thiện chí hoà bình của dân tộc.

C. Là hiệp ước đầu tiên Chính phủ cách mạng kí kết với đại diện nước khác, như thế mặc nhiên Chính phủ Pháp là nước đã công nhận chính phủ VN Dân chủ Cộng hoà.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 28. Hồ Chủ tịch trước khi sang Pháp đã dặn : "Dĩ bất biến, ứng vạn biến". Theo em cái "bất biến" của dân tộc ta trong thời điểm này là gì ?**

A. Hoà bình. B. Độc lập. C. Tự do. D. Tự chủ.

**Câu 29. Trưởng đoàn đại biểu VN tham dự cuộc đàm phán tại Phôngtennơblô là ai ?**

A. Nguyễn Tường Tam. B. Hồ Chí Minh. C. Phạm Văn Đồng. D. Võ Nguyên Giáp.

**Câu 30. Vì sao đàm phán tại Hội nghị Phôngtennơblô thất bại ?**

A. Vì ta chưa có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao, đàm phán.

B. Vì dư luận thế giới không ủng hộ ta.

C. Vì Pháp muốn tái chiếm VN, không có thiện chí đàm phán.

D. Vì thái độ của phái đoàn tại cuộc đàm phán quá cứng rắn.

**Câu 31. Cuộc đàm phán tại Phôngtennơblô có ý nghĩa gì ?**

A. Khẳng định mạnh mẽ lập trường không thể lay chuyển của ta : độc lập, thống nhất.

B. Thể hiện thiện chí mong muốn hoà bình và có một giải pháp hoà bình về vấn đề VN của ta.

C. Hội nghị đã làm cho dư luận thế giới, nhân dân tiến bộ Pháp hiểu rõ hơn về thực chất của cuộc xung đột Việt - Pháp và tỏ thái độ ủng hộ VN.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 32. Đại điện Việt - Pháp kí Tạm ước ngày 14/9/1946 là ai ?**

A. Hồ Chí Minh, Xanh-tơ-ni.

B. Võ Nguyên Giáp, Đắc-giăng-li-ơ.

C. Hồ Chí Minh, Mu-tê.

D. Phạm Văn Đồng, Pôn-muýt.

**Câu 33. Bác Hồ gửi thư cho đồng bào Nam Bộ khẳng định : "Đồng bào Nam Bộ là dân nước VN, sông có** **thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi" trong hoàn cảnh nào ?**

A. Pháp vẫn tiếp tục đẩy mạnh chiến sự tại Nam Bộ.

B. Pháp âm mưu tách Nam Bộ khỏi VN bằng chủ trướng biến Nam Kì thành xứ tự trị.

C. Hồ Chí Minh chuẩn bị lên đường sang Pháp dự Hội nghị Phôngtennơblô.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 34. Tình hình VN sau Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 ?**

A. Quân Trung Hoa dân quốc rút, Pháp đã phải chấp hành lệnh ngừng bắn ở Nam Độ.

B. Quân Trung Hoa dân quốc rút, nhưng Pháp ở Nam Bộ vẫn tiến hành các hoạt động quân sự.

C. Âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi VN, Pháp đã liên tục gây sức ép buộc ta phải chấp nhận họp Hội nghị Việt – Pháp tại Phôngtennơblô.

D. Quân Trung Hoa dân quốc rút, bọn tay sai của chúng quay sang ủng hô, liên kết với Pháp liên tục gây ra các vụ bạo động quân sự ở miền Bắc.

**Câu 35. Khó khăn nào đẩy chính quyền CM nước ta sau ngày 2/9/1945 vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?**

A. Tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.

B. Nạn đói, nạn dốt đe dọa nghiêm trọng, ngân quỹ của nhà nước trống rỗng.

C. Âm mưu của Tưởng và Pháp.

D. Tất cả các khó khăn trên.

**Câu 36. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào, ở đâu ?**

A. Ngày 1 - 6 - 1946, tại Hà Nội.

B . Ngày 2 - 3 - 1946, Hà Nội.

C. Ngày 12 - 11- 1946, Tân Trào - TQ.

D. Ngày 20 - 10 - 1946, Hà Nội.

**Câu 37. Câu nào dưới đây thuộc lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói**

A. "Không một tất đất bỏ hoang".

B. "Tấc đất, tấc vàng".

C. "Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!" .

D. Tất cả các câu trên.

**Câu 38. Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám, nhân** **dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?**

A. "Ngày đồng tâm". B. "Tuần lễ vàng". C. "Quỹ độc lập". D.Câu B và C đúng.

**Câu 39. Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau đây:**

A. Đến đầu tháng 3 - 1946, riêng Bắc Bộ có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

B. Đến đầu tháng 3 - 1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

C. Đến đầu tháng 3 - 1946, riêng Bắc Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

D. Đến đầu tháng 3 - 1946, cả nước đã mở gần 3 vạn lớp học với 81 vạn.

**Câu 40. Cao uỷ Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến 1947 là:**

A. Lơ-cơ-léc. B. Bô-la-éc. C. Đác-giăng-li-ơ. D. Rơ-ve.

**Câu 41. Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?**

A. Ngày 2 - 9 - 1945, khi nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn tổ chức mit tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết, và nhiều người bị thương.

B. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố SG.

C. Ngày 17- 11- 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

D. Ngày 18 - 12 - 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.

**Câu 42. Trước ngày 6 - 3 - 1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược:**

A. Hòa với Tưởng để đánh Pháp.

B. Hòa với Pháp để đuổi Tưởng.

C. Hòa với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

D. Thực hiện cuộc kháng chiến chống cả Pháp và Tưởng.

**Câu 43. Nội dung đầu tiên của Hiệp đinh sơ bộ ngay 6 - 3 -1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là gì?**

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong Liên hiệp Pháp.

B. Chính phủ Pháp công nhận nước VN Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của VN.

D. Chính phủ Pháp công nhận nước VN Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia thống nhất, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

**Câu 44. Tạm ước 14 - 9 - 1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi nào?**

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc.

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

**Câu 45. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Tạm ước 14 - 9 - 1946 với Chính phủ Pháp tại:**

A. Đà Lạt. B. Phôngtennơblô. C. Pa ri. D. Hà Nội.

**Câu 46. Hãy điền các từ đúng vào câu sau đây: “Bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 và Tạm ước 14 - 9 -** **1946, chúng ta đã đập tan âm mưu của ... chống lại ta”.**

A. Đế quốc Mĩ cấu kết với Tưởng.

B. Đế quốc Pháp cấu kết với Tưởng.

C. Tưởng cấu kết với Pháp.

D. Đế quốc Pháp cấu kết với Anh.

**Câu 47. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám phải đối phó với nhiều khó khăn như thế nào?**

A. Nạn đói, nạn dốt, giặc ngoại xâm.

B. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng.

C Nạn đói, nạn dốt, ngân sách trống rỗng, nạn ngoại xâm và nội phản.

D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản.

**Câu 48. Những thuận lợi cơ bản của nước ta sau tháng Tám 1945**

A. Nhân dân lao động đã giành chính quyền làm chủ tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

B. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa phụ thuộc.

C. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển.

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 49. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh** **tế, văn hoá, quân sự thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:**

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

C. Tuyên ngôn độc lập 2 - 9 - 1945.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I (6 - 1 - 1946).

**Câu 50. Quốc hội khoá I (6 - 1 - 1946) đã bầu được**

A. 333 đại biểu. B. 334 đại biểu. C. 335 đại biểu. D. 336 đại biểu.

**Câu 51.Ngày 2 - 3 - 1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên đã nêu lên vấn đề:**

A. Lập ra dự thảo hiến pháp đầu tiên của nước ta.

B. Xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu nước VN Dân Chủ Cộng hòa.

C. Thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hô Chí Minh đứng đầu.

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 52. Sự kiện nào trong năm 1945 - 1946 khẳng định chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, nền móng của chế độ mới được xây dựng?**

A. Tổng tuyển cử trong cả nước 6 - 1 - 1946.

B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thành lập ủy ban hành chính các cấp.

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 53. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6- 1 - 1946 khăng định vấn đề gì?**

A. Thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.

B. Xây dựng được chế độ mới họp lòng dân.

C. Đất nước vượt qua khó khăn thử thách.

D. A và B đúng.

**Câu 54. Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp?**

A Tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước VN Dân chủ Cộng hòa.

B. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tính thần làm chủ đất nước giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kè thù đối với chế độ mới.

C. Đưa đất nước thoát khỏi tinh thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

D. A và B đúng.

**Câu 55. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau cách mạng tháng Tám là gì ?**

A. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

B. Giải quyết về vấn đề tài chính.

C. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

D. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

**Câu 56. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp lâu dài nào là quan trọng nhất?**

A. Lập hũ gạo tiết kiệm.

B. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

C. Tăng cường sản xuất.

D. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

**Câu 57. Ý nghĩa thắng lợi của công cuộc chống đói?**

A. Thể hiện trách nhiệm “vì dân” của chính quyền mới.

B. Làm cho nhân dân càng phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Mình.

C. Có điều kiện để đẩy mạnh phát triển sản xuất.

D. Thể hiện vai trò của nhà nước mới.

**Câu 58. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?**

A. Dựa vào lòng nhiệt tình yêu nước của nhân dân.

B. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền VN (31 - 1 - 1946).

C. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền VN trong cả nước (23 – 11 - 1941).

D. Tiết kiệm chi tiêu.

**Câu 59. Chính sách nào do Chính phủ ban hành có thể thực hiện được ngay?**

A. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày.

B. Chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

C. Ra thông tư giảm tô.

D. Bãi bỏ thuế thân vồ các thứ thuế vô lí khác.

**Câu 60. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập nha Bình Dân học vụ vào ngày tháng năm nào ?**

A. 7 - 3 - 1945. B. 8 - 9 - 1945. C. 9 – 9 - 1945. D. 10 – 9 - 1945.

**Câu 61. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào thực hiện "Tuần lề vàng, "Quỹ độc lập nhằm mục đích gì?**

A. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

B. Quyên góp tiền, để xây dựng đất nước.

C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.

D. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

**Câu 62. Chính phủ kí sắc lệnh phát hành tiền VN vào ngày tháng năm nào ?**

A. 28-1-1946. B. 29-1-1946. C. 30-1-1946. D. 31-1-1946.

**Câu 63. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền VN trong cả nước ngày:**

A. 23 - 11 - 1946. B. 24 - 11 - 1946. C. 25 - 11 - 1946. D. 26 - 11 - 1946.

**Câu 64. Nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường đấu tranh chổng thù trong giặc ngoài. Đó là kết quả:**

A. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám.

B. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn dốt sau Cách mạng tháng Tám.

C. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết về tài chính sau Cách mạng tháng Tám.

D. Những chủ trương và biện pháp để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính sau CMT8.

**Câu 65. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính:**

A. Thể hiện được bản chất, tính ưu việt của chê độ mới.

B. có vũ động viên nhân dân ta quyết tâm bảo vệ chính quyên cách mạng, bảo vệ độc lập tự do vừa giành được.

C. Chuẩn bị về vật chất, tinh thần cho toàn dân tiến tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 66. Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?**

A. Bọn Việt quốc, Việt cách.

B. Đế quốc Anh.

C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

D. Quân Nhật đang còn tại VN.

**Câu 67. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược, mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở**

A. Sài Gòn - Chợ Lớn. B. Nam Bộ. C. Trung Bộ. D. Bến Tre.

**Câu 68. Lí do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hòa hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?**

A. Tưởng dùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt cách để phá ta từ bên trong.

B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của Anh.

C. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù mạnh.

D. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

**Câu 69. Lí do nào là cơ bản nhất để ta chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị?**

A. Ta chưa đủ sức đánh 2 vạn quân Tưởng.

B. Tưởng có bọn tay sai Việt Quốc, Việt cách hỗ trợ từ bên trong.

C. Tránh trình trạng một lúc phải đổi phó với nhiều kẻ thù.

D. Hạn chế việc Pháp và Tưởng cấu kết với nhau.

**Câu 70.** Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hoà hoãn nhân nhượng Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

C. Vì Pháp và Tưởng đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

**Câu 71. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?**

A. Quốc hội khoá 1 (2 - 3 - 1946) chủ trương cho Tưởng một số ghế trong Quốc hội.

B. Hiệp ước Hoa - Pháp (28 - 2 - 1946).

C. Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp (6- 3- 1946).

D. Tạm ước Việt - Pháp (14 - 9 - 1946).

**Câu 72. Vì sao ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6 - 3 - 1946?**

A. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc.

B. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước.

C. Tranh thủ thời gian hoà hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng.

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 73. Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ 6 - 3 - 1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là:**

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

B. Chính phủ Pháp công nhận nước VN Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của VN.

D. Chính phủ Pháp công nhận nước VN Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia độc lập, có chính phủ riêng, quân đội riêng và nền tài chính riêng.

**Câu 74. Việc kí Hiệp định sơ bộ 6 - 3 - 1946 chứng tỏ:**

A. Sự mềm dẻo của ta trong việc phân hoá kẻ thù.

B. Đường lối chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.

C. Sự thoả hiệp của Đảng ta và Chính phủ ta.

D. Sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

**Câu 75. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6 - 3 - 1946 có lợi thực tế cho ta?**

A. Pháp công nhận VN dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ VN thoả thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

**Câu 76. Đối với 2 kẻ thù Tưởng và Pháp, Đảng và Bác đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp. Chủ trương biện pháp nào sau đây được xem là “đau đớn” nhất để cứu vãn tình hình?**

A. Để tay sai Tưởng được tham gia Quốc hội và chính trị.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố giải tán (11 - 11 - 1945) sự thật là rút vào bí mật.

C. Nhận tiêu tiền "Quan kim" "Quốc tệ" của Tưởng.

D. Kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946, đồng ý cho Pháp ra miền Bấc thay thế Tưởng.

**Câu 77. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?**

A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

B. Thời gian đàm phán ngắn.

C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

**Câu 78. Tạm ước 14 - 9 - 1946 ta nhân nhượng cho Pháp một số vấn đề gì?**

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15000 quân ra Bắc.

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Một số quyền lợi về kinh tế, quân sự.

**Câu 79. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ nào?**

A. Ngày 18 - 12 - 1946.

B. Đêm 19 - 12 - 1946.

C. Đêm 20 - 12 - 1946.

D. Ngày 22 - 12 - 1946.

**Câu 80. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào?**

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19- 12 - 1946).

B. Chỉ thị ‘Toàn dân kháng chiến" của ban thường vụ Trung ương Đảng (22 - 12 - 1946).

C. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh (9-1947).

D. Tất cả các văn kiện trên.

**BÀI 18**

**NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP**

**(1946 – 1950)**

Câu 1. Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ ngày 19/12/1946?

A. Đó là thời điểm ta đã hoàn tất mọi công tác chuẩn bị cho kháng chiến, còn Pháp đang gặp khó khăn vì xung đột Pháp - Anh ở Nam bộ đã bùng nổ.

B. Lúc này viện quân Pháp vừa mới đến Hải Phòng, chưa kịp củng cố lực lượng, ta chủ động tiến công để tạo thế áp đảo, bất ngờ.

C. Sự nhân nhượng đã đến giới hạn, dân tộc ta không thể lùi thêm được nữa, không còn có sự lựa chọn nào khác.

D. Quân đội Pháp đã mở rộng đánh chiếm Hà Nội, ta không có sự lựa chọn nào khác.

**Câu 2. Trong cuộc họp nào, Trung ương Đảng đã chọn ngày 19/12/1946 là ngày quyết định phát động toàn quốc kháng chiến?**

A. Cuộc họp của BCH TƯ Đảng sau khi ta kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946).

B. Cuộc họp của BCH TƯ Đảng sau khi Hội nghị trù bị ở Đà Lạt thất bại (tháng 5/1946).

C. Cuộc họp của Chính phù Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau khi đón phái đoàn Việt Nam trở về từ Hội nghị Phôngtennơblô.

D. Cuộc họp của BCH TƯ Đảng Cộng sản ĐD mô rộng tại Vạn Phúc - Hà Đông (tháng 12/1946).

**Câu 3. Điền thêm những từ còn thiếu trong câu sau : "Chúng ta muốn ... , chúng ta ... nhân nhượng" (HCM).**

A. Độc lập, phải. B. Tự do, đã. C. Hoà bình, phải. D. Thống nhất, đã.

**Câu 4. Lập trường của ta trong quá trình đấu tranh ngoại giao với Pháp từ 1945 đến tháng 12-1946 là gì?**

A. Yêu cầu Pháp phải tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. Muốn giải quyết vấn đề Việt Nam bằng giải pháp hoà bình, không muốn có chiến tranh.

C. Yêu cầu chính phủ Pháp phải tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành những điều đã cam kết.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 5. Đường lối kháng chiến "toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế" được đề ra trong văn kiện lịch sử nào ?**

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh (19 - 12 - 1946).

B. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12-12 -1946).

C. Kháng chiến nhất định thắng lợi (9/1947).

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 6. Vì sao ta chủ trương trường kì kháng chiến ?**

A. Tương quan lực lượng không có lợi cho ta, ta cần kháng chiến lâu dài để có thêm thời gian xây dụng, phát triển lực lượng.

B. Kháng chiến trường kì chính là để bẻ gãy chiến thuật đánh nhanh giải quyết nhanh của Pháp, khoét sâu vào những khó khăn của kẻ địch.

C. "Trường kì kháng chiến" là nghệ thuật quân sự truyền thống của Việt Nam.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 7. Ta tiến hành kháng chiến chống Pháp trong hoàn cảnh nào ?**

A. Tình hình quốc tế bất lợi cho ta, phong trào cách mạng thế giới đang lâm vào giai đoạn thoái trào trước sự tiến công của chủ nghĩa đế quốc sau chiến tranh.

B. Cuộc chiến đấu của dân tộc ta hoàn toàn đơn độc, Chính phủ VN DCCH vẫn chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ.

C. Cuộc kháng chiến của dân tộc ta chỉ nhận được sự ủng hộ về mặt tinh thần của 2 nước Liên Xô và TQ.

D. Quốc tế III không có biện pháp cụ thể để hỗ trợ phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước thuộc địa.

**Câu 8. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự,… thực sự là nhà nước của nhân dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:**

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

C. Tuyên bố độc lập 2-9-1945.

D. Tổng tuyển của bầu quốc hội khóa I (6-1-1946).

**Câu 9. Trong những năm 1946-1947, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?**

A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm.

C. Tạm thời rút vào hoạt đông bí mật.

D. Câu B và C đúng.

**Câu 10. Mục tiêu của ta khi tiến hành cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 ?**

A. Đập tan âm mưu chiếm đóng miền Bắc Việt Nam của Pháp.

B. Tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch; làm thất bại kế hoạch đánh nhanh giải quyết nhanh của Pháp.

C. Bao vây, tiêu diệt quân chủ lực Pháp trong các đô thị, xoay chuyển tình thế theo hướng có lợi cho ta.

D. Tạo ra những trận đánh vang dội, làm cơ sờ để đẩy mạnh đấu tranh chính trị trên bàn đàm phán.

**Câu 11. Một trong những khẩu hiệu được đưa ra khi cuộc kháng chiến chống Pháp quay lại xâm lược đã bùng nổ trên quy mô cả nước ?**

A. "Tiêu thổ kháng chiến".

B. "Không một tấc đất bỏ hoang".

C. "Bảo vệ mùa màng để chiến thắng".

D. "Đoàn kết chống xâm lăng".

**Câu 12. Vì sao trong thư gửi đồng bào Nam Bộ trước ngày đi Pháp dự cuộc Hội nghị Phông-ten-nơ-blô, Bác Hồ viết : "Đồng bào cà nước phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ" ?**

A. Vì đồng bào Nam Bộ đã góp gạo, gửi ra Miền Bắc góp phần quan trọng vào việc giải quyết nạn đói năm 1945.

B. Vì sự đóng góp công sức, tiền của của Nam Bộ trong những ngày đầu xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

C. Vì nhân dân Nam bộ đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Anh - Pháp làm cho quân đội Anh phải rút khỏi Nam Bộ.

D. Vì cuộc chiến đấu của đồng bào Nam bộ đã làm chậm kế hoạch xâm lược của Pháp, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

**Câu 13. Phong trào bình dân học vụ trong kháng chiến chống Pháp là:**

A. Cuộc vận động cải cách giáo dục xóa bỏ nền giáo dục thực dân, xây dựng nền giáo dục dân tộc, dân chủ VN.

B. Cuộc vận động toàn dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

C. Cuộc vận động nhân dân tham gia các lớp học để xóa mù chữ.

D. Cuộc vận động nhân dân tham gia để thực hiện nếp sống mới.

**Câu 14. Cuộc tiến quân lên Việt Bắc của Pháp diễn ra trong khoảng thời gian nào?**

A. Từ ngày 10 - 7 - 1947 đến 19 - 12 - 1947.

B. Từ ngày 7 - 10 - 1947 đến 19 - 12 - 1947.

C. Từ ngày 17 - 10 - 1947 đến 29 - 12 - 1947.

D. Từ ngày 10 - 7 - 1947 đến 12 - 9 - 1947.

**Câu 15. Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 đã khẳng định điều gì ?**

A. Đường lối kháng chiến của Đảng ta hoàn toàn đúng đắn.

B. Kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp đã hoàn toàn thất bại.

C. Quân dân ta đã phát huy triệt để sức mạnh tinh thần, ưu thế của chiến tranh du kích để đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn của Pháp.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 16. Ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947 là :**

A. Với chiến thắng này, ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường.

B. Chiến thắng đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối kháng chiến của ta, cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân cả nước.

C. Chiến thắng đã đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt của cuộc kháng chiến: ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính.

D. Là chiến dịch đầu tiên ta chủ động mở và giành thắng lợi lớn, có vũ động viên tinh thần kháng chiến quân dân cả nước.

**Câu 18. Pháp buộc phải chuyển sang chiến lược "đánh lâu dài" từ khi nào ?**

A. Từ sau chiến thắng Biên giới 1950.

B. Từ sau khi chúng mở rộng chiếm đóng đồng bằng Bắc Bộ.

C. Sau thất bại của cuộc tiến công lên Việt Bắc mùa đông 1947.

D. Từ sau khi kiểm soát hoàn toàn các đô thị Bắc vĩ tuyến 16.

**Câu 19. Trong quá trình kháng chiến chống Pháp 1947 - 1950, Chính phủ ta đã tiến hành các biện pháp gì để giải quyết nhiệm vụ dân chủ?**

A. Ban hành sắc lệnh giảm tô 25%.

B. Sắc lệnh hoãn nợ, xóa nợ của nông dân với địa chủ.

C. Tạm cấp ruộng đất vắng chủ, đất bỏ hoang cho nông dân.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 20. Âm mưu của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc tháng 10/1947?**

A. Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, triệt phá kinh tế, kho tàng, quân chủ lực của ta ; giành thắng lợi quân sự, xúc tiến âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn.

B. Triệt phá kinh tế, kho tàng, quân chủ lực của ta, buộc ta phải đàm phán theo hướng cố lợi cho chúng.

C. Giành thắng lợi quân sự để xúc tiến âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn ; chặn đứng tham vọng của các đế quốc khác ở ĐD.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 21. Pháp đã chuyển sang chiến lược "đánh lâu dài", chứng tỏ điều gì:**

A. Pháp đã mất thế chủ động chiến lược trên chiến trường ĐD.

B. Pháp đã mất thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

C. Pháp đang lâm vào tình trạng lúng túng về chiến lược.

D. Pháp đã chuyển sang thế phòng thủ chiến lược trên toàn ĐD.

**Câu 22. Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra trong khoảng thời gian nào ?**

A. Từ 19 – 12 -1946 đến 2 – 1947.

B. Từ 19 – 12 -1946 đến 10 – 1947.

C. Từ 19 – 12 -1946 đến 12 – 1947.

D. Từ 19 – 12 -1946 đến 12 – 1947.

**Câu 23. Vì sao ta phải thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?**

A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng.

B. Từ đầu của cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

C. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.

D. Tất cả các lí do trên.

**Câu 24. Hãy điền các từ đúng vào các câu sau đây: “Bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14- 9-1946, chúng đã đập tan âm mưu của………..để chống lại ta”.**

A. Đế quốc Mĩ cấu kết với Tưởng.

B. Đế quốc Pháp cấu kết với Tưởng.

C. Tưởng cấu kết với Pháp.

D. Đế quốc Pháp cấu kết với Anh.

**Câu 25. Hành động nghiêm trọng, trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước tiến công ta?**

A. Ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng.

B. Ở Bắc Bộ thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

C. Ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây ra những xung đột vũ trang.

D. Gửi tối hậu thư đòi Chính phủ hạ vũ khí đầu hàng.

**Câu 26. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào thời điểm nào ?**

A. Sáng 19 – 12 - 1946. B. Trưa 19 - 12 -1946. C. Chiều 19 – 12 - 1946. D. Tối 19 - 12 -1946.

**Câu 27. Vạch rõ nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh này là do chính sách xâm lược của thực dân Pháp, chính nghĩa thuộc về nhân dân ta, nên quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta là để bảo vệ độc lập và chính quyền giành được. Nêu lên tính chất của cuộc kháng chiến, khẳng định niềm tự hào ân tộc, đó là nội dung của văn kiện nào ?**

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 – 12 - 1946).

B. Bản chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ Trung ương Đảng.

C. Tác phẩm " Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

D. A và B đúng.

**Câu 28. Văn kiện nào trình bày đầy đủ nhất đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta ?**

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Bản chỉ thị Toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ Trung ương Đảng.

C. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

D. A và B đúng.

**Câu 29. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?**

A. Kháng chiến toàn diện.

B. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ ủng hộ từ bên ngoài.

C. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Campuchia.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kỳ tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 30. Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến thể hiện ở điểm nào?**

A. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta.

B. Mục đích cuộc khởi nghĩa của ta là chính nghĩa.

C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.

D. Chủ trương sách lược của Đảng ta.

**Câu 31. Tính chất nhân dân của cuộc kháng chiến của ta biểu hiện ở:**

A. Nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta.

B. Mục đích kháng chiến của Đảng ta.

C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.

D. Đường lối kháng chiến của Đảng ta.

**Câu 32. Tác giả của tác phẩm "Kháng chiến nhất định thăng lợi" là**

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh. B. Trường Chinh. C. Phạm Văn Đồng. D. Võ Nguyên Giáp.

**Câu 33. Mục đích của cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947) là**

A. Để vây hãm địch, đảm bảo cho việc chuyển quân của ta.

B. Ta chủ động tiến công, bao vây, giam chân tiêu diệt một bộ phận lực địch.

C. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến cho kháng chiến lâu dài.

D. A và B đúng.

**Câu 34. Ý nghĩa của cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc** (cuối năm 1946 đầu 1947)?

A. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta.

B. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

C. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân toàn diện.

D. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới.

**Câu 35. Ta đã làm gì để tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài**

A. Thực hiện một cuộc tổng di chuyển (cơ quan, máy móc...).

B. Tiến hành "tiêu thổ để kháng chiến".

C. Xây dựng lực lượng về mọi mặt (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá).

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 36. Vì sao Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc?**

A. Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, khoá chặt biên giới Việt - Trung.

B. Phá hậu phương kháng chiến, triệt phá đường tiếp tế.

C. Giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh.

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 37. Đầu tháng 10 - 1947, thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở ĐD, chia thành 3 cánh, mở cuộc tiến công:**

A. Bắc Cạn.        B. Lạng Sơn. C. Cao Bằng.       D. Việt Bắc.

**Câu 38. "Ở hướng đông, quân ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên đường số 4, cản bước tiến của chúng, tiêu biểu là trận đánh phục kích ở...."**

A. đèo Bông Lau.

B. Chợ Mới, chợ Đồn.

C. Đoan Hùng, Khe Lau.

D. Chiêm Hoá, Tuyên Quang.

**Câu 39. Kết quả lớn nhất của quân và dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc là:**

A. Bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

B. Bộ đội của ta được trưởng thành lên trong chiến đấu.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch.

D. Làm thất bại âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" buộc địch phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

**Câu 40. - Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch**

- Khai thông biên giới Việt – Trung

- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt - Bắc

Đó là 3 mục đích trong chiến dịch nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

B. Chiến dich biên giới thu đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình – Tây Bắc – Thượng Lào.

D. Câu A và B đúng.

**Câu 41. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là chiến dịch thực dân Pháp chủ động đánh ta để thực hiện âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần hai, đúng hay sai?**

A. Đúng B. Sai

**Câu 42. Khẩu lệnh nào sau đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?**

A. “Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc”.

B. “Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược”.

C. “Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!”

D. “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng.

**Câu 43. Từ lúc bùng nổ đến khi kết thúc Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, thời gian nào dưới đây là đúng?**

A. 16-9-1950 đến 22-10-1950.

B. 16-8-1950 đến 20-10-1950.

C. 16-8-1950 đến 22-10-1950.

D. 18-9-1950 đến 20-10-1950.

**Câu 44. Kết quả lớn nhất mà quân dân ta giành được thắng lợi trong Biên giới thu - đông 1950 là:**

A. Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. Tiêu diệt và bắt 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

C. Giải phong dải Biên giới Việt – Trung với chiều dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập.

D. Bộ đội ta đã phát triển với ba thứ quân.

**Câu 45. Trận đánh nào có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?**

A. Trận đánh ở Cao Bằng.

B. Trận đánh ở Đông Khê.

C. Trận đánh ở Thất Khê.

D. Trận đánh ở Đình Lập

**BÀI 19**

**BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)**

**Câu 1. Sau thất bại ở Việt Bắc thu đông 1947, Pháp buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương như thế nào?**

A. Từ đánh nhanh, thắng nhanh sang đáng lâu dài.

B. Chuyển sang phòng ngự.

C. Cầu viện và phụ thuộc nhiều vào Mĩ.

D. Chuyển sang đàm phán với Chính phủ ta.

**Câu 2. Đâu không phải là một mục tiêu của chiến dịch Biên giới 1950?**

A. tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch

B. khai thông biên giới Việt- Trung

C. mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc

D. đánh nhanh thắng nhanh

**Câu 3. Âm mưu và hành động mới của Pháp – Mĩ từ sau thất bại ở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 là gì?**

A. Thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

B. Thực hiện kế hoạch Rơ ve.

C. Thực hiện kế hoạch Nava.

D. Thực hiện kế hoạch Bôlae.

**Câu 4. Nội dung nào nằm trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi?**

A. Thiết lập “Hành lang Đông – Tây (Hải Phòng – Hà Nội – Hoà Bình – Sơn La).

B. Nhanh chóng tiêu diệt căn cứ địa Việt Bắc.

C. Khóa chặt biên giới Việt – Trung.

D.Lập “vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 5. Trong cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương (1945 – 1954), nội dung nào sau đây *không* nằm trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi?**

A. Thành lập vành đai trắng bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

B. Ra sức phát triển nguỵ quân để xây dựng quân đội quốc gia.

C. Tiến hành chiến tranh tổng lực.

D.Thiết lập “Hành lang Đông – Tây” (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La).

**Câu 6. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi đã có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc kháng chiến của ta?**

A. Đưa cuộc chiến tranh của Pháp lên quy mô lớn, gây nhiều khó khăn cho ta.

B. Giúp Pháp giành lại thế chủ động trên chiến trường.

C. Giúp ta có thể mở mặt trận đấu tranh ngoại giao, đàm phán với Pháp.

D. Giúp ta có thể lợi dụng nhiều điểm yếu của kế hoạch này.

**Câu 7 Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954), Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định thành lập hình thức mặt trận nào**?

A. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

C. Mặt trận Liên Việt.

D. Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương

**Câu 8 Từ năm 1951, Đảng đã ra hoạt động công khai với tên gọi mới là ?**

A. Đảng cộng sản Việt Nam. B. Việt Nam cộng sản Đảng.

C. Đảng Lao Động Việt Nam D. Đảng Cộng sản Đông Dương.

**Câu 9. Vì sao tại Đại hội toàn quốc lần thứ II (2 – 1951), Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định tách Đảng và thành lập ở mỗi nước Đông Dương một chính đảng vô sản riêng**?

A. Vì đó là xu thế chung của thế giới. B. Vì sự chia rẽ của thực dân Pháp.

C. Vì Quốc tế Cộng sản chỉ đạo. D. Vì phù hợp đặc điểm riêng của từng nước.

**Câu 10. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II(2/1951) là**

A. “Đại hội kháng chiến kiến quốc”

B. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh

C. Đại hội nhằm tách Đảng Cộng sản Đông Dương

D. “Đại hội kháng chiến thắng lợi”

**Câu 11. Để góp phần xây dựng hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã**

A. quyết định phát động phong trào toàn dân xóa nạn mù chữ.

B. mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

C. họp Hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.

D. chủ trương thành lập Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam

***Câu 12:*** Xây dựng phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boongke ), bình định vùng tạm chiếm và vơ vét sức người, sức của đánh phá hậu phương kháng chiến của ta là nội dung của kế hoạch:

**A.** Rơ ve. **B.** Đờ Lát đơ tátxinhi. **C.** Na va. **D.** Bô la éc.

***Câu 13:*** Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào thành lập (3/1951) nhằm:

A. tăng cường phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

B. tăng cường phát triển kinh tế của ba nước Đông Dương.

C. tăng cường giao lưu văn hóa của ba nước Đông Dương.

D. tăng cường khối đoàn kết của ba nước Đông Dương.

***Câu 14:***  Để đánh phá hậu phương của ta, ngoài biện pháp quân sự, Đờ Lát đơ Tátxinhi còn sử

dụng biện pháp gì?

**A.** Biện pháp ngoại giao, chiến tranh kinh tế. **B.** Chiến tranh tâm lý, chiến tranh kinh tế.

**C.** Chiến tranh chính trị, chiến tranh kinh tế. **D.** Chiến tranh kinh tế, chiến tranh ngoại giao.

***Câu 15:*** Mục tiêu trước mắt của việc phát triển nguỵ quân trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

**A.** Xây dựng quân đội quốc gia mạnh. **B.** Giúp cho nguỵ quyền lớn mạnh.

**C.** Tăng cường lực lượng cho Pháp. **D.** Đánh phá vùng nông thôn của ta.

***Câu 16:*** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) đã tác động gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của ta?

A. Gặp khó khăn trong xây dựng lực lượng kháng chiến.

1. Làm cho cuộc kháng chiến trở nên khó khăn, phức tạp.
2. Hạn chế sự chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa.
3. Thu hẹp vùng tự do, vùng giải phóng của ta.

***Câu 17:*** Điểm chung trong kế hoạch Rơve năm 1949 và kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 là gì?

**A.** Bảo vệ chính quyền tay sai do Pháp lập ra. **B.** Muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.

**C.** Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. **D.** Thể hiện sức mạnh quân sự của Pháp.

***Câu 18:*** Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ (9/1951) nhằm mục đích

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

B. can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

C. ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào mình.

D. giúp đỡ Pháp trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

***Câu 19:*** **Ý nghĩa nào sau đây *không* phải là ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951)?**

A. Đánh dấu bước phát triển mới, bước trưởng thành của Đảng ta.

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kháng chiến.
2. Đảng ta tích lũy được một số kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.
3. Có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

***Câu 20:*** Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950, Mĩ tiếp tục:

A. củng cố chính quyền Bảo Đại để hất Pháp khỏi Đông Dương.

B. từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

C. trực tiếp đưa quân Mĩ vào chiến trường Đông Dương.

D. ép Pháp kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

***Câu 21:*** “Gấp rút tập trung quân Âu – Phi nhằm xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh…”. Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

**A.** Rơve. **B.** Nava. **C.** Đờ Lát đơ Tátxinhi. **D.** Đờ cát Tơ-ri.

***Câu 22:* Cải cách ruộng đất chính là thực hiện khẩu hiệu**

* 1. người cày có ruộng
  2. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
  3. đưa nông dân vào hợp tác xã
  4. phát triển sản xuất

***Câu 23.*** Pháp tăng cường bình định vùng tạm chiếm trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi nhằm mục đích chủ yếu là:

1. làm lung lay tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.
2. vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh.
3. tăng cường kiểm soát nhân dân ta trong vùng vùng tạm chiếm.
4. hạn chế sự chi viện của nhân dân cho lực lượng kháng chiến.

***Câu 24:***  Chiến thắng Biên giới năm 1950 có ý nghĩa gì ?

A. Đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta về nghệ thuật tổ chức chiến dịch và tổ chức tác chiến tập trung.

B. Đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến : ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính.

C. Là chiến thắng lớn, có tác dụng có vũ, động viên quân dân cả nước tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào tiền đổ của cuộc kháng chiến.

D. Tất cả, các ý trên.

**Câu 25 (khuyết)**

**Câu 26:** Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; Khai thông biên giới Việt – Trung; Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt - Bắc. Đó là 3 mục đích trong chiến dịch nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.

C. Chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc - Thượng Lào.

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

**Câu 27.**Khẩu hiệu nào dưới đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới Thu-đông 1950?

A. "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp".

B. "Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược".

C. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

D. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".

**Câu 28.**Trận đánh nào có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. Trận Cao Bằng.

B. Trận Đông Khê.

C. Trận Thất Khê.

D. Trận Đình Lập.

**Câu 29.**Ý nghĩa quan trọng nhất mà quân dân ta giành được trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là:

A. Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. Tiêu diệt và bắt 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

C. Khai thông biên giới Việt - Trung với chiều dài 750 km từ Cao Bằng đến Đình Lập.

D. Bộ đội ta đã phát triển với lực lượng ba thứ quân.

**Câu 30.**Vì sao Đại hội lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng.

B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến.

C. Đảng ta đã hoạt động công khai.

D. Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

**BÀI 20**

**CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)**

**Câu 1. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp tiến hành kế hoạch Nava (1953 - 1954). Nội dung chính trong bước 1 của kế hoạch này là gì?**

A. Phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tấn công chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương.

B. Tiến công chiến lược ở Bắc Bộ, phòng ngự chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Nam – Bắc.

D.Phòng ngự chiến lược ở hai miền Nam – Bắc.

**Câu 2. Điểm mấu chốt của kế hoạch Nava là gì?**

A. Tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh, mở một số cuộc tiến công chiến lược.

B. Phân tán lực lượng để chủ động đối phó với các mũi tiến công của ta.

C. Tập trung binh lực ở đồng bằng Bắc Bộ, mở mũi tiến công lên Tây Bắc và Bắc Lào.

D. Tập trung binh lực, mở trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh.

**Câu 3. Sau khi được cử làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương (5 – 1953), Nava đề ra kế hoạch quân sự mới với hi vọng**

A. tiến hành cuộc “chiến tranh tổng lực” 18 tháng, giành thắng lợi quyết định kết thúc chiến tranh.

B. bao vây, tiến công lên Việt Bắc, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến kết thúc chiến tranh.

C. trong vòng 18 tháng sẽ giành thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

D**.** trong vòng 1 năm sẽ đàm phán thành công buộc chính phủ ta phải đầu hàng.

**Câu 4: Chủ trương của Đảng trong Đông Xuân 1953 – 1954 là**

A. phân tán, tiêu hao sinh lực địch.

B. đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.

C. buộc địch vào thế bị động, tìm cách thương lượng.

D. buộc Pháp kí hiệp định Giơnevơ.

**Câu 5. Cuộc Tiến công chiến lược của ta trong Đông – Xuân 1953 – 1954 đã**

A. làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, buộc quân chủ lực của chúng bị động, phân tán.

B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Giơnevơ.

C. làm cho Mĩ tuyên bố cắt giảm viện trợ cho Pháp để trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. buộc Pháp phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương.

**Câu 6. Phương hướng chiến lược của quân đội và nhân dân Việt Nam trong Đông - Xuân 1953-1954 là tiến công vào**

A. vùng đồng bằng Bắc bộ, nơi tập trung quân cơ động của Pháp.

**B. những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.**

C. Điện Biên Phủ, trung tâm điểm của kế hoạch quân sự Nava.

D. toàn bộ các chiến trường ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

**Câu 7. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai (1945 – 1954), kế hoạch quân sự nào của thực dân Pháp đã được Thủ tướng Pháp Lanien khẳng định là “chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mĩ cũng tán thành. Nó cho phép hi vọng đủ mọi điều”.**

A. Kế hoạch Bôlae. B. Kế hoạch Nava.

C. Kế hoạch Rơve. D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi.

**Câu 8.** **Mục tiêu của Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam khi quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ (12 - 1954) là**

A. làm phá sản kế hoạch Nava, giành thắng lợi quyết định kết thúc chiến tranh.

B. tiêu diệt lực lượng địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

C. Đập tan kế hoạch Đờlát đơ Tatxinhi.

D. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava.

**Câu 9. Vì sao ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với Pháp?**

A. Điện Biên Phủ có địa hình thuận lợi.

B. Điện Biên Phủ là trung tâm của kế hoạch Na va.

C. Lực lượng của Pháp ở Điện Biên Phủ tương đối yếu.

D. Điện Biên Phủ là địa bàn chiến lược của ta.

**Câu 10. Khẩu hiệu của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?**

A. Tiêu diệt hết quân địch ở Điện Biên Phủ.

B. Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng.

C. Điện Biên Phủ thành mồ chôn giặc Pháp.

D**.** Tốc chiến, tốc thắng để nhanh chóng kết thúc chiến dịch.

**Câu 11. “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng” là nhận định của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến dịch nào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam?**

A. Việt Bắc thu-đông năm 1947.

B. Biên giới thu-đông năm 1950.

C. Trung Lào năm 1953.

D. Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 12. Chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương?**

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952. D. Chiến dịch Biên giới năm 1950

**Câu 13.**  **Trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954, chiến thắng nào của quân và dân ta được ghi nhận là “ cái mốc bằng vàng, nơi ghi dấu chủ nghĩa thực dân lăn xuống dốc”?**

A. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến thắng Việt Bắc năm 1947.

C. Chiến thắng Biên giới năm 1950.

D. Chiến thắng trong Đông – Xuân 1953 – 1954.

**Câu 14. Nhận định nào sau đây *không* đúng về chiến thắng Điện Biên Phủ?**

A. Là thắng lợi làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

B. Là thắng lợi quân sự lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

C. Là thắng lợi buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơnevơ.

D. Là một mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng dân tộc.

**Câu 15. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dươngđược ký kết trong hoàn cảnh nào?**

A. Khi cuộc kháng chiến diễn ra quyết liệt.

B. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc.

C. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp của ta gặp nhiều khó khăn.

**Câu 16. Trong các nội dung sau, nội dung nào *không* nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ về việc kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương (21 – 7 – 1954)?**

A. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7 – 1956.

B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

C. Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

D. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

**Câu 17. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) có ý nghĩa quốc tế sâu sắc vì**

A. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

B. đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

C. đã mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

D. đã chọc thủng một khâu trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Campuchia.

**Câu 18. “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh…” đó là nhận định của chủ tịch Hồ Chí Minh về thắng lợi nào?**

A. Kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).

B. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945).

C. Thắng lợi của chiến dịch Biên giới (1950).

D. Kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

**Câu 19.** **Nguyên nhân quyết định đến sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)?**

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.

B. Truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.

C. Tinh thần đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế.

**Câu 20**. Âm mưu của Pháp,Mĩ trong xây dựng Điện Biên Phủ là

A. chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với ta.

B. gây khó khăn cho quân chủ lực của ta.

C. biến Điện Biên Phủ thành căn cứ tiêu diệt chủ lực của ta.

D. biến Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch Na va.

**Câu 21**. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là gì?

A. làm thất bại kế hoạch đánh nhanh,thắng nhanh của Pháp.

B. làm bước đầu phá sản kế hoạch Na-va.

C. làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Na-va.

D. tạo điều kiện quyết định cho ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Câu 22**. Trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 ta đã phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu,Thượng Lào,Playcu. B. Điện Biên Phủ,Xê-nô, Luông Phabang,Playcu.

C. Điện Biên Phủ, Luông Phabang, Play cu. D. Lai Châu,Mường Sài, Luông Phabang, Playcu.

**Câu 23.** Nội dung cơ bản trong bước 1 của kế hoạch quân sự Na-va là.

A. chủ động tấn công chiến trường Bắc Bộ.

B. giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ.

C. tấn công chủ yếu vào Đông Nam Bộ.

D. bình định chiến trường chính Bắc Bộ.

**Câu 24.** Lực lượng cơ động mạnh nhất của Pháp trong kế hoạch Na-va tập trung tại

A. Trung du Bắc Bộ.

B. đồng bằng Bắc Bộ.

C. miền núi phía Bắc.

D. bắc Trung Bộ.

**Câu 25**. Đợt tiến công mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ quân ta chọn đánh vào đâu?

A. Sân bay Mường Thanh.

B. Phân khu trung tâm.

C. Phân khu Bắc.

D. Phân khu Nam.

**Câu 26**. Thắng lợi có tính chất quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 là thắng lợi trên mặt trận.

A. chính trị. B. quân sự. C. ngoại giao. D. kinh tế,văn hóa.

**Câu 27.** Hiệp định Giơ-ne-vơ đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp song chưa trọn vẹn vì.

A. mới giải phóng được miền Bắc.

B. Hiệp định mới chỉ công nhận quyền tự do của Việt Nam.

C. chỉ có những nước kí Hiệp định mới có trách nhiệm thi hành.

D. chưa đề cập tới các quyền dân tộc cơ bản của cả 3 nước Đông Dương.

**Câu 28**. Văn bản pháp lí quốc tế nào buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược,rút hết quân đội về nước?

A. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946.

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

C. Tạm ước 14-9-1946.

D. Hiệp định Pa-ri.

**Câu 29**. Thắng lợi nào sau đây làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương của đế quốc Mĩ?

A. Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954.

B. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Hiệp định Pa-ri.

**Câu 30.** Thắng lợi quân sự nào có tính chất quyết định buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ ?

A. Chiến dịch Biên Giới 1950.

B. Chiến dịch Thượng Lào 1953.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

D. Chiến cuộc Đông –Xuân 1953-1954.

**Câu 31**. Nội dung nào sau đây **không** thuộc Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956.

B. Trách nhiệm thi hành thuộc về người kí Hiệp định và những người kế tục họ.

C. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

D. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn,lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

**Câu 32.** Chọn một câu trả lời đúng nhất để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về phương hướng chiến lược của ta trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954:

*“Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch (a),nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch,giải phóng đất đai,đồng thời buộc chúng phải (b) phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ…”*

A. a.tập trung đông, b.chủ động.

B. a.sơ hở, b.bị động.

C. a.tương đối yếu, b.bị động.

D. a.tập trung ít, b.chủ động.

**Câu 33**. Vì sao Mĩ và Pháp đánh giá Điện Biên Phủ là “pháo đài bất khả xâm phạm”?

A. Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, lực lượng đông, vũ khí hiện đại.

B. Điện Biên Phủ là hệ thống phòng thủ kiên cố nhất Đông Dương.

C. Điện Biên Phủ là nơi tập trung lực lượng quân đông.

D. Điện Biên Phủ có vị trí then chốt của châu Á.

**Câu 34**. Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va vì

A. ta đã tiêu diệt được phần lớn sinh lực địch.

B. ta buộc Pháp phải thay đổi kế hoạch Na-va.

C. ta đã tieu diệt được lực lượng lớn địch ở đồng bằng Bắc Bộ.

D. ta buộc địch phải phân tán đối phó với ta ở những địa bàn xung yếu.

**Câu 35**. Âm mưu mới của Pháp và Mĩ khi bước vào chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 là

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

B. bình định Việt Nam và Đông Dương để tập trung khai thác.

C. giành lại thế chủ động trên chiến trường chính của Đông Dương.

D. giành một thắng lợi quân sự quyết định nhằm “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

**Câu 36**. Pháp quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trong bối cảnh

A. lực lượng cơ động của chúng đang rất mạnh.

B. kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bị phá sản.

C. Mĩ đang tăng cường can thiệp sâu vào Đông Dương.

D. quân Pháp liên tiếp giành thắng lợi ở các chiến trường.

**Câu 37**. Chiến thắng nào có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện chiến tranh trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954?

A.Chiến dịch Biên Giới 1950. B. Chiến dịch Việt Bắc 1947.

C. Chiến dịchThượng Lào 1953. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Câu 38.** Kế hoạch Na-va của Pháp ra đời trong bối cảnh nào?

A. Pháp đang huy động lực lượng mở rộng chiến tranh.

B. Pháp đang giành nhiều thắng lợi trên chiến trường.

C. Pháp ngày càng suy yếu,sa lầy vào thế bị động.

D. Pháp đã làm chủ được chiến trường Bắc Bộ.

**Câu 39.** Phương châm được Đảng ta quán triệt trong toàn bộ cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là.

A. chủ động đánh địch ở mọi nơi.

B. đánh địch với hình thức linh hoạt.

C. xây dựng đội quân chiến đấu cơ động.

D. tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt.

**Câu 40.** Một trong những hạn chế khi Pháp xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là.

A. không nằm trong kế hoạch Nava ban đầu.

B. địa bàn quá rộng và hiểm trở.

C. lực lượng của Pháp không đủ.

D. không được Mĩ ủng hộ.

**Câu 41**. Phương châm tác chiến cuối cùng của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ là.

A. đánh nhanh, thắng nhanh.

B. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.

C. đánh du kích .

D. đánh lâu dài.

**Câu 42.** Sự kiện lịch sử tiêu biểu nào diễn ra ngày 13/3/1954?

A. mở màn chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954.

B. kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ .

C. mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.

D. mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

**Câu 43**. Điểm khác biệt nhất trong nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 và Hiệp định Pari 1973 là

A. lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.

B. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. hai bên ngừng bắn, tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D.cam kết tôn trọng độc lập,chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**Câu 44**. Lực lượng đông nhất của Pháp ở Điện Biên phủ là

A. 16.000 quân. B. 16.100 quân. C. 16.200 quân. D. 16.300 quân.

**Câu 45**. Phương tiện vận tải phổ biến phục vụ cho chiến dịch Điện Biên Phủ là

A. ô tô tải. B. ngựa thồ. C. xe đạp thồ. D. bè, mảng.

**Câu 46.** Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 bàn về lập lại hòa bình ở ĐD diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. từ 26/04/1954 đến 21/07/1954.

B. từ 01/05/1954 đến 21/07/1954.

C. từ 07/05/1954 đến 21/07/1954.

D. từ 08/05/1954 đến 21/07/1954.

**Câu 47.** Quyền dân tộc cơ bản được ghi nhận trong Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 là

A. Quyền tự chủ, tự quyết,toàn vẹn lãnh thổ.

B. độc lập, lựa chọn con đường phát triển phù hợp với dân tộc.

C. độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

D. độc lập,chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương.

**Câu 48.** Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam sẽ thống nhất bằng con đường

A. trưng cầu dân ý 2 miền Nam Bắc.

B. tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

C. trưng cầu dân ý của nhân dân Bắc Bộ.

D. trưng cầu dân ý của nhân dân Nam Bộ.

**Câu 49.** Bài học cách mạng nào của cuộc kháng chiến chống Pháp được Đảng ta vận dụng để giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay?

A. sử dụng sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

B. kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự.

C. đấu tranh quân sự là chủ yếu.

D. kết hợp đấu tranh kinh tế,văn hóa.

**Câu 50**. Pháp xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm

A. 4 phân khu, 39 cứ điểm

B. 3 phân khu, 39 cứ điểm.

C. 4 phân khu , 49 cứ điểm.

D. 3 phân khu, 49 cứ điểm.

**Câu 51.** Trong bước 2 của kế hoạch Na-va,Pháp dự định tập trung lực lượng vào chiến trường nào là chủ yếu?

A. Đồng bằng Bắc Bộ. B.Trung Bộ. C. Tây Bắc. D. Nam Bộ.

**Câu 52.** Địa điểm nào diễn ra trận chiến đấu giằng co và ác liệt nhất giữa ta và địch trong chiến dịch Điện Biên Phủ?

A. Cứ điểm Him Lam.

B. Sân bay Mường Thanh.

C. sở chỉ huy của địch.

D. Đồi A1,C1.

**Câu 53.** Trong Đông –Xuân 1953-1954,phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch phát triển mạnh ở những khu vực nào?

A. Nam bộ, trung bộ, Bình-Trị -Thiên, đồng bằng Bắc Bộ.

B. Tây Nguyên, Nam Bộ, Bình –Trị-Thiên.

C. Trung bộ, Nam bộ, Tây Nguyên.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Nam Bộ.

**Câu 54.** Nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ở VN 1945-1954 là

A. Sự đoàn kết của 3 nước Đông Dương và các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

B. Sự lãnh đạo sang suốt của Đảng, đứng đầulà chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam và Đông Dương.

D. Sự giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô.

**Câu 55**. Lực lượng vũ trang 3 thứ quân được sử dụng trong kháng chiến chống Pháp gồm

A. pháo binh,công binh,bộ binh.

B. bộ đôi địa phương,bộ đội chủ lực.

C. bộ đội chủ lực,bộ đội địa phương,dân quân du kích.

D. bộ đội chủ lực,thanh niên xung phong, dân quân du kích.

**Câu 56**. Tình hình quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ sau cuộc tiến công đợt 1 của quân ta là

A. Pháp mất sân bay Hồng Cúm bị bao vây ở phân khu trung tâm.

B. Pháp mất cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

C. Pháp bị cắt đứt hoàn toàn khả năng tiếp viện.

D. Pháp mất sân bay Mường Thanh và phân khu Bắc.

**Câu 57.**Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra từ ngày:

A. 13/3/1953 đến 07/5/1954.

B. 26/4/1954 đến 05/7/1954.

C. 30/3/1954 đến 07/5/1954.

D. 13/3/1954 đến 07/5/1954

**Câu 58.** Ý nghĩa của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954?

A. Đánh dấu sự sụp đổ bước đầu của Kế hoạch Nava.

B. Khẳng định phương châm chỉ đạo của Đảng ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là sáng suốt, đúng đắn.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận Điện Biên Phủ.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 59.**Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ ?

A. Là chiến thắng quân sự vang dội nhất của dân tộc ta trong lịch sử kháng chiến chống quân xâm lăng, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

B. Là một sự kiện quan trọng đánh dấu sự thất bại của chính sách can thiệp hòng kéo dài và mở rộng chiến tranh của Mĩ.

C. Chiến thắng này đã có tác động lớn, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh của phái đoàn Việt Nam tại hội nghị Pari.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 60.**Vì sao đến năm 1953, ta mới mở mặt trận ngoại giao, mở ra khả năng giải quyết bằng con đường hoà bình cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương ?

A. Vì đây là thời điểm thuận lợi, quân ta đã giành và phát huy thế chủ động trên chiến trường.

B. Vì Pháp đã sa lầy chiến tranh và đã có xu hướng chấp nhận một giải pháp hoà bình để "rút lui trong danh dự".

C. Vì dư luận quốc tế cũng ủng hộ việc tiến hành đàm phán, kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 61.** Điền thêm từ còn thiếu trong câu nói sau : "Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh trong mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách ... và giải quyết các vấn đề Việt Nam theo đường lối... thì nhân dân và chính phủ Việt Nam DCCH sẵn sàng tiếp nhận ý muốn đó”.

A. Thương lượng, mềm dẻo. B. Thương lượng, hoà bình.

C. Đàm phán, mềm dẻo. D. Hoà đàm, hoà bình.

**Câu 62.** Điền thêm từ còn thiếu trong câu sau : "Cơ sở của việc đình chiến của Việt Nam là Chính phủ Pháp ... tôn trọng ... thực sự của Việt Nam".

A. Thật thà, nền độc lập. B. Cam kết, nền độc lập.

C. Thật sự, chủ quyền. D. Thật lòng, chủ quyền.

**Câu 63.** Bài học kinh nghiệm quan trọng rút ra từ Hội nghị Giơnevơ là:

A. Chiến thắng quân sự có vai trò quyết định đến chiến thắng trên bàn hội nghị.

B. Hội nghị bàn về bất cứ một vấn đề gì, nhất định phải do các bên liên quan trực tiếp chủ động mở.

C. Không thể giành thắng lợi trên bàn đàm phán khi tương quan lực lượng quá chênh lệch.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 64.** Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

B. "Thà hi sinh tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ" .

C. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!".

D. Cả ba vấn đề trên.

**Câu 65.** Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như... của thế kỉ XX".

A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm - Xoài Mút, một Đống Đa.

D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

**Câu 66.**Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thố của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hoà bình.

C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 - 1956.

D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

**Câu 67.**Chỉ huy chính của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 là ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Nguyễn Tuân. C. Hồ Chí Minh. D. Trường Chinh.

**BÀI 21.**

**XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)**

**Câu 1.**Ngày 10/10/1954, sự kiện quan trọng nào đã xảy ra :

A. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

B. Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Thủ đô.

C. Quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô.

D. Tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Việt Nam.

**Câu 2.** Pháp thực hiện rút quân khỏi miền Nam Việt Nam trong bối cảnh nào ?

A. Tất cả mọi điều khoản được quy định tại hiệp định đã được hoàn tất.

B. khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất 2 miền Bắc Nam.

C. Pháp đã xúc tiến mọi việc cho công cuộc thống nhất đất nước bằng con đường tổng tuyển cử hai miền.

D. Rất nhiều điều khoản ghi trong hiệp định Giơ-ne-vơ chưa được hoàn tất.

**Câu 3.** Thủ đô Hà Nội được giải phóng vào thời gian nào?

A. Ngày 10 -10 - 1954.

B. Ngày 25 - 10 -1955.

C. Ngày 12 - 12 - 1954.

D. Ngày 01 - 01 - 1954.

**Câu 4.**Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng trong thời chống Mĩ cứu nước là:

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc.

D. Tiến hành đồng thời cách mạng XHCN ở miền Nam và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Bắc.

**Câu 5.**Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào thời gian nào?

A. Ngày 10-10- 1954.

B. Ngày 16-5-1954.

C. Ngày 10- 10 - 1955.

D. Ngày 13-5-1955.

**Câu 6.**Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?

A. Xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ - ngụy.

C. Miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà.

D. Miền Bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc thực hiện thống nhất nước nhà.

**Câu 7.** Tình hình chung của cách mạng Việt Nam sau năm 1954 ?

A. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Nhà nước đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. Một nửa nước đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Câu 8.**Sau năm 1954, mục tiêu chung của cách mạng hai miền là gì ?

A. Kháng chiến chống Mĩ, giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước.

B. Kháng chiến chống Mĩ ở Miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.

C. Kháng chiến chống Mĩ ở Miền Nam, thực hiện cách mạng ruộng đất ở Miền Bắc.

D. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vị cả nước, thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước.

**Câu 9.** Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

A. Tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ, Diệm.

B. Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

C. Cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 10.**Từ năm 1954, Trung ương Đảng đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Miền Nam là gì ?

A. Đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, giữ gìn hoà bình, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng.

B. Đấu tranh vũ trang chống Mĩ - Diệm, hoàn thành giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

C. Đấu tranh hoà bình chống chế độ độc tài gia đình trị của anh em Ngô Đình Diệm, tiến tới thống nhất đất nước bằng con đường tổng tuyển cử tự do.

D. Tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

**Câu 11.**Tại sao trong những năm 1954 - 1958, cách mạng. Miền Nam chủ trương đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm ?

A. Vì lực lượng cách mạng Miền Nam lúc đó còn non yếu, chưa thể tiến hành đấu tranh vũ trang.

B. Vì lúc đó kẻ thù còn chưa dám tiến công lực lượng cách mạng bằng vũ lực.

C. Vì ta tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Giơnevơ, chủ trương dựa vào cơ sở pháp lí quốc tế để đấu tranh chính trị với địch là chủ yếu.

D. Vì lúc này đấu tranh bằng quân sự sẽ không đưa lại thắng lợi như ta mong muốn.

**Câu 12.** Hội nghị nào của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm?

A. Hội nghị tháng 1/1958.

B. Hội nghị tháng 1/1959.

C. Hội nghị tháng 11/1958.

D. Hội nghị tháng 11/1959.

**Câu 13.**Hình thức khởi nghĩa chống lại ách thống trị của Mĩ - Diệm đã diễn ra đầu tiên ở đâu ?

A. Bến Tre.

B. Bình Định, Ninh Thuận.

C. Quảng Ngãi.

D. Tây Ninh.

**Câu 14.** Điền tiếp từ còn thiếu trong câu sau : "Phong trào Đồng khởi đã đánh dấu bước phát triển của cách mạng Miền Nam chuyển từ thế ... sang thế... ".

A. Bị động; tiến công.

B. Phòng ngự bị động; tiến công.

C. Gìn giữ lực lượng; tiến công.

D. Bị động; chủ động.

**Câu 15.** Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam được thành lập vào khi nào? ở đâu?

A. Ngày 20 /12 /1960, Tây Ninh.

B. Ngày 20/ 2/1960, Bình Định.

C. Ngày 20/12/1961, Bến Tre.

D. Ngày 20/12/1960, Sóc Trăng.

**Câu 16.**Ai là người đầu tiên giữ chức Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam?

A. Nguyễn Thị Bình.

B. Nguyễn Hữu Thọ.

C. Huỳnh Tấn Phát.

D. Lê Đức Thọ.

**Câu 17.** Ý nghĩa lịch sử của phong trào "Đồng khởi" ?

A. Làm lung lay toàn bộ hệ thống ngụy quyền Sài Gòn, mở đường cho sự phát triển liên tục cửa cách mạng miền Nam.

B. Là thắng lợi đánh dấu sự thất bại chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.

C. Là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền Nam, mở đường cho sự phát triển mạnh mẽ của chiến tranh cách mạng.

D. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng Miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 18.**Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã khẳng định vai trò của cách mạng miền Bắc như thế nào ?

A. Cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

B. Cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

C. Cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

D. Cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.

**Câu 19**: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng diễn ra từ:

A. ngày 10 đến ngày 19/5/1960. B. ngày 05 đến ngày 10/9/1960.

C. ngày 05 đến ngày 19/5/1960. D. ngày 15 đến ngày 19/10/1960.

**Câu 20.**Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đã bầu ai làm bí thư thứ nhất?

A. Hồ Chí Minh.

B. Lê Duẩn.

C. Trường Chinh.

D. Phạm Văn Đồng.

**Câu 21.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III được tổ chức trong hoàn cảnh nào?

A. Miền Bắc đã hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất, tạo xã hội chủ nghĩa, nhân dân đang phấn khởi tin tưởng bắt tay xây dựng chế độ mới.

B. Cách mạng miền Nam đang đứng trước những khó khăn lớn, chính sách "tố cộng, diệt cộng” của Mĩ - Diệm đã làm cho lực lượng cách mạng tổn thất nặng nề.

C. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta đang gặp khó khăn, chưa có sự ủng hộ của các lực lượng hòa bình trên thế giới.

D. Chính phủ lâm thời Cách mạng miền Nam Việt Nam được cả thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

**Câu 22.** Ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III?

A. Đại hội đã đề ra con đường phát triển của cách mạng Việt Nam: từ cách mạng tư sản dân quyền tiến lên chủ nghĩa xã hội, mở ra thời kỳ mới cho lịch sử dân tộc.

B. Đại hội Đảng lần thứ III đã đem lại “nguồn ánh sáng” mới cho dân tộc Việt Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Đại hội đã mở ra một thời kỳ mới cho lịch sử Việt Nam - thời kỳ cả nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

D. Đại hội đã tiếp sức, chỉ đường cho cách mạng miền Nam, để nhân dân miền Nam tiến hành cuộc Đồng khởi thành công.

**Câu 23.**Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất.

B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp.

D. Có vai trò quyết định nhất.

**Câu 24.**Vì sao hệ thống đường Trường Sơn được gọi là đường 559 ?

A. Vì con đường này có tổng chiểu dài là 559 km.

B. Quyết định mở con đường này của thủ tướng là quyết định mang số 559.

C. Tên con đường được đặt bằng thời gian mà Trung ương Đảng quyết định mở đường (tháng 5 - 1959).

D. Đơn vị đầu tiên tiến hành mở đường có 559 đội viên.

**Câu 25.** Hiểu như thế nào về chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?

A. Đây là một hình thức mới của chủ nghĩa thực dân cũ, dựa trên nền tảng lực lượng quân ngụy, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh Mĩ.

B. Đây là một hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới, được tiến hành bằng quân đôi viễn chinh Mĩ và quân chư hầu.

C. Đây là một hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân cũ, được tiến hành bằng Quân đội lính đánh thuê, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, phương tiện chiến tranh Mĩ.

D. Đây là một hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh Mĩ.

**Câu 26.**Hiểu như thế nào về “Ấp chiến lược” ?

A. Ấp chiến lược là nơi tập trung quản lí hoạt động kinh tế của nhân dân miền Nam.

B. Ấp chiến lược là một loại trại tập trung trá hình được dựng lên để kiểm soát, kìm kẹp nhân dân, thực hiện "tát nước bắt cá", đánh phá tận gốc phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam.

C. Ấp chiến lược là một mô hình xây dựng kinh tế - xã hội do Mĩ trực tiếp quản lí ở vùng đô thị miền Nam.

D. Ấp chiến lược là một chính sách nhằm cướp lại ruộng đất của nhân dân ta, tạo điều kiện cho các thế lực địa chủ - tư sản hoá ở miền Nam phát triển làm chỗ dựa xã hội cho chính quyền Diệm.

**Câu 27.** Biện pháp nào không được Mĩ - Diệm áp dụng trong quá trình thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ?

A. Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng hải quân và không quân ra miền Bắc.

B. Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại, phổ biến chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" cho quân nguỵ.

C. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn vào các căn cứ cách mạng.

D. Tăng cường viên trợ quân sự cho chính quyền Diệm, xây dựng và phát triển lục lượng ngụy quân đông, hiện đại.

**Câu 28.**Đặc điểm nổi bật của cuộc đấu tranh chống phá Ấp chiến lược ở miền Nam?

A. Hoạt động của lực lượng quân giải phóng có ý nghĩa quyết định cho thắng lợi của cuộc đấu tranh.

B. Là cuộc đấu tranh "giành đất, giành dân" giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng tại các đô thị Miền Nam.

C. Cuộc đấu tranh chống - phá ấp chiến lược được tiến hành song song với hoạt động rào làng kháng chiến ở nông thôn miền Nam.

D. Là cuộc đấu tranh liên tục, dai dẳng của nhân dân ta nhằm đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

**Câu 29.** Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Ấp Bắc?

A. Cuộc đọ sức đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Nam với quân viễn chinh Mĩ.

B. Chiến thắng này đã đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang Miền Nam, đánh dấu sự phá sản bước đầu của chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của Mĩ.

C. Là chiến thắng quan trọng, khẳng định quân dân miền Nam có đủ khả năng đánh bại quân đội Mĩ trên chiến trường miền Nam.

D. Chiến thắng này đã đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang Miền Nam, đánh dấu sự phá sản của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 30.** Sự kiện đảo chính lật đổ chính quyền Diệm 1/ 11/1963 chứng tỏ điều gì?

A. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn, giữa Mĩ - Diệm ngày càng sâu sắc, không thể dung hoà được.

B. Đánh dấu một thất bại quan trọng của Mĩ trong việc thiết lập một chính quyền tay sai ở Miền Nam.

C. Đảo chính đã chứng tỏ chính quyền Sài Gòn đã lung lay, khủng hoảng sâu sắc.

D. Đánh dấu sự thắng lợi to lớn trên mặt trận chính trị của nhân dân ta.

**Câu 31.** Tình hình Miền Nam sau đảo chính ngày 1/11/1963 là?

A. Mĩ đã kịp thời đưa Dương Văn Minh lên thay và nhanh chóng ổn định tình hình.

B. Phong trào đấu tranh chống nguy quyền ở Miền Nam tạm thời chấm dứt.

C. Chính quyền Sài Gòn từ đây lâm vào một cuộc khủng hoảng triền miền, vô phương cứu chữa.

D. Mĩ buộc phải áp dụng chiến lược chiến tranh mới, huy động số lượng lớn quân viễn chinh Mĩ vào Miền Nam để giúp chính quyền Sài Gòn đứng vững.

**Câu 32.** Thành tựu của nhân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống, phá ấp chiến lược?

A. Năm 1963, địch chỉ kiểm soát được 1/2 tổng số ấp chiến lược trên toàn miền Nam.

B. Năm 1962, cách mạng miền Nam vẫn kiểm soát được 1/2 lãnh thổ và khoảng 70% nông dân Miền Nam.

C. Năm 1965, kế hoạch ấp chiến lược của Mĩ đã thất bại hoàn toàn.

D. Năm 1964, địch chỉ kiểm soát được khoáng 1/5 số ấp so với dự kiến.

**Câu 33.** Mục tiêu của kế hoạch Giôn-xơn - Mác-na-ma-ra là gì?

A. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

B. bình định miền Nam trong vòng 16 tháng.

C. bình định miền Nam trong vòng 24 tháng.

D. bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm.

**Câu 34.**Ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong Đông Xuân 1964- 1965?

A. Là thắng lợi quân sự lớn, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam.

B. Là thắng lợi quân sự lớn, chứng tỏ quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.

C. Là thắng lợi đánh dấu sự sụp đổ cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

D. Là thắng lợi quân sự lớn đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của quốc sách ấp chiến lược của địch.

**Câu 35.**Một phong trào thi đua ở miền Nam trong thời kì chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Nắm lấy thắt lưng địch mà đánh.

B. Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt.

C. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công.

D. Vành đai diệt Mĩ.

**Câu 36 .**Điền vào chỗ trống câu sau: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng " ... ... "

A. Lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp với lực lượng chính trị.

B. Lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

C. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

D. Con đường bạo lực cách mạng.

**Câu 37.**Tháng 2 - 1959, diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào miền Nam ở:

A. Trà Bồng (Quảng Ngãi).

B. Phước Hiệp (Bến Tre).

C. Bắc Ái (Ninh Thuận).

D. Cai Lạy (Mĩ Tho).

**Câu 38.** Kết quả lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" là:

A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.

C. Uỷ ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20- 12-1960).

**Câu 39.**Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là:

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Đánh đầu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công địch.

D. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 - 12 -1960).

**Câu 40.** Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định vấn đề gì?

A. “Đại hội xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà”.

B. “Đại hội thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc”.

C. “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam”.

D. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.

**Câu 41.**Tổng thống nào của Mĩ đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam?

A. Ai-xen-hao.

B. Ken-nơ-di.

C. Giôn-xơn.

D. Ru-dơ-ven.

**Câu 42.**"Chiến tranh đặc biệt" nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu mà Mĩ đề ra?

A. "Phản ứng linh hoạt".

B. "Ngăn đe thực tế".

C. "Lấp chỗ trống".

D. "Chính sách thực lực".

**Câu 43.** Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" mà Mĩ áp dụng ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam.

B. "Dùng người Việt đánh người Việt".

C. Đưa quân Mĩ ào ạt vào miền Nam.

D. Đưa cố vấn Mĩ ào ạt vào miền Nam.

**Câu 44.** Chỗ dựa của "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam là:

A. Ấp chiến lược.

B. Lực lượng quân đội Sài Gòn.

C. Lực lượng cố vấn Mĩ.

D. Ấp chiến lược và lực lượng quân đội Sài Gòn.

**Câu 45.** Mĩ - Ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt" trọng tâm là "bình định" trong vòng 18 tháng. Mục tiêu đó năm trong kế hoạch:

A. Dồn dân lập ấp chiến lược.

B. Stalây - Taylo.

c. Giônxơn - Mácnamara.

D. Kennơdi.

**Câu 46.**Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của quân dân ta mở ra khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Bình Giã (Bà Rịa).

B. Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Đồng Xoài (Biên Hoà).

D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

**Câu 47.** Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?

A. Ấp Bắc.

B. Bình Giã.

C. Đồng Xoài.

D. Ba Gia.

**Câu 48.** Phong trào "Đồng khởi", dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bến Tre bắt đầu vào ngày nào?

A. 17-1-1960.

B. 17-2-1959.

C. 17-3-1959.

D. 17-4-1959.

**Câu 49.** Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của miền Bắc sẽ là gì?

A. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định trực tiếp.

B. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định nhất.

C. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam.

D. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ bảo vệ cách mạng miền Nam.

**Câu 50.**Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Nam là gì?

A. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò bảo vệ cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

B. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định nhất.

C. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp nhất.

D. Miền Nam là tiền tuyến, hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc.

**Câu 51.**Âm mưu thâm độc nhất của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Sử dụng phương tiện chiến tranh và "cô vấn Mĩ.

C. Tiến hành dồn dân, lập "ấp chiến lược".

D. Phá hoại cách mạng miền Bắc.

**Câu 52.** Nội dung nào sau đây nằm trong công thức của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Được tiến hành quân đội tay sai, do "cố vấn" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

B. Tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới.

C. Đưa quân chư hầu của Mĩ vào miền Nam Việt Nam.

D. Thực hiện Đông Dương hoá chiến tranh.

**Câu 53.**Yếu tố nào được xem là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Quân đội ngụy.

B. Chính quyền Sài Gòn.

C. "Ấp chiến lược".

D. Đô thị (hậu cứ).

**Câu 54.**Mĩ - ngụy xây dựng hệ thống "Ấp chiến lược" nhằm mục đích gì?

A. Tách cách mạng ra khỏi dân, nhằm cô lập cách mạng.

B. Hỗ trợ chương trình "bình định" miền Nam của Mĩ - ngụy.

C. Kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

D. Kiểm soát dân, nắm chặt dân, từ đó đề ra nhiều chính sách cải cách tiến bộ nhằm lôi kéo nhân dân.

**Câu 55.** Chiến thuật được sử dụng trong "Chiến tranh đặc biệt" là:

A. Dồn dân lập "ấp chiến lược".

B. "Trực thăng vận", "thiết xa vận".

C. Càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng.

D. "Bình định" toàn bộ miền Nam.

**BÀI 22.**

**NHÂN DÂN HAI MIENF TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU, VỪA SẢN XUẤT (1965 – 1973)**

**Câu 1.**Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ra đời trong tình hình nào ?

A. Cách mạng Miền Nam phát triển mạnh mẽ, "Chiến tranh đặc biệt" đã bị phá sản về cơ bản.

B. Chính quyền Sài Gòn đứng trước cuộc khủng hoảng.

C. Trên thế giới, quan hệ Liên Xô - Trung Quốc ngày càng xấu, khối đoàn kết trong phe XHCN đã rạn nứt.

D. Tổng thống Mĩ muốn cứu nguy cho tình hình khủng hoảng ở nước Mĩ.

**Câu 2.**"Chiến tranh cục bộ" khác "Chiến tranh đặc biệt" ở điểm nào ?

A. "Chiến tranh cục bộ" là hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới.

B. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành dưới sự chỉ đạo của hệ thống cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh hiện đại của Mĩ.

C. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng cả quân chủ lực Mĩ, quân chư hầu và cả quân ngụy.

D. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành dưới sự chỉ đạo của hệ thống cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh hiện đại của Mĩ và quân đội các nước Đông Dương.

**Câu 3.**Chiến thắng nào khẳng định quân dân Miền Nam có thể đánh bại quân chủ lực Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" ?

A. Chiến thắng Núi Thành.

B. Chiến thắng Vạn Tường.

C. Chiến thắng mùa khô 1965 - 1966.

D. Chiến thắng mùa khô 1966 - 1967.

**Câu 4.** Vị Tổng thống nào của nước Mĩ đã quyết định áp dụng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở Miền Nam Việt Nam ?

A. Aixenhao. B. Kennơđi. C. Giônxơn. D. Níchxơn.

**Câu 5.**Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ?

A. Chiến thắng mùa khô 1965 - 1966.

B. Chiến thắng mùa khô 1966 - 1967.

C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

D. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).

**Câu 6.** Hướng tiến công chiến lược chính của quân Mĩ trong mùa khô 1965 -1966?

A. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.

B. Tây Nam Bộ, Liên khu V.

C. Đông Nam Bộ, Liên khu V.

D. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

**Câu 7.**Căn cứ Dương Minh Châu ở đâu ?

A. Tỉnh Tây Ninh.

B. Tỉnh Đồng Nai.

C. Tỉnh Sóc Trăng.

D. Tỉnh An Giang.

**Câu 8.** Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Ngày 5 - 8 - 1964 đến ngày 1 - 1 - 1968.

B. Ngày 5 - 8 - 1964 đến ngày 1-11- 1968.

C. Ngày 7 - 2 - 1965 đến ngày 1 - 1 - 1968.

D. Ngày 7 - 2 - 1965 đến ngày 1-11 - 1968.

**Câu 9.**Thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", Mĩ đã :

A. Tăng cường quân đội viễn chinh Mĩ sang chiến trường Miền Nam.

B. Tăng cường hệ thống cố vấn Mĩ cho Miền Nam, cùng với một số lượng lớn quân đội chư hầu.

C. tăng cường huấn luyện, phát triển quân đội Sài Gòn nhằm thay thế dần vai trò của quân Mĩ trên chiến trường.

D. Giữ nguyên số quân Mĩ và chư hầu ở miền Nam, phát triển ngụy quân thành lực lượng chủ lực để có thể đương đầu với Việt cộng.

**Câu 10.**Điểm giống nhau giữa chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với "Việt Nam hoá chiến tranh" ?

A. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ lực.

B. Quân đội Đông Dương là một bộ phận của lực lượng chủ lực "tìm diệt".

C. Vai trò của quân Mĩ và hệ thống cố vấn Mĩ giảm dần.

D. Hệ thống cố vấn Mĩ được tăng cường tối đa, trong khi đó viện trợ Mĩ giảm dần.

**Câu 11.** Điểm khác nhau giữa chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" với các chiến lược chiến tranh khác là:

A. Trong chiến, lược "Việt Nam hoá chiến tranh", quân đội Sài Gòn được xem là một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

B. Trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", quân đội Mĩ vẫn được xem là lực lượng xung kích ở Đông Dương.

C. Trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", quân đội Sài gòn được xem là quân chủ lực trong nhiệm vụ "bình định" Đông Dương.

D. Trong chiến, lược "Việt Nam hoá chiến tranh", quân đội Đông Dương được xem là một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

**Câu 12.**Vì sao nói với việc Mĩ áp dụng chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", cuộc kháng chiến của nhân dân đã bước sang một giai đoạn phức tạp, ác liệt ?

A. Vì quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn tăng nhanh về số lượng cùng với sự viện trợ lớn của Mĩ.

B. Vì cuộc "Việt Nam hoá chiến tranh" gắn với âm mưu dùng “người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

C. Vì Mĩ còn lợi dụng những chia rẽ, bất đồng trong phe XHCN để tiến hành các hoạt động ngoại giao nhằm chia rẽ, cô lập cách mạng Việt Nam.

D. Vì quân đội Mĩ và quân chư hầu là lực lượng xung kích chính trên chiến trường Đông Dương.

**Câu 13.**Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam được thành lập có ý nghĩa gì ?

A. Khẳng định những thắng lợi to lớn của cách mạng Miền Nam trên lĩnh vực quân sự.

B. Đây là một thắng lợi trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng miền Nam, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của mặt trận đấu tranh ngoại giao.

C. Cách mạng miền Nam đã có đủ cơ sở pháp lí để đấu tranh chống lại chính quyền Sài Gòn trên mặt trận ngoại giao.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 14.** Hướng tiến công của Mĩ trong cuộc hành quân chiến lược "Lam Sơn 719" ?

A. Đông Nam Bộ.

B. Liên khu V.

C. Đường 9 - Nam Lào.

D. Chiến khu Dương Minh Châu.

**Câu 15.**Ý nghĩa lịch sử của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ?

A. Đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

B. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

C. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

D. Đánh dấu sự tan rã hoàn toàn của quân đội Sàỉ Gòn.

**Câu 16.**Hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972 ?

A. Đông Nam Bộ. B. Liên khu V. C. Quảng Trị. D. Tây Nguyên.

**Câu 17.**Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương được tiến hành trong khoảng thời gian nào ?

A. Từ ngày 24 đến ngày 30 - 3 - 1970.

B. Từ ngấy 24 đến ngày 25 - 4 - 1970.

C. Từ ngày 24 đến ngày 27 - 5 - 1970.

D. Từ ngày 20 đến ngày 25 - 3 - 1970.

**Câu 18.**Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

A. Ngày 6 - 4 - 1972 đến ngày 29 - 12 - 1972.

B. Ngày 16 - 4 - 1972 đến ngày 29 - 12 - 1972.

C. Ngày 6 - 4 - 1972 đến ngày 15 - 1 - 1973.

D. Ngày 16 - 4-1972 đến ngày 15 - 1 - 1973.

**Câu 19.** Học thuyết mà Tổng thống Ních-Xơn đề ra đầu năm 1969 là:

A. Chính sách bên miệng hố chiến tranh. B. “Phản ứng linh hoạt”.

C. “Thanh kiếm linh hoạt”. D. “Ngăn đe thực tế”.

**Câu 20.**Lập trường của phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Pari ?

A. Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam.

B. Mĩ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

C. Mĩ phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 21.**Hội nghị Pari quy định khi nào hai bên sẽ thực hiện ngừng bắn ở miền Nam ?

A. 24 giờ ngày 21 - 7 - 1973.

B. 24 giờ ngày 27- 1 - 1973.

C. 24 giờ ngày 27- 11 - 1973.

D. 24 giờ ngày 27 - 2 - 1973.

**Câu 22.**Quyền dân tộc cơ bản được, khẳng định trong Hiệp định Pari năm 1973 là gì?

A. Độc lập, chủ quyền. B. Chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

C. Thống nhất. D. Buộc Mĩ phải rút quân khỏi nước ta.

**Câu 23.** Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pari năm 1973 ?

A. Hiệp định đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

B. Hiệp định đã khẳng định thắng lợi to lớn của cách mạng ba nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

C. Hiệp định đã tạo ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc.

D. Làm thay đổi cục diện trên chiến trường Đông Dương.

**Câu 24.**Hiệp định Pari có gì khác so với Hiệp định Giơnevơ ?

A. Hiệp định Giơnevơ là hiệp định về Đông Dương, hiệp định Pari là hiệp định về Việt Nam.

B. Thời hạn rút quân được quy định trong hiệp định Pari ngắn hơn so với hiệp định Giơnevơ.

C. Việc tập kết quân được quy định trong Hiệp định Pari không tập kết thành hai vùng hoàn chỉnh như ở Hiệp định Giơnevơ.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 25.** Điểm giống nhau giữa Hiệp định Pari và Hiệp định Giơnevơ?

A. Cả hai hiệp định đều là kết quả thuần túy của cuộc chiến tranh chính trị, ngoại giao.

B. Cả hai hiệp định đều do các nước lớn chủ động mở để bàn về việc chấm dứt chiến tranh của các nước đế quốc ở Việt Nam.

C. Cả hai hiệp định đều là hiệp định hòa hoãn, là cơ sở pháp lý để ta tiếp tục đấu tranh.

D. Cả hai hiệp định đều do kẻ thù chủ động mở ra để đàm phán với ta.

**Câu 26.**Hiệp định Pari thừa nhận điều gì ?

A. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 2 vùng kiểm soát.

B. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 2 vùng kiểm soát.

C. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

D. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

**Câu 27.** Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pari, điều khoản, nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vả công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 28.** Điểm khác nhau giữa "Chiến tranh đặc biệt" và "Việt Nam hoá chiến tranh" là:

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

B. Có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.

C. Dưới sự chỉ huy của một hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

D. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu.

**Câu 29.** Để quân đội Sài Gòn có thể tự đứng vững, tự gánh vác lây chiên tranh, Mĩ đã:

A. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân đội Sài Gòn đẩy mạnh chính sách "bình định".

B. Tăng đầu tư vốn, kĩ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.

C. Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội tay sai tăng số lượng và trang bị hiện đại.

D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.

**Câu 30.** Ngày 6 - 6 - 1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta:

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đến Hội nghị Pa-ri.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời.

**Câu 31.** Thắng lợi của quân dân ta phối hợp với quân dân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn - 719" tại đường 9 Nam Lào đã:

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng ở Đông Dương.

B. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mĩ và tay sai.

C. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên địch, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.

D. Kết thúc sự can thiệp của Mĩ ở miền Nam.

**Câu 32.**Cuộc tiến công chiến lược 1972, diễn ra trong thời gian:

A. Từ tháng 3 - 1972 đến cuối tháng 5 -1972.

B. Từ tháng 3 - 1972 đến cuối tháng 6 -1972.

C. Từ tháng 5 - 1972 đến cuối tháng 6 -1972.

D.Từ tháng 4 - 1972 đến cuối tháng 6 - 1972.

**Câu 33.** Ý nghĩa nào dưới đây không nằm trong thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược 1972?

A. Mở ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân ngụy và quốc sách "bình định" của "Việt Nam hoá" chiến tranh.

C. Buộc Mĩ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh.

**Câu 34.** Ních-xơn đã tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai vào thời gian nào?

A. Ngày 6 - 4 - 1972.        B. Ngày 30 - 3 - 1972.

C. Ngày 9 - 5 - 1972.        D. Ngày 16 - 4 - 1972.

**Câu 35.**Tập đoàn Ních-Xơn thực hiện cuộc Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai nhằm:

A. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pa-ri.

B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

**Câu 36.** Quân dân ta đã bắn rơi 735 máy bay, bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên giặc lái. Đó là kết quả của sự kiện lịch sử:

A. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.

B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ra miền Bắc.

D Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

**Câu 37.** Cuộc tập kết bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra.

A. Từ 12 - 8 - 1972 đến 29 - 12 - 1972.

B. Tư 18 -12 - 1972 đến 29 - 12 - 1972.

C. Từ 8 – 12 – 1972 đến 20 – 12 – 1972.

D. Từ 8 - 12 - 1972 đến 20 - 12 - 1972.

**Câu 38.** Hãy xác định nội dung cơ bản của Hiệp định Pari:

A. Hoa kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.

C. Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự do quyết định tương lai chính trị của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 39.**Hãy điền vào chỗ trống sau đây:

      "Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của ... "

A. Quân dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ.

B. Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của quân đội Mĩ.

C. Quân dân ta trên cả hai miền đất nước.

D. Quân dân miền Nam trong cuộc Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

**Câu 40.** Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa - ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước như thế nào?

A. Đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "đánh cho ngụy nhào".

**Câu 41.**Chiến lược "Chiến tranh cục bộ", được sử dụng theo công thức nào ?

A. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu cùng vũ khí và trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

B. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới tiến hành bằng quân Mĩ là chủ yếu + quân đội Sài Gòn cùng vũ khí và trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

C. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn cùng trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân Đồng minh cùng trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

**Câu 42.** Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" có điểm gì khác cơ bản so với "Chiến tranh đặc biệt" ?

A. Lực lượng quân đội Sài Gòn giữ vai trò quan trọng.

B. Lực lượng quân đội Mĩ giữ vai trò quan trọng nhất.

c. Sử dụng trang thiết bị, vũ khí của Mĩ.

D. Lực lượng quân đội Mĩ và quân Đồng minh giữ vai trò quyết định.

**Câu 43.** Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân Đồng minh và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mi.

C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

D. Lập ấp chiến lược để cô lập lực lượng cách mạng.

**Câu 44.**Trận Vạn Tường (Quảng Ngãi) diễn ra vào thời điểm :

A. Ngày 16 - 8 – 1965.

B. Ngày 18 - 8 – 1965.

C. Ngày 18 - 6 – 1965.

D. Ngày 16 – 5 - 1965.

**Câu 45.** Mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt" trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?

A. Trận Ấp Bắc (Cai Lậy - Mĩ Tho, 2 - 1 - 1963).

B. Mùa khô 1965 – 1966.

C. Trận Vạn Tường (Quảng Ngãi, 18 - 8 - 1965).

D. Mùa khô 1966 – 1967.

**Câu 46.**Cuộc hành quân nào của quân đội viễn chinh Mĩ nhằm mục đích tìm kiếm một thắng lợi quân sự để gây thanh thế cho lính thủy đánh bộ Mĩ?

A. Cuộc hành quân của Mĩ tấn công Vạn Tường - Quảng (18 - 8 - 1965).

B. Cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966.

C. Cuộc phản công mùa khô 1966 - 1967.

D. Cuộc hành quân Gian-Xơn Xi-ty đánh vào căn cử Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh).

**Câu 47.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là:

A. Chiến thắng Vạn Tường được coi như là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ.

B. có vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.

C. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.

D. Nâng cao uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

**Câu 48.** Nguyên nhân chủ yếu ta mở cuộc Tổng tiến công và nối dậy Tết Mậu Thân (1968) là:

A. Do so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

B. Do tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Mĩ gặp nhiều khó khăn.

C. Do phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân thế giới lên cao.

D. Do tinh thần chiến đấu của binh lính Mĩ giảm sút.

**Câu 49.** Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968, tác động mạnh nhất đến nhân dân Mĩ?

A. Trận Vạn Tường (18 - 8 - 1965).

B. Chiến thắng mùa khô (1965 - 1966).

C. Chiến tháng mùa khô (1966 - 1967).

D. Tổng tiến công tết Mậu Thân (1968).

**Câu 50.** Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm:

A. "Trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plâycu.

B. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

**Câu 51.** Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?

A. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.

B. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn.

D. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam.

**Câu 52.**Câu nói "Không có gì quý hơn độc lập tự do" được Bác Hồ nói trong thời gian nào?

A. Hội nghị Chính trị đặc biệt (3 - 1964).

B. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 (12 - 1965).

C. Lời kêu gọi kháng chiến chống Mĩ (17 - 7 - 1966).

D. Kì họp thứ hai Quốc hội khoá III (4 - 1965).

**Câu 53.** Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

A. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

C. Bảo vệ miền Bắc.

D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn.

**Câu 54.** Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ đã có tác dụng như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta?

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Buộc Mĩ phải rút quân Mĩ và quân Chư hầu của Mĩ về nước.

C. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.

D. Buộc Mĩ phải chấp nhận ký kết hiệp định Pa-ri.

**Câu 55.** Lực lượng nào chủ yếu để tiến hành chiến tranh trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"?

A. Quân đội Mĩ, và quân đội Đông Dương.

B. Quân đội Sài Gòn.

C. Quân đội Mĩ và đồng minh.

D. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 56.**Âm mưu cơ bản của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Rút dần quân Mĩ về nước.

B. Tận dụng xương máu người Đông Dương.

C. Đề cao học thuyết Ních-Xơn.

D. "Dùng người Việt đánh người Việt".

**Câu 57.** Trong hai ngày 24, 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích:

A. Ra quyết tâm cùng kháng chiến chống Mĩ.

B. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của ba nước Đông Dương.

D. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 58.** Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn -719" (từ ngày 12 đến 23 - 3 - 1971) có sự phối hợp của quân đội các nước:

A. Quân đội Việt Nam, quân dân Lào.

B. Quân đội Việt Nam, quân dân Campuchia.

C. Quân đội Việt Nam, Lào, Campuchia.

D. Quân dân Lào, Campuchia.

**Câu 59.**Nguyên nhân nào cơ bản nhất để ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Ta giành thắng lợi trên các mặt trận quân sự mở, chính trị, ngoại giao trong 3 năm 1969, 1970,1971.

B. Nước Mĩ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua cuộc bầu cử Tống thống.

C. Địch chủ quan do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta.

D. Chính quyền Sài Gòn gặp nhiều khó khăn.

**Câu 60.**Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược và thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự, trong ba năm 1969,1970,1971.

B. Sau đòn tấn công bất ngờ, choáng váng của ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972 (mở đầu 30 - 3 - 1972).

C. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pa-ri.

D. Do thắng lợi của nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến phá hoại lần nhất, tiếp tục chi viện không ngừng cho miền Nam.

**Câu 61.**Ý nghĩa lịch sử nào là cơ bản nhất của cuộc tiến công chiến 1972?

A. Đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân ta.

B. Đã giáng một đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

C. Đã giáng một đòn nặng nề vào quân đội Sài Gòn (công cụ chủ yếu) của Mĩ.

D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

**Câu 62.**Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận "Điện Biên Phủ trên không" là:

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Campuchia.

D. Buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.

**BÀI 23**

**KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 -1975)**

**Câu 1.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong bối cảnh

A. “Việt Nam hóa chiến tranh” đã phá sản hoàn toàn.

B. Mỹ tăng cường thêm viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

C. Cuối năm 1974 đầu 1975, so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.

D. Quân đội Sài Gòn đang “lấn chiếm”, “tràn ngập lãnh thổ” vùng giải phóng.

**Câu 2.** “Cần tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân v.v.., giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh”, là chủ trương của Bộ Chính trị trong

A. Kế hoạch giải phóng miền Nam hai năm 1975-1976.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân.

C. Chiến dịch Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 3.** Chiến thắng nào sau đây là cơ sở để Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 – 1976?

A. Chiến thắng trận “Điện Biên Phủ trên không”.

B. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).

C. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).

D. Chiến thắng Đường 14- Phước Long.

**Câu 4**. Cho các sư kiện:

1. Chiến dịch Tây Nguyên. 2. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

3. Chiến thắng Phước Long. 4. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian.

A. 2, 1, 3, 4.

B. 3, 1, 2, 4.

C. 1, 3, 2, 4.

D. 2, 1, 3, 4.

**Câu 5.** Chiến dịch mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

A. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Tây nguyên.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 6.** Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975 vì

A. Tây Nguyên là “nóc nhà của Đông Dương”.

B. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng mà địch sơ hở.

C. Địa bàn Tây Nguyên thuận lợi cho tác chiến của ta.

D. Tây Nguyên gần hậu phương của ta.

**Câu 7.** Trận then chốt mở màn cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở

A. Đường số 14 – Phước Long. B. Kon Tum.

C. Buôn Ma Thuột. D. Plâyku.

**Câu 8.** Ý nghĩa lớn nhất của Chiến dich Tây Nguyên là

A. Mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt” trên khắp miền Nam.

B. Thắng lợi lớn nhất của nhân dân ta trong kháng chiến chống Mĩ.

C. Khiến quân địch hoang mang, mất hết khả năng chiến đấu.

D. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

**Câu 9.** Để chuẩn bị tấn công Buôn Mê Thuột, quân ta đánh nghi binh ở

A. Thị xã Phước Long. B. Plâyku, Kom Tum.

C. Gia Nghĩa, An Lộc. D. Đức Trọng, Gia Nghĩa.

**Câu 10:** Mốc mở đầu và kết thúc của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

**A.** Từ 4-3 đến 30-4-1975. **B.** Từ 9-4 đến 30-4-1975.

**C.** Từ 26-4 đến 02-5-1975. **D.** Từ 4-3 đến 02-5-1975.

**Câu 11.“**Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phỏng miền Nam”. Đó là nhận định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng sau thắng lợi của

A. Chiến dịch đường số 14 – Phước Long.

B. Trận Buôn Mê Thuột.

C. Chiến dịch Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà nẵng.

**Câu 12.** “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa” là quyết định của Bộ Chính trị trước chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

B. Chiến dịch Tây nguyên.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 13**. Căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào ngày 21/4/1975 là

A. Phan Rang B. Xuân Lộc.

C. Phước Long. D. Bình Phước.

**Câu 14**. Nội dung nào dưới đây **không đúng** với ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ?

A. Là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

B. Là thắng lợi có ý nghĩa quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc.

C. Mở ra bước ngoặt mới trong sự phát triển của lịch sử dân tộc.

D. Làm phá sản chiến lược toàn cầu của Mỹ.

**Câu 15:** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng, mốc mở đầu và kết thúc

**A.** Từ 4-3 đến 28-3-1975. **B.** Từ 4-3 đến 29-3-1975.

**C.** Từ 21-3 đến 29-3-1975 **D.** Từ 19-3 đến 28-3-1975.

**Câu 16:** Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, mốc mở đầu và kết thúc

**A.** Từ 26-4 đến 02-5-1975. **B.** Từ 19-3 đến 02-5-1975.

**C.** Từ 26-4 đến 30-4-1975. **D.** Từ 4-3 đến 30-4-1975.

**Câu 17:** Nguyên nhân quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là:

**A.** Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

**B.** Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

**C.** Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

**D.** Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 18:** **Đâu không phải là ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?**

A. Chấm dứt ách thống trị của thực dân – đế quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

B. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. “Mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người…”

**Câu 19: Sự kiện nào tác động đến Hội nghị Bộ chính trị (từ 18/12/1974 đến 9/1/1975) để Hội nghị *quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975?***

A. Chiến thắng Buôn Ma Thuột B. Chiến thắng Tây Nguyên

C. Chiến thắng Quảng trị D. Chiến thắng Ph­ước Long và đ­ường số 14

***Câu 20.* Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 đã chuyển cuộc *tiến công chiến l­ược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?***

A. Chiến thắng Phư­ớc Long B. Chiến thắng Tây Nguyên

C. Chiến thắng Huế - Đà Nẵng D. Chiến thắng Quảng Trị

**Câu 21. Cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên ta còn mở chiến dịch đánh địch ở đâu?**

A. Ở Phư­ớc Long B. Ở Quảng Trị C. Ở Huế - Đà Nẵng D. Ở Nha Trang

**Câu 22. Năm đời tổng thống Mĩ thực hiện chiến tranh xâm l­ược Việt Nam, đời tổng thống nào *nắm lấy thất bại cuối cùng, đau đớn nhất?***

A. Ai-xen-hao B. Giôn-xơn C. Ních-xơn D. Pho

**Câu 24. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên?**

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. Làm cho tinh thần địch hoảng hốt, mất khả năng chiến đấu.

C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến l­ược trên toàn miền Nam.

D. Đó là thắng lợi lớn nhất oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu n­ước của nhân dân ta.

**Câu 25. *Ý nghĩa lớn nhất* trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu n­ước của nhân dân ta là gì?**

A. Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của CNĐQ trên đất n­ước ta, rửa sạch nỗi nhục và nỗi đau mất n­ước hơn một thế kỷ

B. Mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử Việt Nam: cả n­ước độc lập thống nhất cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới.

D. Câu A và B là ý nghĩa lớn nhất.

**Câu 26. Nguyên nhân nào *có tính chất quyết định* đ­i tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu n­ước?**

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nư­ớc nồng nàn

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các n­ước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nư­ớc Đông Dư­ơng.

**Câu 27: Sau thất bại chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch lùi về phòng thủ ở đâu?**

A. Ở Cam Ranh B. Ở Nha rang C. Ở Phan Rang D. Ở Xuân Lộc.

**Câu 28: “ Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa…”Đó là Nghị quyết nào của Đảng ta?**

A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng(7-1973)

B. Hội nghị Bộ chính trị (30-9 đến 7-10-1974).

C. Hội nghị Bộ chính trị mở rộng họp từ 8-12-1974 đến 8-01-1975

D. Nghị quyết của Bộ chính trị ngày 25-03-1975.

**Câu 29: Trước khi đánh Buôn Mê Thuột quân ta đánh nghi binh ở Plâyku và Kon Tum nhằm mục đích gì?**

A. Tạo thế bất ngờ. B. Thu hút quân địch về hướng đó để tiêu diệt.

C. Phân tán lực lượng địch. D. Làm cho địch rối loạn, rút chạy.

**Câu 30:** **Ngày 4-3-1975 là mốc thời gian mở đầu của chiến dịch nào?**

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẳng.

C. Chiến dịch giải phóng Phước Long. D. Chiến dịch Tây Nguyên

**Câu 31:** **Quân ta đánh địch ở thành phố Huế bằng cách nào**?

A. Đánh thọc sâu rồi bao vây. B. Bao vây địch trong thành phố.

C. Đánh thẳng vào căn cứ địch. D. Tiêu diệt địch ở vòng ngoài

**Câu 32:** **Ngày 29- 3- 1975 là ngày giải phóng thành phố nào?**

A. Thành phố Huế. B. Thành phố Sài Gòn.

C. Thành phố Đà Nẵng. D. Phan Rang.

**Câu 33:** **Sau chiến thắng Đường 14 - Phước Long của ta, thái độ của đế quốc Mỹ như thế nào?**

A. Thúc giục chính quyền Sài Gòn đưa quân đi chiếm lại

B. Phản ứng mạnh. C. Phản ứng yếu ớt, dùng áp lực đe dọa từ xa

D.Dùng áp lực trực tiếp đe dọa.

**Câu 34:** **Hội nghị lần thứ 21 của Đảng(7/1973) đã xác định kẻ thù của cách mạng miền Nam vẫn là**

A. đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu. B. đế quốc Mỹ.

C. tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu. D. đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn

**Câu 35: Xuân Lộc, một căn cứ trọng điểm của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, đã bị thất thủ vào thời gian nào?**

A. 9-4-1975 B. 21-4-1975 C. 16-4-1975 D. 17-4-1975.

**CÂU 36: Ngày 24-3-1975 ta đã giải phóng được:**

A. Tam Kỳ. B. Quãng Ngãi C. Đà Nẵng. D. Chu Lai

**Câu 37:** **Căn cứ vào đâu mà Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?**

A. Vị trí chiến lược của Tây Nguyên và bố phòng của địch B. Vị trí chiến lược của Tây Nguyên

C. Bố phòng của địch. D. Lực lượng và bố phòng của địch.

***Câu 37:***  Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Chia cắt, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của đối phương.

B. Tập trung lực lượng, bao vây, tổ chức tiến công hợp đồng binh chủng.

C. Từng bước xiết chặt vòng vây, kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.

D. Bao vây, đánh lấn, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng

***Câu 38:*** Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, nhưng tại sao địch lại chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở?

A. Do lực lượng không đủ bố trí toàn miền Nam.

B. Do nhận định sai hướng tiến công của quân dân ta.

C. Do bất ngờ, chưa kịp chuẩn bị.

D. Do chủ quan cho rằng Tây Nguyên là một pháo đài không thể công phá.

**BÀI 24**

**VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI**

**CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC 1975**

**Câu 22**: Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã đề ra nhiệm vụ

A. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

**Câu 23**: Tên nước Cộng hoà xã hội chủ ngĩa Việt Nam được thông qua tại

A. Kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI nước Việt Nam thống nhất (7/1976)

B. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (4/1976).

C. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước (11/1975).

D. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng (9/1975).

**Câu 24**: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là

A. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

B. Xây dựng cở sở vật chất – kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với bên ngoài.

**Câu 25**: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là

A. Đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. Tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

D. Tạo điều kiện thống nhất các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

**Câu 26**: Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

A. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.

B. Nhân dân phấn khởi với thắng lợi vừa giành được.

C. Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ ta.

D. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

**Câu 27**: Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

A. Số người mù chữ, thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.

B. Phản động trong nước.

C. Kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

**Câu 28:** Kì họp đầu tiên Quốc hội khoá VI, **không** quyết định vấn đề nào sau đây?

A. Tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Thành lập chính quyền mới ở Sài Gòn.

C. Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng.

D. Quốc ca là bài Tiến quân ca.

**Câu 29:** cho các dữ liệu sau:

1. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

2. Quốc hội khoá VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

3. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn.

4. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sắp xếp các dữ liệu trên theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

A. 4,3,1,2. B. 3,1,2,4.

c. 1,2,3,4. D. 2,4,1,3.

**Câu 30:** Đến ngày 20/9/1977, nước ta trở thành thành viên thứ mấy của Liên Hợp Quốc?

A. 147. B. 148. C. 149. D. 150.

**BÀI 26**

**ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH (1986 – 2000)**

**Câu 1: Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975, cách mạng miền Bắc gặp khó khăn gì?**

A. Cách mạng XHCN chưa thành công B. Kĩ thuật lạc hậu

C. Phải chi viện cho miền Nam D. Bị chiến tranh tàn phá nặng nề

**Câu 2: Đặc điểm nào sao đây nói về những thuận lợi của miền Nam sau đại thắng mùa xuân năm 1975:**

A. Hoàn toàn giải phóng B. Sự chi viện của miền Bắc

B. Điều kiện tự nhiên thuận lợi D. Kinh tế tương đối phát triển

**Câu 3: Đặc điểm nào sao đây nói về những thuận lợi của miền Nam sau đại thắng mùa xuân năm 1975:**

A. Chế độ thực dân mới của Mĩ sụp đổ B. Kinh tế phát triển theo hướng TBCN

C. Mĩ rút toàn bộ người Mĩ về nước D. Cả A và B đúng.

**Câu 4: Sau đại thắng mùa xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước ta là gì ?**

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và khôi phục kinh tế B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam

C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước

**Câu 5: Thuận lợi cơ bản nhất của nước ta sau năm 1975 là:**

A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được B. Miền bắc hoàn thành cách mạng XHCN

C. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng D. Đất nước được độc lập, thống nhất

**Câu 6: Khó khăn cơ bản nhất của nước ta sau đại thắng mùa xuân năm 1975 là:**

A. Hàng triệu người thất nghiệp, mù chữ B. Bọn phản động trong nước vẫn còn

C. Hậu quả chiến tranh và di hại của xã hội cũ còn tồn tại D. Kinh tế phát triển mất cân đối, lệ thuộc

**Câu 7: Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau năm 1975 là gì?**

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa

B. Hàn gắn vết thương chiến tranh

C. Tiếp tục là nhiệm vụ hậu phương lớn cho miền Nam

D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia

**Câu 8: Vì sao sau năm 1975, đất nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?**

A. Vì ở hai miền tồn tại hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau B. ở hai miền tồn tại mâu thuẫn với nhau

C. Vì ở hai miền tồn tại hình thức tổ chức xã hội khác nhau D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 9: Nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt Nhà nước được đề ra tại Hội nghị nào?**

A. Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 15 B. Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 21

C. Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 24 D. Hội nghị hiệp thương chính trị hai miền

**Câu 10: Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp từ ngày 15 đến 21/11/1975 đã thống nhất vấn đề gì?**

A. Mục đích thống nhất đất nước về mặt Nhà nước B. Chủ trương, biện pháp thống nhất

C. Người lãnh đạo quá trình thống nhất D. Đường lối thống nhát

**Câu 11: Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (15 đến 21/11/1975) được tổ chức tại:**

A. Sài Gòn B. Đà Nẵng C. Huế D. Hà Nội

**Câu 12: Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành với sự tham gia của bao nhiêu cử tri?**

A. 13 triệu B. 19 triệu C. 23 triệu D. 32 triệu

**Câu 13: Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (25/4/1976) đã bầu được số đại biểu là:**

A. 294 đại biểu B. 194 đại biểu C. 394 đại biểu D. 492 đại biểu

**Câu 14: Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên vào:**

A. Từ 24/6 đến 3/7/1976 B. Từ 25/4 đến 3/7/1976 C. Từ 26/4 đến 3/7/1976

**Câu 15: Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?**

A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân

B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác

C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên CNXH

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 16: Thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh tại kì họp nào?**

A. Hội nghị Hiệp thương chính trị hai miền B. Quốc hội khóa VI

C. Đại hội Đảng lần thứ VI D. Hội nghị lần thứ 24 của BCH TW Đảng

**Câu 17: Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất đã thông qua vấn đề gì?**

A. Chính sách đối nội, đối ngoại B. Quyết định Quốc huy, Quốc hiệu, Quốc kì

C. Bầu Ban Dự thảo Hiến Pháp D. Tất cả các nội dung trên.

**Câu 18: Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định Đảng ta phải tiến hành công cuộc đổi mới đất nước là:**

A. Đất nước lâm vào khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội

B. Cuộc khủng hoảng của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu

C. Sự phát triển của cách mạng Khoa học kĩ thuật

D. Những thay đổi của tình hình thế giới và mối quan hệ giữa các nước

**Câu 19: Mục tiêu của công cuộc đổi mới ở nước ta là:**

A. Xây dựng thành công CNXH B. Xóa bỏ những di hại của chế độ cũ

C. Khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đi lên CNXH

D. làm cho CNXH ngày càng tốt đẹp hơn

**Câu 20: Mục tiêu Ba chương trình kinh tế “ lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu “ được đề ra tại đại hội Đảng nào ?**

A. Đại hội IV. B. Đại hội V C. Đại hội VI D. Đại hội VII

**Câu 21: Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là gì ?**

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước

**Câu 22: Trọng tâm của công cuộc đổi mới ở nước ta là;**

A. Đổi mới đồng bộ, toàn diện B, Đổi mới về chính trị

C. Đổi mới về kinh tế D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 23: Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào cho đúng?**

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu XHCN B. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN

C. Đổi mới để làm cho mục tiêu XHCN được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn.

D. Cả B và C đều đúng

**Câu 24: trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào là quan trọng nhất?** A. Phát triển kinh tế đối ngoại B. Thực hiện được ba chương trình kinh tế

C. Kiềm chế được lạm phát D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng

**Câu 25: trong số ba chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986-1990), chương trình nào phải được ưu tiên hàng đầu?**

A. Lương thực – thực phẩm C. Hàng xuất khẩu

C. Hàng tiêu dùng D. lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng

-HẾT-